

15 THÁNG 5 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ơ I . Đ Ạ I

năm mười một

NGUYỄN HIỂN LÊ *một hiện tượng mới* ; loại địa
phương chí * CUNG GIỮ NGUYÊN *ý-niệm quốc gia*
trong thời-đại mới * HỒ HỮU TƯỜNG *phục hồi họ*
Việt * NGUYỄN VĂN XUÂN *vài nét về người Miền*
Nam thời Tây - sơn trong văn chương Miền Bắc *
NGUYỄN TRỌNG VĂN *việc giảng dạy Triết-học tại*
Việt-Nam * ĐÀO ĐĂNG VỸ *sức mạnh của tinh-thần bất*
bạo động * VIỆT PHƯƠNG *Konrad Adenauer người*
tái tạo Tây Đức * LÊ PHƯƠNG CHI *kịch tác gia Vũ-*
Khắc Khoan * TỪ TRÌ *thế giới trong những tuần qua* *
TRẦN ĐẠI *trại công tác cuối tuần* * ĐỖ TIẾN
ĐỨC *má hồng* , **SINH HOẠT** *Tin khoa học* , *Đọc*
sách giúp bạn , *Đọc báo giúp bạn* * *Tương - lai*
văn hóa Việt - Nam * *một*
thắc mắc đã được giải
đáp , *thời sự văn nghệ*

249



CROISSANCE



**CALCITHÉRAPIE
GÉNÉRALE**

RACHITISME
DEMINERALISATION
TROUBLES DE LA CROISSANCE
GROSSESSE — ALLAITEMENT
FRACTURES

CALCIGÉNOL

du DOCTEUR PINARD



CALCIGÉNOL

VITAMINÉ

du DOCTEUR PINARD



en flacons de 300 cm³

Distributeur : UFFARMA CONG-TY

20 A, BEN BACH-DANG — SAIGON

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 249 ngày 15 - 5 - 1967

NGUYỄN HIỂN LÊ <i>một hiện tượng mới : loại địa-phương-chí</i>	3
CUNG GIỮ NGUYÊN <i>ý - niệm quốc - gia trong thời-đại mới</i>	6
HỒ HỮU TƯỜNG <i>phục hồi họ Việt</i>	11
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>vài nét về người Miền Nam thời Tây sơn trong văn chương Miền Bắc.</i>	15
NGUYỄN TRỌNG VĂN <i>việc giảng dạy Triết học tại Việt - Nam</i>	23
ĐÀO ĐĂNG VỸ <i>sức mạnh của tinh-thần bất bạo-động</i>	31
VIỆT PHƯƠNG <i>Konrad Adenauer, người tái tạo Tây-Đức</i>	37
LÊ PHƯƠNG CHI <i>nếp sống hôm nay của các các văn nghệ sĩ :</i>	42
<i>kịch tác gia Vũ khắc Khoan</i>	48
ĐỖ TIẾN ĐỨC <i>má hồng (truyện dài)</i>	58
TỪ TRÌ <i>thế giới trong những tuần qua</i>	
TRẦN ĐẠI <i>trại công tác cuối tuần (truyện ngắn)</i>	64
ĐOÀN QUỲNH NHƯ, VÕ HỒNG NGỰ <i>đọc sách giúp bạn :</i>	
<i>Một cái chết rất dịu dàng ; Natasha (câu chuyện mùa đông) ; Con tê giác.</i>	75
NGỌC VÂN <i>cái chết của Komarov ; Surveyor 3</i>	79
VIỆT PHƯƠNG, ÁNH TUYẾT, TỪ TRÌ... <i>đọc báo giúp bạn : Đàm thoại với Djilas; Mihajlov ra tòa lần thứ 3 ; Con gái nhà độc tài chọn tự do.</i>	82
SINH HOẠT	
NGÊ BÁ LÍ <i>tương lai văn hóa Việt Nam</i>	88
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	91

SÁCH BAO MỌI

— **Việt-Nam văn-minh sử cương** của Lê-văn-Siêu, do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 164 trang, biên khảo công phu, bản đặc biệt không để giá.

— **Nói về Miền-Nam** của Sơn Nam do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 100 trang, gồm 5 tiểu luận. Giá 45.đ

— **Kiếp người** nguyên tác "Of Human Bondage" của W. Somerset Maugham, Nguyễn-Hiến Lê dịch theo bản rút ngắn của nhà xuất bản Cardinal. Sách dày 380 trang do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Giá 120.đ

— **Bắt trẻ đồng xanh** nguyên tác "The Catcher in the Rye" của J.D. Salinger, bản dịch của Phùng-Khánh, do Thanh Hiên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 226 trang. Giá 100.đ

— **Tao-dàn thi nhân** Số ra mắt, tuần báo thuần túy thi ca, do thi sĩ. Đinh Hùng, chủ nhiệm kiêm chủ bút và thi sĩ, Phở Đức, thư ký tòa soạn, với sự cộng tác của một số đồng đảo các nhà thơ khác Tòa soạn Trị sự 40 Nguyễn An Ninh Saigon. Mỗi số khổ 22x30 dày 32 trang, giá 10.đ

— **Cửa ngõ số 1.**, đặc-chí văn nghệ của những người viết trẻ, phát hành tháng 5-1967. Mỗi số khổ 21x27, in ronéro 2 mặt, dày 40 trang, giá 10.đ Địa chỉ liên

lạc Tổng Đức Thịnh, 130 Trưng nữ-vương Đà Nẵng.

— **Đường lối văn-nghệ dân tộc** của cô Thanh Ngôn do nhóm Gió Đông xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 130 trang, ngoài phần chính gồm 8 chương, còn phần phụ về: Françoise Sagan, một hình thái văn chương phản dân tộc. Giá 45 đ

— **Nụ cười nước mắt học trò** tập truyện của Bình nguyên Lộc, do Trương-Gia xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 132 trang gồm 10 truyện ngắn, giá 60 đ

— **Nghiên cứu Việt-Nam** số 1 xuân 1966, tái bản và số 4 Đông 1966, tập khảo văn-hóa dân tộc, hội sống ngày nay, do Giáo sư Lê văn Hảo chủ trương biên tập Báo in ronéo 2 mặt, khổ 21x27 dày 50 trang, gồm nhiều bài biên khảo công phu. Mỗi số giá 40 đ có bán tại Đại học Văn khoa Huế và Saigon

Trường ca Việt Nam tập thơ của Chu Vương Miện do Thái — Độ ấn hành và gửi tặng. Sách in ronéo, khổ 22x27, gồm 8 phiên khúc do Thế-Uyên đề tựa dày 28 trang.

Học báo Tự-Học Anh-Ngữ luyện thi Tú Tài, bằng Cambridge do nhóm giáo sư biên soạn, nhà ABC xuất bản và gửi tặng. Mỗi số khổ 15x21, dày 62 trang giá 16đ.

oOo

DÃ PHÁT HÀNH

BỀ TRÁI và BỀ MẶT tiểu-luận của Albert Camus. Trần Thiện Đạo phiên dịch và chú giải. Giao Điểm xuất bản.

Chủ nhiệm : **LÊ - NGỘ - CHÂU**
Tòa - soạn.
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 Saigon

SẮP PHÁT HÀNH :

TRIẾT HỌC HIỆN SINH của (Trần Thái Đình Thời Mỳ). xuất bản

In tại nhà in **TƯƠNG-LAI**
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ : 20 \$ - Công sở : Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

MỘT HIỆN-TƯỢNG MỚI : Loại Địa-phương-chí

Trong khoảng hai chục năm nay, tôi thấy trên văn đàn đã xuất hiện bốn phong trào :

— Năm 1946-1948 một số nhà cầm bút vì lẽ này hay lẽ khác, không tích cực kháng chiến ở hậu phương nữa, về thành chép lại các cuộc vận động cách mạng chống Pháp thời trước để giải tỏa niềm sầu tủi của mình và của một số đồng đồng bào trong vùng bị chiếm, và ta thấy xuất hiện một loạt những cuốn như Nam Bộ kháng chiến, Bãi Sậy, Đền Thám, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Phong trào Đông Du... Phong trào ái quốc đó thịnh được vài năm ;

— Qua năm 1949 — 1950, nhà văn Phạm Văn Tươi cho ra ba loại sách « Học làm người, Doanh nghiệp, Học và Hiểu » để luyện một tinh thần mới cho thanh niên. Và được độc giả hoan nghênh. Phong trào này mà tôi đã phân tích sự phát triển trong báo Bách Khoa số Tân Niên vừa rồi, có thể gọi là phong trào dự bị đề kiến quốc ;

— Sau Hiệp định Genève, khi Pháp rút lui mà nhường địa vị cho Mỹ, thì

chính trị và văn chương Mỹ được một số người đem phổ biến để thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu của độc giả. Trước sau có được độ ba bốn chục cuốn, hầu hết là dịch một cách vội vàng, cho nên không gây được ảnh hưởng lớn. Lại thêm giá sách thường rẻ quá, nên độc giả cũng hơi nghi ngờ. Tuy nhiên cũng có thể gọi là một phong trào được vì loại sách đó đã đều đều xuất hiện trong bốn năm, vào khoảng 1957 — 1960 ;

— Tiếp theo là phong trào « hiện sinh », thịnh nhất trong mấy năm gần đây. Mới đầu một số học giả giới thiệu triết thuyết hiện sinh của Pháp, Đức, rồi một số nhà văn dịch những truyện của Sartre, Camus và Françoise Sagan, một nữ sĩ trong đợt sống mới, có một thái độ về nhân sinh hơi giống các đồ đệ của Sartre. Phần bi quan, phản kháng trong triết thuyết đó rất hợp với tâm trạng thanh niên trong những năm trước và sau cuộc đảo chánh 1-11-63, cho nên phong trào được tiếp đón nồng nhiệt và ảnh hưởng khá sâu tới thơ và tiểu thuyết. Lúc này đây nó vẫn còn tiếp tục, nhưng đã kém rầm rộ, và chúng ta chưa thể biết chắc

được phong trào kế tiếp nó sẽ ra sao. Còn tùy ở chiến tranh này.

Nhưng xét tình hình xuất bản trong năm 1966 tôi cũng đã nhận thấy vài dấu hiệu :

— Các nhà văn không chuyên dịch tác phẩm của Mỹ như bảy tám năm trước, hoặc tác phẩm của Pháp như vài năm gần đây mà đã bắt đầu dịch những tác phẩm của Đức, Áo, Nhật, Ý...

— lạ lùng nhất là chỉ trong vài năm, đã xuất hiện sáu bảy cuốn địa phương chí:

Trước hết là một cuốn về Quảng Nam, Quảng Ngãi (tôi quên mất nhan đề) rồi tới những cuốn *Cao lãnh* của ông Trần Quang Đạo, *Địa linh nhân kiệt, Bến Tre xưa và nay* của ông Huỳnh Minh (1965); *Non nước Phú Yên* của ông Nguyễn Đình Tư, *Cần Thơ xưa và nay, Bạc Liêu xưa và nay* của ông Huỳnh Minh, *Tân Châu (1870-1964)* của ông Nguyễn Văn Kiềm, bốn cuốn này đều xuất bản trong năm 1966.

Loại địa phương chí là loại rất ít người viết. Trước năm 1965, chúng ta có được ít cuốn du ký như *Hồ Ba Bè*, nhiều bài du ký về Huế, Hà Tiên, Lạng Sơn . . . , Vài cuốn biên khảo về di tích ở Huế (*Cố đô Huế*), Sài-gòn (*Sài-gòn năm xưa*), một cuốn nửa du ký nửa biên khảo, cuốn *Bảy ngày trong đồng Tháp Mười*, nhưng về địa phương chí tôi chưa thấy cuốn nào cả, ngoài những tập mà các viên tỉnh trưởng (thời Pháp thuộc và thời độc lập) sai nhân viên viết để dùng làm tài liệu, chứ không phải để phổ biến.

Vậy mà đột nhiên, trong vài năm nay, đồng thời ở Nam và ở Trung, xuất hiện sáu bảy cuốn địa phương chí như vậy,

chờ nên tôi phải ngạc nhiên và coi đó là một hiện tượng mới.

Đặc biệt là các ông Nguyễn Đình Tư và Huỳnh Minh không phải cao hứng viết chơi một cuốn, mà có một chương trình rõ rệt: ông Nguyễn Đình Tư đã soạn xong và sắp xuất bản những cuốn *Non nước Khánh hòa, Non nước Bình Định*, lại đang soạn *Non nước Quảng Ngãi, Non nước Quảng Tín*; còn ông Huỳnh Minh thì quyết chí sẽ lần lượt giới thiệu khắp các tỉnh miền Nam. Ấy là chưa kể thi sĩ Quách Tấn đang cho in cuốn *Nước non Bình Định*, ông Nguyễn Văn Hầu đang cho đăng báo một loạt bài về miền Thất Sơn (Châu Đốc).

Mỗi nhà có một lối viết, một lối trình bày: ông Nguyễn Đình Tư muốn « văn nghệ hóa môn Sử Địa, nên dùng thể nửa biên khảo nửa du ký, bố cục phân minh, tô điểm câu chuyện thêm vui, ông Huỳnh Minh muốn gom góp được nhiều tài liệu xưa và nay, nhất là nay, cho nên thường dùng thể phỏng vấn; ông Nguyễn Văn Kiềm muốn giới thiệu quê hương yêu quý của mình với độc giả (ông là người của xứ «tầm dâu và trầu nhãn»), cho nên chép rất tỉ mỉ về những biến cố xảy ra gần đây, về những nhân vật có ít nhiều tên tuổi hiện còn sống, cả về những môn tiêu khiển trong miền nữa (chỉ có một quận nhỏ gồm hai tổng mà ông viết được trên 400 trang); ông Trần Quang Đạo cũng có lối viết như ông Nguyễn Văn Kiềm còn ông Nguyễn Văn Hầu thì dùng thể du ký.

Nhưng tất cả mấy nhà đó đều có chung một nỗi lòng, đều nhắm chung một mục đích là « tự nguyện làm người chỉ đường», đưa chúng ta đi thăm non sông ăm vóc cùng công trình tô điểm của

tiền nhân đề hiệu nước rồi yêu nước, ôn lại quá khứ, tin ở nòi giống mà tự cường.

Tất nhiên loại sách đó không thể gây được một phong trào như loại tiểu thuyết hiện sinh. Sống trong cái thời xáo động cực độ, trăm nỗi ưu tư thắc mắc này, phải có một tâm hồn ra sao đó mới có thể bình tĩnh mà đọc được. Lại phải có một chút kiến thức nào đó mới nhận định được đúng sự ích lợi của tác phẩm: rất nhiều tài liệu ngày nay ta cho ta tầm thường, nửa thế kỷ nữa sẽ rất quý, giúp các học giả được rất nhiều. Cho nên tôi nghĩ nếu mỗi cuốn bán được vài ba ngàn bản trong vài ba năm thì cũng đã là thành công lắm rồi, mà cũng đủ cho các vị đó phần khởi đề tiếp tục công việc, lần lượt công hiến quốc dân những địa phương chí về các miền khác trong nước.

Khi thấy sáu bảy cuốn địa phương chí đó đồng thời xuất hiện đúng vào cái lúc mà vài cơ quan ngôn luận hô hào phát huy văn hóa dân tộc (như tờ Đồng Nai, tờ Tin Văn), vào cái lúc mà những học thuyết mới mẻ của Mỹ, Pháp bắt đầu giảm bớt ảnh hưởng, vào cái lúc mà non sông chúng ta bị cày nát lên vì bom đạn, dân tộc chúng ta chịu những nỗi điều đùng nhất trong lịch sử, thì tôi có cảm tưởng rằng không phải là một sự ngẫu nhiên đâu, tất có nguyên do gì sâu xa đấy. Hiện tượng mới này có cái gì rất giống với phong trào ái quốc những năm 1946-1948. Trong hai chục năm nay, sau khi tò mò và hăng hái tiếp theo ít nhiều cái mới lạ của văn hóa phương Tây, chúng ta thấy những cái mới lạ đó không đủ gây cho ta một niềm tin, cũng và bây giờ không lập nổi một trật tự trong xã hội, chúng ta muốn trở về dĩ vãng của dân tộc chẳng? Không phải là

trở về đề cổ bảo thủ, mà đề lấy lại niềm tin, đề khỏi bông lông, đề có một chỗ đứng vững, một cái nền nắm chắc được văn hóa truyền thống rồi mới tiếp thu được một cách sáng suốt, hữu ích, văn hóa ngoại quốc. Có lẽ như vậy chẳng?

Dưới trào nào, chúng ta cũng có một bộ Quốc Gia Giáo Dục, một nha Văn hóa, nay lại có thêm một bộ Văn hóa nữa. Các bộ và nha đó đều nêu những khẩu hiệu rất kêu: "Dân tộc, Khai phóng" v.v... Nhưng phong trào văn hóa nào thì cũng do dân chúng phát động cả. Ngay cái việc khảo về Sử, Địa, soạn địa phương chí cũng là công trình của tư nhân. Ba năm trước, trong bài tựa cuốn *Chí sĩ Nguyễn Quang Diêu* của ông Nguyễn Văn Hầu, tôi đã đề nghị với viện khảo cổ nhờ những nhà trí thức trong nước tìm những tài liệu về mỗi địa phương; đề cho công việc khảo cứu về Sử Địa được tiến hành được mau vì tôi tin rằng trong nước không thiếu gì những người yêu nước muốn góp công vào việc phát huy văn hóa dân tộc. Viện chắc không có thì giờ đọc những hàng chữ đó của tôi. Hôm nay tôi vui vẻ thấy rằng lời đoán của tôi không sai: chỉ trong mấy năm đã xuất hiện sáu người đeo đuổi một mục đích như ông Nguyễn Văn Hầu rồi. Và còn biết bao người đang âm thầm sưu tầm nữa.

Các vị đó phải làm việc trong những điều kiện khó khăn, nhưng theo tôi, ít nhất cũng được cái vinh dự rằng sống dưới một chế độ, như chế độ của chúng ta, thì được độc quyền làm văn hóa, khỏi bị chính quyền cạnh tranh. Vì chính quyền còn lo giữ những độc quyền khác!

Sài-gòn ngày 1-3-1967

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Ý-niệm quốc-gia trong thời-đại mới

Giai-đoạn hiện-thời : mâu thuẫn của ý-niệm và thật-tế

Sau thế-chiến thứ hai, là một thời-đại mới với những sự kiện trái ngược có những triệu chứng đi đến một sự tan vỡ hoàn toàn trong mối bang giao quốc-tế với một chiến-tranh dùng vũ khí hạt-tâm có thể chấm dứt cuộc sống của loài người, mà cũng có những điềm hy-vọng về một chuyển hướng mới của nhân loại, dựa trên những công cuộc hợp tác cụ-thể và hiệu-năng giữa các quốc-gia khác nhau về văn-hoá, về nếp sống hay về ý-thức-hệ, hay có những mối hiểm thù sâu đậm. Chủ-nghĩa quốc-gia đã trở nên cực-thịnh. Sự phân hóa những lãnh thổ rộng lớn thành những đơn-vị chính-trị nhỏ bé vẫn tiếp diễn. Nhưng bên cạnh hiện-tượng đó, lại có hiện-tượng ngược lại đưa đến kết hợp, liên-minh nhiều nước xa nhau. Đồng thời với những chủ-thuyết và hành động cực-đoan vì sự cố chấp hẹp hòi, vẫn có những kế-hoạch và công-trình xóa bỏ biên-giới quốc-gia trong một tinh thần thực-tiến và tiến-bộ. Trong tình-thế ấy, dưới sự áp-lực của nhu-cầu kinh-tế và quân-sự, ý-niệm về quốc-gia tất nhiên phải biến đổi cũng như mọi ý-thức-hệ khi gặp khung cảnh xã hội mới.

Ý-niệm hẹp hòi về quốc-gia đã bị rung rinh khi thế-chiến thứ hai bắt đầu và thứ chủ-nghĩa quốc-gia cực-đoan như của Hitler cũng phải mượn bình phong lý-tưởng rộng rãi để che đậy âm mưu xâm lăng thôn tính của mình. Lãnh tụ Đức quốc-xã (danh-từ ấy khá hùng biện rồi) không hạn chủ-nghĩa của mình trong phạm vi mà nói rộng cho giòng giống aryen. Hitler quan-niệm một không-gian kinh tế vi-đại (Grossraum-wirtschaft) và nhờ đó, thỏa mãn nhu cầu về nhân-công với những phương-tiện bất ngờ. Nhiều quốc-gia, từ bỏ danh-nghĩa cùng một lúc với chủ-quyền thiêng liêng, hân hạnh trở thành chư-hầu của Đức. Sự hợp-tác với quân xâm lăng trở thành một chủ-thuyết, với đủ luận điệu danh-thếp, đến nỗi những nhà ái-quốc chân chính phải trải qua cảnh lương-tâm bất an, vì ảnh hưởng của tuyên-truyền có khủng bố yếm trợ, đâm ra nghi ngờ những giá-trị cao cả bấy lâu tôn thờ. Vô số tên phản quốc, tiêu-biểu là Quisling, vì tư-lợi, vì yếu hèn hay vì tư-tưởng chủ-bại, vì suy luận sai lầm hay vì khiếp sợ trước binh-đội và thiết giáp của quốc-xã đã giúp cho Hitler thực hiện được mưu đồ một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn. Hàng triệu thợ thuyền ngoại-quốc được gọi đến làm cho các xưởng kỹ nghệ Đức, quân-nhân

tình nguyện tăng thêm phương-tiện tàn phá xâm lăng của quân-đội chính-quy Đức. Thật là một mưu mô xảo quyết khi dùng lý-tưởng liên-minh, liên-kết, để tiêu hủy tinh-thần quốc-gia, tinh-thần dân-tộc của kẻ khác để phụng sự cho mộng bá-chủ của quốc-gia và dân tộc mình. Hitler đã thành công trong ý đồ ấy, đã gây nên hoàn cảnh và lợi dụng tình cảnh suy-nhược của những nước láng giềng.

Đối diện với Đức quốc-xã và chư-hầu, cũng có một sự kết-hợp tự-do và bình đẳng hơn của những dân chúng nhận thức được hiểm họa của quốc-xã. Khi thế chiến thứ hai kết liễu, không một lực lượng nào đã góp vào cuộc chiến thắng là một lực lượng hoàn toàn quốc-gia theo nghĩa hẹp hòi trước kia của nó, quân đội của một hay nhiều nước được đặt dưới sự chỉ huy của tướng lãnh của nước khác là việc được chấp nhận. Đề giải phóng Âu-châu, quân lực dưới sự chỉ huy của Hoa-kỳ gồm binh lính nhiều quốc tịch, nhiều chủng tộc.

Tuy nhiên, sự đoàn kết keo sơn trong khói lửa tan rất nhanh sau ngày chiến thắng. Những vấn đề giữa các nước bấy lâu gác lại, nay sinh ra đổ kỵ, xích mích, hận thù. Thể-chế liên-bang, liên-hiệp, mà nhiều cộng-đồng đã xây dựng được, như Hợp-chúng-quốc, liên-bang Sô-Viêt cũng chẳng làm gương mẫu cho những vùng có điều-kiện thiết lập cuộc sống chung. Trái lại, nguyên tắc dân-tộc tự quyết lan truyền nhanh chóng, đưa đến sự phân-hóa và cách biệt. Diềm thắng lợi tốt đẹp của ý-thức dân-tộc là làm cho các đế-quốc thực-dân tan vỡ và những nước, trong một thời gian khá dài, chịu phải số phận đô hộ nhục nhằn, tìm lại chủ

quyền và quốc-cách của mình. Nhưng, tiếc thay, hạnh phúc và yên vui của những nước mới trời dậy này không được trọn vẹn. Tình hình thế giới đã thay đổi quá nhiều, họ vừa giải-quyết được vấn đề giải-phóng dân-tộc, danh dự quê-hương thì phải đương đầu với những vấn đề tranh đấu giai cấp, xung đột ý-thức-hệ, hay thiết thực hơn là bảo đảm cơm áo, nhà cửa, thuốc men cho dân chúng. Vấn đề nan giải, khiến họ lại phải nhờ sự che chở của những nước ngoài, về quân-sự, về kinh tế, và đưa họ lâm vào cảnh mâu thuẫn khó chịu: ý niệm trước kia về một quốc-gia độc-lập không được thể hiện đúng đắn. Có lẽ họ đủ bề ngoài và cơ cấu pháp lý của quốc gia độc lập, nhưng sự thật thì chưa chất hơn... và có mấy nước dám nhìn vào sự thật và tìm giải-đáp hữu lý?

Loài người có thể kéo dài trong một thời gian lối sống lưng chừng của những tình thân hữu giả-dối, sự thù nghịch lấy lệ, với chiến tranh không tuyên-chiến, với xâm lăng không nhìn nhận, với những tuyên ngôn về thiện chí và hiếu hòa kèm theo những hành-động tàn nhẫn phi nhân. Nhưng, mọi sự phải có một kết-thúc. Tình-trạng hiện thời chỉ kết thúc bằng hai lối, một chiến tranh toàn diện và dứt khoát, sẽ đem lại cho loài người thứ hòa bình nghìn thu của nghĩa địa và mặt đất trở lại hoang-vu, hay là những quốc-gia phải tận dụng mọi khả-năng để cải thiện mối tương-quan, để giải-quyết những vấn-đề chung, để xử dụng một cách khôn ngoan những công trình quý giá về khoa-học, kỹ-thuật, văn-hóa cho hạnh-phúc của loài người. Trong sự cố gắng đi theo đường hướng sau này, người đời nay tất nhiên phải gác bỏ rất

nhiều thành-kiến, tu chỉnh lại những quan-niệm không còn thích hợp với hoàn cảnh mới, mà trong đó có ý-niệm quốc-gia. Công việc ấy tốn nhiều thời gian và gặp nhiều trở ngại. Người ta thường hành động theo tình-cảm hơn là theo lý-trí, người ta thường suy nghĩ theo tập quán mà bằng lòng tự dối mình. Soát lại ý-niệm quốc-gia để đi đến một ý-niệm mới mẻ, động chạm đến biết bao tập-quán và tình-cảm, chưa nói đến một số quyền lợi mà bất cứ một huyền-thoại nào cũng có thể đem lại cho một số người. Điều phức tạp hơn nữa là ý-niệm quốc-gia trước nay vẫn chứa một phần kiến-tạo hay đẹp, nhờ đó mà nhiều dân-chúng nuôi dưỡng được tinh-thần bất khuất của dân-tộc, khôi phục lại chủ-quyền đất nước, nhất quyết chống xâm lăng và đô hộ của ngoại bang. Mặt trái của ý-niệm xưa nay về quốc-gia là ung đúc tánh kiêu căng tự phụ của một số dân-chúng khác, làm động-lực cho những chiến-tranh thuộc-địa, bành-trướng thế lực trong sự khinh khi những dân-tộc, những quốc-gia khác. Một ý-niệm sai lầm về quốc-gia cũng đưa đến sự phân hóa và tan vỡ của một số cộng đồng, không hiểu thời-thế, lệ thuộc vào một di-vãng không tái-sinh được đến nỗi chẳng quan tâm và chẳng có khả năng đối phó với sự thách đố của những khó khăn hiện tại. Những kinh cầu nguyện và những lý tưởng vu vơ không làm sao ngăn chặn sự phát-triển kỹ nghệ mỗi ngày mỗi mạnh. Những nguyên-tắc tinh-thần cũng khó lòng giữ lại mãi trong một khung cảnh không ngừng biến dịch. Quốc-gia, một nguyên-tắc tinh-thần, rồi cũng phải theo luật biến cải nếu muốn tồn tại.

Quốc-gia, một nguyên-tắc tinh-thần.

Gia-đình, tế-bào của xã-hội, cộng-đồng chính-trị và tôn-giáo của những người cùng một nguồn gốc, huyết-thống ; hình-thức ấy không phải là công-trình của những triết-nhân hay một lý-tưởng tinh-thần. Bộ-tộc, bộ-lạc, sau này quê-hương, kết hợp tự-nhiên của những gia-đình, cũng thế. Tình yêu gia-đình được xem như là bẩm-sinh, không cần sự trợ giúp của lý-trí, không thay đổi với thời gian, không cần sự trợ giúp của lý-thuyết hay chủ-nghĩa. Tình yêu quê-hương, bao trùm những người thân yêu, đang sống hay đã chết, và làng mạc ruộng nương, non sông quen thuộc, dính liền với cuộc sống hằng ngày, cũng như những di-sản vật chất và tinh-thần tổ tiên truyền lại. Tình yêu quê hương nhẹ nhàng êm ái như tiếng hát ru con, bình dị tự nhiên như sự quyến luyến chân tình của vợ chồng hay anh em ruột thịt. Người ta có cần gì nói đến nhiều, cần gì tốn công bênh vực hay truyền bá, người ta chỉ sống đúng theo tình cảm của mình đối với người và cảnh mình yêu quý.

Chủ-nghĩa quốc gia thì khác hẳn. Chủ-nghĩa quốc-gia dùng đến thứ ngôn ngữ khác, đầy cả đố kỵ và thù hằn, được tạo nên tùy thời tùy cảnh, vì đối-tượng của sự thờ phụng, là quốc-gia, chỉ là một nguyên-tắc tinh thần dựng lên với những yếu-tố vay mượn.

Định-nghĩa quốc-gia không thể nhất trí và nhất quyết như định-nghĩa gia-đình hay quê hương xứ sở. Có thể theo đặc-tính mà cho quốc-gia là một đám dân định-cư trên một lãnh-thò, tuy

những dân luân-cư, như A-rập, cũng lập thành quốc-gia, được, hay cho là một liên-hệ tinh-thần đã thành-tu một cách tự nhiên, tiếp theo những liên-hệ gia-đình, bộ-tộc, nhưng sự kết-hợp của quốc-gia như ngày nay không có trong thời trung-cổ, hay theo một số tác-giả, cũng chưa có trong thời xa xăm hơn nữa.

Quốc-gia, không xét theo tánh cách tự-nhiên, là một hiện-tượng kết-hợp vì ý-chí, một thứ hợp đồng giữa những thành phần cần chung sức làm nên một cộng-đồng xã-hội vững bền hơn. Nhiều thế-kỷ ý-thức mới đưa đến kết-quả ấy, mà ý-thức chính-trị, ý-thức về quốc-gia, chỉ xuất phát với một số điều-kiện như tự-do tư-tưởng, là điều không có trong những xã-hội chuyên-quyền và độc-thuyết, như phương-tiền phồn-biến kiến-thức, là điều rất thiếu sót trước khi phát-minh kỹ-thuật ấn loát.

Yếu-tố tinh-thần vẫn mạnh. Tôn-giáo, ngôn-ngữ, sự trung thành với một triều vua đã đưa đến sự lập quốc tại nhiều xứ ở Âu-châu. Nhưng những quốc-gia được kết thành theo nhiều đường hướng khác nhau, tùy theo những biến-đổi lịch-sử quan hệ đến họ. Những nhà lý-thuyết nghiên-cứu đến hiện-tượng quốc-gia đều đồng ý về một số yếu-tố căn-bản tạo quốc-gia như lãnh thổ thống nhất, chủng-tộc duy nhất, ngôn-ngữ chung, tôn-giáo chung. Không một yếu-tố nào có giá-trị quyết-định cả, và nếu xét theo những tiêu-chuẩn khoa-học hợp lý ngày nay, thì không một yếu tố nào có giá-trị tuyệt-đối cả. Điều thật nguy hiểm, là chủ-nghĩa quốc-gia căn cứ nơi những giá-trị tương đối để xét xử một cách tuyệt đối những giá trị khác, trong đó có giá trị của nhân vị. Rất cục,

định nghĩa được xem là đúng hơn hết về quốc gia, là định nghĩa của Renan «Quốc gia là một nguyên-tắc tinh thần». Định nghĩa ấy không còn hẹp hòi nữa, và tuy là có vẻ lý-tưởng lại thực-tế hơn những định nghĩa dựa trên những căn-bản cụ thể nhưng đã biến dạng. Đã là nguyên-tắc tinh-thần thì có thể thay đổi, thì một nguyên-tắc tinh-thần khác rộng rãi hơn, có thể bao trùm hay thay thế. Xét lại từng yếu-tố cấu-tạo trên kia có thể thấy tánh cách tượng-trưng và lý-tưởng của nó.

Quốc gia là một lãnh thổ.

Quê hương bắt đầu từ chỗ chôn nhau cắt rún, từ thôn xóm trong đó nhà cửa đất đai của gia đình, đến làng mạc có núi rừng, sông biển làm chân trời, là một khung cảnh sinh sống dễ trông thấy, dễ nhận định. Nhưng biên-giới của một quốc gia ở đâu? Biên giới ấy thật mơ hồ khi dân chúng chưa biết lập bản-đồ hay hạn cuộc sống nơi những thị-trấn làng mạc và không thể tới lui những miền hoang vu. Biên giới chỉ hợp với khả năng bảo vệ của quốc dân. Những quy ước về hải phận hay không phận chẳng còn giá-trị gì khi tàu của địch có thể xâm phạm mà chẳng ai làm gì được. Bầu trời của quốc gia đâu còn phải của riêng khi không có khí giới để hạ những phi-cơ do thám?

Một quốc gia Pháp đến năm 1789 chưa có biên-giới rõ ràng(3). Quốc gia Việt-Nam có biên-giới ở đâu? Khi mới lập quốc, thì biên-giới nơi lưu-vực Sông Hồng hay khi nhà Trần chống với Mông-cổ, phía nam sông Gianh trước khi chúa Nguyễn khởi cuộc nam-tiến, đã có Chiêm thành, hay dưới đời Lê Thánh-Tôn, miền bắc đã lấn qua Ai lao hay phải nói đến

(3) Theo Jacques Ancel, Géopolitique, Delagrave. Paris, 1936.

biên giới thời Minh Mệnh, sau khi nhờ công Nguyễn Ánh, Việt Nam đã thống nhất sơn hà và bành-trướng thế-lực qua tận miền Chân-lạp ? Biên-giới chẳng có gì nhất định cả, rộng hẹp, xa gần, dùng chướng ngại vạch ra hay dùng những vĩ tuyến, kinh-tuyến, biên-giới thay đổi tùy theo lịch-sử, nghĩa là tùy theo mạnh yếu, không theo pháp lý hay quyền tiên-chiếm. Những dân tộc mất nước có thể đệ đơn cho những toà án quốc tế đòi hỏi biên giới mình, nhưng trừ phi họ có thật-lực đề ủng hộ yêu sách mình, chắc chắn họ phải chờ lâu lắm mới thấy đơn mình được cứu xét. Ngày nay, bất cứ người Việt-Nam nào cũng xem biên giới quốc-gia mình nơi những đường vẽ trên bản-đồ người Pháp để lại, bao gồm những miền trước kia triều Nguyễn chưa hề phái quân dân đến. Và chẳng có người Việt-Nam nào lại chấp nhận cho một sự cắt xén phần đất đai nào nằm trong những đường ấy. Cũng không một người Việt-Nam nào lại không phật-ý và lo ngại khi thấy trên những bản-đồ của người Trung-Hoa cộng-sản ấn-hành, đất An-Nam được xem như phần đất cố-hữu của Trung-Hoa, và được tô một màu như nước họ!

Lãnh thổ là một yếu-tố cụ-thể cấu thành quốc-gia, nhưng vẫn là nguyên-tắc

tinh thần, một ý-chí chung của dân-tộc muốn gìn giữ bao nhiêu đất đai được khai khẩn, được chiếm cứ, muốn bảo vệ cho đến cùng công khó của tiền-bối, hay đòi cho được, như Đức quốc-xã chủ-trương, một khoảng sinh sống hợp với nhu-cầu của dân-tộc. Khi những ý-chí chung của những dân-tộc trái nghịch nhau, thì chỉ có chiến tranh mới giải quyết được sự xung đột và những biên-giới mới theo hòa ước quy-định sẽ là môi-trường chính-thức. Ý chí chung chỉ có giá-trị thật-sự khi khả năng cho phép thể hiện, bằng không ý-chí trở thành mộng ảo. Dân da đỏ ở Bắc-Mỹ có thể có ý-chí đòi lại đất nước mình, hay dân Chiêm có ý-chí lập quốc, nhưng ai cũng biết những dự-định ấy, nếu có, với khả năng hiện thời của Hoa kỳ, của Việt-Nam, chỉ là sự đùa bỡn, không đáng xét đến. Có từ chối hay che đậy, luật của kẻ mạnh vẫn còn hiệu-nghiệm. Các nguyên-tắc tiên-chiếm, thừa kế không có nghĩa lý gì trước ý muốn của một dân-tộc hùng mạnh. Mĩa mai hơn nữa, về phương-diện này, những quốc-gia đã đề xướng hủy bỏ quyền tư-hữu của cá-nhân mà những nước khác xem là thiêng liêng, những quốc-gia ấy vẫn bo bo bên vực quyền tư-hữu của «những dân-tộc»!

(Còn tiếp)

CUNG-GIỮ-NGUYÊN

Kỳ tới : Quốc-gia là dân-tộc

Đón đọc :

PHÓNG THÍCH

tập thơ Hoàng Đình Huy Quan
tạp chí VĂN HỌC xuất bản

• gồm 45 bài thơ. Tựa của nhà văn Nguyễn Đình Toàn. Bạt của nhà văn Y Uyên. Ba phụ bản của Trịnh Cung và Nghiêu Đề, Bìa do Đăng Giao trình bày.

PHỤC HỒI HỌ VIỆT

Đề nối theo bài trước, nói về vấn đề Nhân danh học, tôi xin, hôm nay, đề cập đến một vấn đề trọng đại cho tương lai. Ấy là vấn đề **Phục hồi họ Việt**. Vấn đề này làm cho tôi ưu tư từ mười hai năm nay, do một sự tình cờ của lịch sử đặt ra cho tôi.

Năm ấy là năm 1955. Vào tháng tư năm ấy, tôi có dịp sang qua Bình Xuyên. Rồi binh lửa nổi lên, tôi bị xua xuống Rừng Sác (1). Từ ấy, có thể nói rằng tôi không rời một ngày, cho đến khi hai chúng tôi cũng được thả một lượt, (với Trịnh Khánh Vàng). Nhờ vậy mà tôi mới hay rằng anh này thuở nhỏ, khi cha mẹ sanh ra, thì khai tên như ở trên. Sau đó, không biết bằng cách nào, mà anh được một ông Tây đỡ đầu, họ Pelligrini, giúp cho đổi tên họ lại: Jean Pelligrini.

Jean Pelligrini đi học, làm lính, tự nhiên là lính Tây, đóng lon trung úy Tây, và chỉ huy phòng mộ quân ở Mỹ Tho. Về làng, với cái tên khó đọc cho các lưỡi nông dân Việt-Nam, nên các bác nhà quê ở vùng Lái Thiêu, các bác gọi y ta là «cậu hai Răng», không phải bởi y ta chỉ có hai cái răng, mà bởi vì y ta là dân Tây, với một cái tên Tây đọc không được. Lúc ấy y ta giáng ngộ chánh trị, thấy như vậy là một cái nhục, nên ra tòa

chánh thức xin hủy cái án trước, cải Trịnh Khánh Vàng ra Jean Pelligrini, mà phục hồi họ Việt, tên Việt: Trịnh Khánh Vàng (2).

Hành động cá nhân của Trịnh Khánh Vàng trở về nguồn là một hành động phải. Không phải là tôi khen Trịnh Khánh Vàng, đề mà được thơm lây. Nhưng đó là một hành động có ý thức, một việc trở về nguồn khi mà thực dân Pháp còn quyền thế ở đây; chứ không phải như của những người khác: chờ quân đội viễn chinh Pháp rút lui. Mà hành động của các vị sau này cũng nên khen. Bởi vì hầy còn hơn lắm «con Rồng cháu Tiên» mà ôm gói theo quân đội Pháp mà về với «Tổ quốc Pha Lang Sa».

Từ ngày tôi biết việc ấy, tôi thường nghĩ đến vấn đề «Phục hồi họ Việt». Trước hết, có một vấn đề luân lý. Người Việt ta, khác hơn người Tàu, rất

(1) Xin nhớ Rừng Sác viết bằng chữ C. và muốn hiểu tại sao, nên đón quyền **Địa Danh ở Việt Nam** mà chúng ta nên yêu cầu ông Lê Thọ Xuân khởi tác.

(2) Trong những năm kháng chiến chống Pháp, nhờ đã làm trung úy trong quân đội Pháp, T.K.V. khá giỏi về quân sự, nên được lần lần cất nhắc lên làm Khu bộ phó khu IX thay cho Nguyễn Ngọc Bích rồi Tư lệnh liên khu miền Tây, trước khi ly khai với cộng sản mà về thành,

tránh việc bà con cưới gã nhau. Phong tục bên Tàu cho rằng con cô con cậu mà cưới gã nhau là một điều rất quý. Người Việt Nam ta, mà là bà con bạn dì lấy với nhau, thì rất bị dị nghị rồi. Các họ khác thì rất trách việc cưới hỏi mà cô dâu và chú rể cùng họ. Nhưng riêng đối với họ Nguyễn thì «xinh xái». Không tin, ta chỉ xem những tin hỉ sự ở trang chót các báo, nhan nhản những cái tên cậu họ Nguyễn sánh duyên cùng cô cũng họ Nguyễn. Bởi vì họ Nguyễn chiếm hơn phân nửa dân số. Nếu chỉ cho phép cưới gã ngoài họ thôi chắc chắn là có nhiều cô cậu ế chồng, ế vợ.

Lúc nhỏ, tôi nhận thức rằng họ Nguyễn là chiếm hơn phân nửa. Bởi vì suốt mấy năm, tôi bị thầy giáo cắt cho việc cộng số mà định điểm trung bình của mỗi trò để sắp hạng. Thì trong bốn quyền số khác nhau, tôi có đếm chơi, thì tôi thấy bạn học của tôi họ Nguyễn thầy đều chiếm hơn nửa tốp.

Việc trùng họ này khá tai hại, bởi cái tục của người Việt chọn tên của con giáp năm sanh mà đặt tên. Một nhân viên ngân hàng có nói với tôi rằng, nhìn cái tên Nguyễn Văn Thìn, Nguyễn Văn Ngọ v.v... làm khó cho nghề băng chẳng ít. Lơ đềnh mà tên của người này lại ghi cho người kia thì sẽ rắc rối. Có lẽ, bên tòa án cũng vậy. Tôi nhớ lúc tôi còn du học sinh ở Pháp, có một vụ na ná như vậy. Một cái lệnh từ Sài Gòn đưa qua, bảo một nhà băng Pháp trả tiền cho một sinh viên tên là Nguyễn Văn Ân. Pháp có phân biệt Ân và An ra thế nào đâu, viên phát tiền cho Nguyễn Văn An. An xài hết, còn Ân thì đói le lưỡi, cả mấy tháng. Rồi nhà băng phải bồi thường,

vì làm sao mà đòi tiền của An lại được?

Ta thử suy luận xem. Nếu ta đếm tất cả những đơn âm Việt có sẵn trong tự điển, thì ta không có đến mười ngàn âm khác nhau. Nếu ta đặt tên cho người, mà chỉ lấy chữ họ và chữ tên, như Nguyễn Khuyến thì ta chỉ có dưới mười ngàn. Nếu ta lót thêm chữ Văn, thì thêm cũng dưới mười ngàn. Ta thử tính sơ, mà cho rằng người Việt độ 30 triệu, phân nửa là đàn ông, thì trong 15 triệu người (hiện tại) đã có lối bảy triệu người họ Nguyễn phải chọn tên họ trong số họ tên có thể có rất hẹp hòi, là 20.000.

Cũng may, là ta bày thêm có chữ lót. Với 10.000 tên và 10.000 chữ lót, ta có thể có 100.000.000 kết hợp khác nhau. Khốn nỗi, nào có phải là ta đầy đủ 10.000 âm để làm tên và làm chữ lót cả đâu? Nên chi tuy chỗ quen của tôi, mà ở cùng một làng, đã có đến hai Nguyễn Đình Thọ. Nếu ta không hạn chế trong hiện tại, mà mở rộng vào quá khứ và tương lai, thì hiện tượng trùng tên họ lại càng làm cho ta rắc rối.

Ngoài lý do tiện nghi mà tôi nêu lên ở trên, hãy còn lý do ý thức mà tôi đã nhắc ở trước. Suốt một ngàn năm ta bị Tàu đô hộ, những họ thuần túy Việt Nam đã bị xóa sạch cả. Không còn một họ nào hết. Nếu vì vấn đề tiện nghi, mà chúng ta cần giảm bớt số người họ Nguyễn, họ Lê, họ Trần (ba họ đông vì đã có những triều đại to) thì chúng ta có một phương pháp là yêu cầu một số đông người có họ ấy chọn những họ khác. Trong việc chọn họ mới này, nên tránh việc lấy những họ sẵn có, mà nên chọn những âm chưa được dùng làm họ lần nào. Như vậy, số họ Việt Nam

sẽ đến gần mười ngàn họ khác nhau.

Khi mà vấn đề chọn họ khác được chấp nhận, thì tôi xin đồng bào nên đặc biệt để ý đến việc « trở về nguồn ». Có những họ đã làm vẻ vang cho lịch sử dân tộc. Và cũng có những họ cần phục hồi để bồi những vết nơ của lịch sử nước ta.

A. — Phục hồi những họ làm vẻ vang lịch sử nước ta. Sử sách thấy đều chép rằng các vua Hùng Vương thấy đều thuộc vào họ HỒNG BÀNG (Hồng Bàng thị). Hồng Bàng thị phải chăng là một họ đôi do hai họ khác nhau, mà ghép thành ? Ngày nay như ngày giỗ tổ, mà chẳng có đứa con cháu nào họ HỒNG, họ BÀNG, hay họ HỒNG BÀNG đến trước bàn thờ mà lạy ông bà cả. Chỉ có phần đông là họ Nguyễn, họ Lê họ Trần, rồi cả họ Tàu cả.

Lại như họ của hai bà Trưng, là một họ làm vẻ vang lịch sử dân tộc chẳng nhỏ. Họ Trưng xứng đáng phục hồi. Nếu tôi không có chút hãnh diện với Hồ Quý Ly, với Hồ Phi Phúc (đã sanh Nguyễn Huệ), với Hồ Xuân Hương, chắc chắn là như ngày giỗ tổ tôi đã nấp đơn trước tòa mà xin đổi họ là Trưng Hữu Tường, ước mong là sự thay đổi họ ấy đem lại một điềm lành nào cho họ Trưng vậy.

Tôi làm người Việt, mà tôi rất thẹn sao, khi Tàu đến đô hộ ta, ta đổi họ thuần Việt của ta, (như họ HỒNG, họ BÀNG, họ TRUNG) mà lấy họ Tàu ? Tôi rất thẹn sao, khi Pháp đến đô hộ ta, ta lại chọn những họ mà lười ta đọc không quen ? Càng thẹn hơn nữa, là Tàu và Pháp đã rút lui, tại sao ta không dám « phục hồi họ Việt ? »

B. — Phục hồi họ Chăm và họ Miên.

Thứ nữa, tôi yêu cầu những ai còn giữ gia phả, mà biết rằng mình có gốc Chăm và gốc Miên, nên phục hồi những họ Chẽ, họ Trà, họ Monivong, họ Nặc. Làm như vậy, để chứng tỏ rằng trong việc Nam tiến, người Việt chỉ hòa đồng chứ không có đồng hóa người Chăm, người Miên, càng không có giết hết người Chăm và người Miên... Mỗi lượt, mà đọc mà đọc một sử gia, tôi thấy dùng danh từ « diệt chủng » trong việc hòa đồng người Chăm và người Miên, thì tôi khổ tâm đối với các sử gia hết sức.

Có phục hồi những họ Chăm và họ Miên, mới xóa được những vết nơ mà các sử gia bôi lên lịch sử Nam tiến của người Việt. Các nhà vua Việt có phá tan triều đình Chăm, chiếm đất của Vua Miên: điều ấy có Phạm tội đó, là các vua Việt. Còn nhân dân Việt nào có « diệt chủng » người Chăm và người Miên đâu ?

Kính tặng Dorohiem.

Nhân ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 1967.

HỒ-HỮU-TƯỜNG

ĐÍNH CHÍNH

Trong mục « Đọc sách giúp bạn » bài về bộ « Một thuở ngàn năm » của Hồ Hữu-Tường, trang 80, dòng 22.

« nói trả nửa mới đúng, nói trả dũa là sai », đã in lộn « trả nửa » ra « tra nửa ». Nửa vốn là một chữ xưa, có nghĩa là : oán, hận.

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Dạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24.38

B.P. N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 93 — 2171 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Vài nét về người Miền Nam thời Tây-Son trong văn-chương miền Bắc

Có lẽ không gì thú bằng nếu ta được đọc những văn phẩm trong đó có mô tả những người của các vùng trong nước một cách rõ ràng và nhất là thấy người thời xưa nhận xét về nhau như thế nào. Còn gì thú khoái bằng khi bắt gặp các nhà văn Miền Bắc thời trước mô tả người Miền Nam để ta thấy nóng hổi cái nhìn của họ trong những cuộc tiếp xúc với nhau, ghi dấu vết mỗi thông cảm của hai vùng trong cảnh « lá rụng về cội », con đò cũ trở về bến sông xưa sau một cuộc đờ xô theo giòng phương Nam ồ ạt :

Non kia đã biết hay chưa.

Nước đi ra bề, lại mưa về nguồn.»

Tản-Đà

Nhưng buồn một nỗi, khi con chim trở về thì đã thay lông thay cánh. Người miền Nam khi trở lại miền Bắc, qua năm ba thế hệ xa cách, đã có giọng nói khác, tự tạo ra tập quán và có lẽ lối suy tư khác. Không còn bản chất « mấy nghìn năm văn hiến » mà nhiều khi còn có phần thô lỗ cộc cằn. Nhưng cũng do đó, họ vứt bỏ cái lối nhu nhược « văn nhược » để có một thân thể cường tráng, một

tinh thần hào hùng. Họ làm mới những người con đất cũ. Bởi thế đất cũ không phải hoàn toàn giữ được kỷ niệm tốt đẹp với « lũ con hoang ».

Dở khá nhiều tập văn chương cổ, kẻ cũng không dễ gì tìm ra dấu vết nhiều người miền Nam đã trở ra Bắc và được người Bắc còn ghi lại. Một tập Đại - Nam Nhất Thống Chí, tỉnh Quảng - Nam vốn vẹn còn một tên : Đặng Tất (Trần). Tỉnh Quảng Nghĩa, một tên : Lê nhân Liên (Tiền Lê). Tỉnh Bình Định đàn ông không có. Đàn bà có một người, nhưng oái oăm . . . lại Chiêm Thành : nàng My Ê tức là những người còn được sử các tiền triều ghi lại.

Người miền Nam thật sự thời Trần hay Tiền Lê chắc ít biết đến miền Bắc vì họ cũng không có việc gì phải bỏ nơi đây hoang địa, mặc sức khai thác để trở lại nơi « người khôn, của khó » đó. Thời này thì chắc chắn là người miền Bắc vào Nam nườm nượp trong đó có cả một ông Vua. Vua Lê Thánh Tông. Nhà vua đã vào đến Thuận Hóa, băng qua Ái Vân (ngũ hành) để vào đến Lý Châu,

Quảng Nam. Thật thiên nan vạn nan, Nhưng chắc nhà vua cũng được đến bù nhiều, khi, từ trên ngọn núi đầy mây, nửa khuya nhìn ra cửa bể Đà-nẵng (tên Đồng long loan) dưới ánh trăng, thấy lừng lơ thuyền Lộ Hạc (thuyền ngoại quốc) trong cơn gió thổi suốt cả năm canh yên tĩnh :

« Tam canh dạ tinh Đồng Long
nguyệt.

« Ngũ cò phong sanh Dạ hạc thuyền. »

Nhưng người Bắc tuy vào nhiều, song nền văn học trong Nam chưa có gì đáng kể, nên chẳng có dấu vết nào về họ. Chỉ có người Nam ra Bắc, may ra còn lưu lại vài hình ảnh.

oOo

Thực sự, mãi đến đời Tây-Sơn mới thấy dấu vết của người miền Nam dưới danh hiệu Quảng Nam. « Người Quảng Nam ». « Giặc Quảng Nam ». Tại sao như thế ? Trước hết theo duy danh định nghĩa thì Quảng chỉ sự rộng rãi, bao la. Nam chỉ phương hướng : Miền Nam rộng bao la. Từ ngoài Bắc vào, Nghệ, Tĩnh, Quảng Bình, Thuận Hóa quá chật hẹp, vượt qua đèo Ái Vân, một miền đất rộng lớn mở ra trước mắt. Tên Quảng Nam có từ đây. Tên đó, đáng lẽ để đặt cho Nam phần hiện nay thì đúng hơn, nhưng thời đó, chưa ai nghĩ tới miền trừ phú sau này. Tiếp theo, thì nhà Lê đặt *Quảng Nam thừa tuyên* gồm một khu rộng bao quát đến tỉnh Bình Định. Đời các chúa Nguyễn đặt làm Quảng Nam dinh. Tiếng là chỉ đến Bình Định, nhưng cái dinh ấy bỏ lần đến Phan Rang, Phan Rí gì đó, tạo nên một miền dài thườn thượt (1). Do thế, cái tên Quảng

Nam biến thành tên một Quốc-gia. Ngoài Bắc gọi cả miền Nam. Người Tây Phương cũng gọi cả đất đai thuộc chúa Nguyễn là *Nước Quảng Nam*.

Vậy người Quảng Nam trong cổ văn cũng chỉ gần đúng các tầng lớp dân chúng hiện đang sống trên phần đất miền Nam của ta hiện nay. Và một câu ca dao có lẽ phát xuất từ thời đó để thấy rõ cảnh phân ly : năm 1954 thấy có người bắt đầu đọc lại với giọng náo nùng :

« Phát phơ hai ngọn cờ điều

Ai thương cho bằng bạn, ai nhớ nhiều
cho bằng ta »

Hình ảnh những người « Quảng Nam » đầu tiên xuất hiện dưới ngọn bút các văn nhân miền Bắc thực sự chính vào một thời kỳ mà ai cũng biết : Thời kỳ Tây Sơn ra đánh Bắc Việt, quân lính, voi ngựa rầm rộ suốt ngày đêm. Hình ảnh người miền Nam không còn xơ xác trong những lớp áo quần thô sơ mà bọc toàn nhung y. Họ không chỉ ở vùng Hà nội mà tản ra cùng khắp các tỉnh, các vùng quê. Người miền Bắc lúc ấy chắc không nhìn họ bằng con mắt thiếu thiện cảm, nghi ngờ, nhưng cũng chắc hẳn rất thán phục, xem như hạng xuất quỷ, nhập thần, Từ miệng một vị đại thần, có học thức (đỗ tiến - sĩ) có mưu lược đã được vua Lê ủy nhiệm cầm đầu sứ bộ đi vào nước « Quảng Nam » : Trần công Sán, đã bảo nhỏ với tùy viên.

« Người Tây Sơn hành binh như bay, xu lợi quá gấp. Coi họ đi lại chỉ

(1) Do đó, ở Miền Nam có thành ngữ : « Con đi bảy phủ » ám chỉ hạng gái quá hư hỏng. Phủ là đơn vị hành chính của dinh. Từ Ái Vân vào Phan Rang, Phan Rí gồm 7 phủ

vù một cái, thật là nhanh nhẹn vô cùng, đánh không thề được, đuổi không thề kịp ! Xưa nay chưa nghe có toán giặc nào như toán giặc ấy ..» (Hoàng Lê nhất thống chí, tr. 168). (1)

Quyển «Hoàng Lê nhất thống chí» có lẽ là một trong số sách ít ai còn lưu lại đã mô tả người miền Nam và chắc chắn là quyển sách mô tả kỹ càng nhất. Tiếc là sách ấy bằng chữ Hán, người dịch không hẳn đã không theo tinh thần văn chương hiện thời mà diễn lại, e có sai lạc phần nào cách diễn tả của người đương thời. Nhưng dù thế nào thì chắc chắn tính tình con người là điều quan trọng bậc nhất trong văn chương cũng không quá sai. Những chứng minh rút ra sau đây có thể làm sáng tỏ điều này. Đáng tiếc là toàn quyển sách chỉ mô tả được hạng vua chúa, hạng võ tướng, ít khi thấy hình ảnh từng người lính hay người nông dân kỹ càng hơn. Tuy nhiên, dấu chỉ tả hạng người gần như «siêu quần» đó, tác giả cũng đã tả họ một cách khá xác thực, gần như chính ông đã thấy, đã nghe, đã ở trong cuộc. Tôi chỉ đan cử ra đây ba nhân vật tiêu biểu nhất vừa cho tinh thần vua chúa hoặc võ tướng cũng vừa thấy rõ cái cốt cách nông dân còn trên lối cư xử, lời ăn nói hoặc tiềm ẩn trong nội-tâm song đã được tác giả khéo trình bày tế nhị.

Trước nhất là con người và những mặc cảm của Nguyễn Huệ. Tôi không muốn nhắc những cái tài thao lược, lối xử sự đối với tướng tá v . v . . . Không phải bởi người đọc còn có thể tìm thấy cá tính cùng tài năng đặc biệt của ông trong một tác phẩm chân thật nào khác — một điều mà tôi không tin — song bởi vì nó sẽ dài dòng. Tôi muốn nhắc đến cái mặc cảm của Nguyễn Huệ bởi chưa có

nhà văn nào của ta ngày trước mô tả nhân vật theo phương pháp khách quan mà lột được cái chân tướng tiềm ẩn bên trong, nhất là những phức tạp của rung cảm, suy tư, phát biểu, không thể nào không chịu ảnh hưởng sâu đậm của thân thể, hoàn cảnh, địa vị trên đường bật phát. Nguyễn Huệ là người dân thường học kém nhưng tài trí phi thường thì cái mặc cảm, nếu bẩm sinh vốn có, ắt phải rất nhiều. Mặc cảm đã nhiều, tất phản ứng cũng phải nhiều. Phản ứng đó biểu lộ thật đa dạng, linh hoạt : có khi thật, có khi giả, khi ngọt, khi xẵng, khi làm ra vô tư, khi không dấu sự hóm hỉnh, lúc nào cũng sợ kẻ khác cho mình kém, mình ngu... Một số đoạn văn ngẫu trích ra sau đây — riêng rút trong đoạn ông làm rề nhà Lê thôi — cũng có thể trình bày vài nét riêng về cá tính ông mà cũng là phần nào cá tính Miền Nam:

Đây, đoạn nhà Lê ban cho ông tước nguyên súy ; ông sai sứ vào triều tạ ơn, lễ rất là chu chỉ. Nhưng ông không dừng lại ở đó : *Sau đó, Bình (2) bồng bảo riêng với Chính (3)*

— *Ta đem mấy vạn quân lính đến đây, chỉ đánh một trận dẹp yên được cả thiên hạ. Một hòn đất, một tên dân của nước Nam đều là của ta. Ta muốn xưng đế, xưng vương gì mà không được ? Sở dĩ nhường những ngôi đó, không muốn một ngôi nào, là ta hậu với nhà Lê mà thôi. Cái chức Nguyên súy quốc công, với ta*

(1) Hoàng Lê nhất thống chí — Ngô gia văn phái, bản dịch của Ngô-tất-Tố. Cơ sở Tự do xuất bản. Kể từ đây, bản sách chỉ viết tắt là H.L.

(2) Nguyễn-Huệ (3) Nguyễn-hữu-chính

có hơn cái gì? Hay là nước Nam muốn lấy những tiếng hào đó để lung lạc ta? Nếu ta không nhận, sợ rằng Hoàng thượng bảo ta kiêu căng.

Nhận mà không nói, lại sợ người nước bảo ta là kẻ mọi mán. Bởi vậy nên ta phải nói.

Chỉnh biết ý Bình bất mãn, bèn đặt ra lời hoàng thượng nói năng với mình, rồi mình tiết lộ Bình mà rằng :

— Hoàng thượng đã có bảo riêng với tôi thế này : Nhà vua kiệm bạc, không có việc gì đáng tặng vẫn biết những cái danh trước nhỏ mọn, không đủ làm cho ông sang thêm. Chỉ vì tục nước vốn thích lễ nghĩa, gọi là tỏ cái lòng thành của ngài kính ông mà thôi. Bản ý của ngài, tự biết mình đã tuổi già, sợ rằng sau khi ông về, không thể nương tựa vào ai, ngài muốn ràng buộc tình thân của hai họ, để cho hai nước đời đời cứ làm thông gia với nhau. Nhưng vì chưa biết ý ông thế nào, cho nên hưa dám nói rõ.

Bình đáp :

— Xưa nay những kẻ xa nhà tình khuê phòng rất là cần thiết. Hoàng thượng cũng xét đến chỗ ấy à? Ừ, em vua nước Tây, làm rề hoàng đế nước Nam môn đồng hộ đối như thế, tưởng cũng không mấy người được...

Cả đám đều cười.

Rồi Bình lại nói :

— Nói đùa đó thôi... Hoàng Thượng nghĩ vậy thật là «lão mưu đa kế» «ngài muốn hai nước hòa nhau (trang 80-81).

Chỉ cần như thế cũng đủ để Chỉnh tự do đến «xin» khéo Hoàng - để một nàng công chúa. Nhà vua còn bao nhiêu

cô chưa chồng cho sắp lớp đứng để Chỉnh tự do lựa chọn. Thật trong thế gian, chắc chưa mấy gia đình nào, dù trong dân gian, mà tự hạ và hạ giá con gái mình đến cái nước đem chúng rá làm món hàng không cần ngã giá như thế! Thân phận các nàng công chúa của một nước thất trận chẳng hơn thân phận bọn kỹ nữ là bao. Mà chính Nguyễn Huệ cũng cảm thấy điều đó, cho nên khi nghe Chỉnh về tâu kết quả sự lựa chọn, ông đã nói bằng giọng bông đùa :

— Vì đẹp loạn mà ra, rồi lấy vợ mà về, trẻ con nó cười thì sao? Tuy vậy ta mới chỉ quen gái Nam hà, chưa biết con gái Bắc hà. Nay cũng nên thử một chuyến xem có tốt không. (1)

Giọng bông đùa đó có ý nghĩa và giá trị gì? Cái cốt cách nông dân hay sự cố ý dung tục hóa những hạng người mà trước kia đối với ông là không-thề-với-tới-được (l'Inaccessible)? Dù sao cũng thật là trường hợp thú vị để bạn đọc suy nghĩ về đời sống riêng tư của vị tướng bách thắng mà ta tưởng chỉ biết có than gươm và yên ngựa. Khi lấy công chúa Ngọc Hân rồi, Nguyễn Huệ tìm hết cách để làm cho vợ «mở mày mở mặt» với đời. Có lẽ ông đã cố gắng chu toàn việc đó trên những điều kiện thông thường nhiều. Để rồi lòng tự phụ, kiêu hãnh không dấu được, ông hỏi gặng công chúa :

— Con trai con gái nhà vua đã có mấy người sướng như chúa? (tr. 87)

Một lần khác, ông tìm hết các cách để lo đám ma cho hoàng-đế-nhạc-phụ «cực kỳ chu tất», có lẽ chưa mấy ông rề trong thế gian này lo được kỹ càng hơn (điều này cũng phát xuất do mặc cảm nhưng

(1) Chúng tôi cho in đậm (người trích)

đồng thời cũng hé cho ta thấy một phần ý chí và óc trách nhiệm phi thường trong tinh thần nhà lãnh đạo vĩ đại đó đối với một việc gần như ông không đáng để tâm). Rồi cũng sau đó, ông tự đắc bảo với công chúa.

— Tiên đế có hơn 30 con trai, ngày nay báo hiếu lại có con gái. Thử xem có ai giúp đỡ Công chúa được chút nào không. Cờ nhân bảo "nữ tắc môn mi" là phải lắm.

Tất nhiên ông nói không phải để tự mình nghe. Mà mỗi lần nghe xong những lời đầy tự hào của chồng, nàng công chúa mười sáu và xinh đẹp nhất trong đám chị em ấy lại phải một phen tỏ lòng cảm phục đến sát đất để cho ông được vừa lòng. Chẳng hạn lần này !

— Nhờ về công đức của ông lớn, tôi được báo hiếu với hoàng khảo, mở mặt với anh em, tục ngữ nói "trai không ăn mày vợ, gái phải ăn mày chồng" chính là nghĩa thế !

Thử hỏi trong chúng ta, có mấy bà vợ tự hạ đến thế. Thế nhưng, hình như chỉ có như thế mới thỏa mãn được cái tính hiếu thắng cố hữu của ông.

Nếu ta gặp Nguyễn Huệ với những tính cách ấy — thích oai vệ, thích thắng, thích được khâm phục thì trái lại ta gặp Nguyễn Nhạc một cách hết sức bất ngờ. Cung cách, cử chỉ, lời nói... tất cả đều còn nguyên vẹn cái bản chất chưa xa hạng lý hương. Chẳng hạn lúc ông mang hai ngàn rưỡi quân lính tới tả ra Bắc để bảo Nguyễn Huệ phải mang quân về. Dọc đường có dân chúng đem ít đồ ở biển xin vào biếu tặng vì lầm tưởng ông là một vị quan lớn đi qua (chắc tại thấy có lính nên tưởng thế, chứ không phải vì cách phục sức, các tiện nghi của ông), ông liền nói :

— Tôi không phải là quan lớn. Tôi là họ ngoại của chúa Nam - Hà (tức Chúa Nguyễn) vẫn quen gọi là Biện Nhạc đấy. Các người hậu tình, thấy tôi đi xa, lương khô, ăn nhạt, mà đem những món ngon lành biếu tôi, cảm ơn, cảm ơn...

(HL, trg 90)

Rồi lại tất tả đi luôn.

Chợt thấy bọn độ vài chục người, ai nấy lưng đóng khố bện, tay cầm một chiếc đòn ống, cỡi trần trùng trục đứng ở ven đường, chờ chúa Tây-Sơn đi qua, bọn đó hô lớn lên rằng :

— Chúng tôi về Nam, bị Chương Tiến đòi mãi lộ, cướp hết của cải ..

Chúa Tây Sơn hỏi :

— Nó ở đâu ?

Bọn đó đáp :

— Nó được của rồi, vội vàng chạy vào trong dãy núi kia. Chúa Tây Sơn liền sai quân lính đi đuổi.

(HL trg 90-91)

Đành là sau đó ông bị lừa, lừa một cách quá dễ dàng vì ông không ngờ tới. Nhưng tính cách bình dân ấy khiến tôi không thể nào quên nghĩ tới một đoạn văn của Hòa Thượng Trung Hoa Thích đại-Sán trong Hải ngoại kỷ sự (1) thuật lại một đoạn trong cuộc gặp gỡ với Chúa Nguyễn Phúc Châu rất lý thú :

Trong lúc nói chuyện, bỗng có một viên nội giám từ ngoài bước vào, nói vài câu tiếng việt, vương vội chạy ra. Nghe ngoài điện đánh ba hồi trống. Hồi lâu, Vương trở vào, thở hào hển. Ta (Thích đại Sán) thấy lạ hỏi thăm. Vương nói : "Vừa rồi trại quân bị lửa cháy, sáng sớm

(1) HNKS Viện Đại học Huế, toàn bộ 1963.

chạy qua cứu chữa, xin chịu thất lễ, không được bồi tiếp Lão tăng.» Ta hỏi : «Vương tự mình qua cứu?» — «Thưa phải, chẳng kịp chờ xa giá, ta đến, quan quân mới tề tựu cứu chữa.» (...) «Phải nhưng biết thế nào, trong nước toàn nhà tranh, năm nào cũng có hỏa hoạn, mỗi lần cháy lan hàng mấy dặm» nếu chẳng cứu nhà dân sẽ ra tro hết.»

HNKS. 98-99

Cứ nghe ngôn ngữ hai ông vua trên đây, ta cũng hình dung được sự liên quan mật thiết sâu xa đến thế nào giữa vị lãnh tụ tối cao và người dân đen và ta có thể hiểu tại sao giữa dân và lãnh tụ thông cảm nhau, đem hết sức để mở đất đai hoặc để đánh giặc, bao giờ cũng hân hoan, hăng hái bên nhau.

Nhưng nói thế không phải họ khù khờ ngu ngơ. Đặc biệt là các ông «Biện Nhạc», kia, ở mỗi hoàn cảnh nào, đối với Ngọc Hân công chúa, đối với vua Lê tự thân mình ra đón ở phía Nam giao, đối với các quan lại của nhà Lê, các vị tiến sĩ v.v... với ai, ông cũng dùng lời cực kỳ thành thật, đôi khi què mùa, nhưng bao giờ cũng biết rõ, đánh giá đúng cái địa vị của mình. Ông đã tỏ ra có trí xét đoán thời thế, tài biện luận và thu phục nhân tâm vượt cả Nguyễn Huệ. Khi cần khôn ngoan, láu lỉnh, ông cũng dùng cái giọng thật thà chất phác và ông đã cho cái anh chàng tự xưng đệ nhất nhân vật Bắc Hà, giáo hoạt nhất thiên hạ là Nguyễn hữu Chính «leo cây». Chẳng hạn lúc sắp bỏ Bắc Hà, dẫn quân về Nam không để cho một ai hay biết, ông vẫn ung dung sai Chính xem ngày để mình vào nhà Thái miếu làm lễ. Chính hẹn một ngày hơi xa, ông vẫn bằng lòng. Rồi

ông vẫn cứ lấy cái giọng đặc nông dân ấy bảo Chính :

— Chú hai (Nguyễn Huệ) ra đây, người làm mối cho người vợ đẹp. Riêng ta lại không.

Chính thưa ;

— Chỉ sợ thánh thượng chê gái Bắc-hà quê mùa mà thôi. Nếu như thánh thượng rộng lượng bao dung, sự ấy kể cũng không khó.

Chúa Tây Sơn cười ;

— Thế thì người còn nợ ta đây. Phải trả mau đi. H.L. 97

Thật tài tình, linh hoạt. Tay đại rành mãnh Nguyễn hữu Chính nghe như thế, bảo sao không cả tin. Mà ai khỏi làm tướng ba bác lý hương, bác lái ghe Miền Nam ra, đố bác nào khỏi thèm như «mèo thềm mỡ» cái thứ gái da thịt trắng muốt, ăn nói lưu lợi miền Bắc, hưởng là gái Bắc vốn nuôi dưỡng trong cung ! Nhưng Chính bị gạt. Tay đại trí trá bị gạt ! Nguyễn Nhạc đã lặng lẽ dẫn em về giữa lúc Chính thiếu đề phòng, mấy chục vạn quân vụt một cái tan biến trong đêm tối, giữa giang sơn bủa đầy thám tử của Chính để cho Chính phải nói đùa (chắc cười ra nước mắt) :

— Ta đã đi khắp chín châu bốn bề, đến lúc trở về xô bếp lại bị chuột chù cắn chân.

oOo

Hoàng Lê Nhất Thống Chí còn tả nhiều vị tướng lãnh chắc không mấy được lòng dân. Nhưng không có vị tướng nào có bản sắc thật rõ ràng như anh em Nguyễn Huệ. Tôi thấy cần tìm một vị tướng quân Nam hà với tính tình, ngôn ngữ, cử chỉ biểu lộ cá tính địa phương sâu đậm, Nhưng chắc chắn hạng tướng lãnh này — như đã nói trên — chỉ là hạng mà dân chúng thù ghét vì họ

không xuất hiện như anh hùng dân tộc mà chỉ là đội quân viễn chinh — cũng lại viễn chinh ! — không có lý tưởng nào khác hơn việc làm khổ dân, ăn nhậu và kiếm gái. Tôi muốn giới thiệu ông đồ đốc kinh kỳ Tây Sơn trong Sơ Kính Tân Trang của Phạm Thái, một trong những số ít tác phẩm lấy đề tài trực tiếp trong xã hội Việt Nam, mô tả trực tiếp những phong cảnh Việt Nam chứ không dùng những nhân vật và phong cảnh «ngoại hóa» như vẫn xảy ra thời ấy. Đây, ông đồ đốc đi cưới vợ đẹp như thế nào với cái lối «phập phào thuốc giấy ngó càng đẹp trai» của ông :

Gởi thôi, ông dạy làm vầy :
Ta nghe chúng nói ông rầy có con.
Vậy nên tính việc cầu hôn,
Mãn rãng tính đó cho tròn mới xong
Trương Công (1) nghe nói hãi hùng
Gởi rằng ; «Trẻ nó ấu trùng dám đâu
Vả tôi với khách doanh cầu,
Việc Châu Trần định với nhau đã rồi»
Ông nghe thấy nói trái tai
« Đù oả sấu đá Đồng nai ngày ngà.
Đây không đáng rề ông già ?
Gờ m gan đồ đốc có là chi mô ?
Trẻ bay phá cửa bay vô !
Nắm bắt ngó thử náu co chừng nào ?
Trương công tìm giọng ngọt ngào,
Thân ông thương đến dạy sao vâng lời.
Vội vàng thế chữa hợp ngôi,
Hãy xin sắm sửa nữa tôi dâng người
Ông rằng : Nọ đặng nói chơi

Chừng năm ba bữa ta sai chúng về...

oOo

Dấu vết người Miền Nam trong văn chương Miền Bắc tiếc rằng chưa tìm thấy được nhiều. Nhất là trong hàng sĩ tử, dân chúng miền quê, những quân nhân không địa vị, để xem cho rõ sự giao hòa tình cảm của họ với nhau mà chính đó mới là đời sống thật, tình cảm thật trải rộng trên khắp lãnh thổ Miền Bắc lúc ấy chắc tràn ngập vó ngựa giặc «Quảng Nam». Nhưng dù sao chúng ta cũng được đền bù : dấu không thấy hạng bình dân ấy, nhưng qua con người của Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc vv.. ta cũng còn thấy màu sắc, gốc gác, tính cách nông dân miền Nam, một điều mà chắc chắn từ vua Lê đến chúa Trịnh dù gọi hết con sông Hồng Hà cũng không thể nào «khám phá» ra được tính chất nông dân miền Bắc tuy họ là những nhà lãnh đạo một xứ thuần túy nông nghiệp. Và đây chắc chắc cũng là một điểm quyết định trong việc vị lãnh tụ đầy mặc cảm cư xử «y như anh em các nhà thường dân» (1) đã đánh tan mấy chục vạn quân Thanh mà vị vua «chính thống» nhà Lê đã sang quỳ lạy rước về một cách nhục nhã.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

(1) Cha cô Quỳnh Ngọc người có tài sắc.

(2) Hoàng Lê Nhất Thống Chí.

HOA BƯƠM BƯƠM

Truyện dài của VÕ-HỒNG — Nhà xuất bản LÁ BỐI...

Khung cảnh thơ mộng của Đà Lạt. Những ngày đầu chiến tranh... Những cuộc tản cư. Không khí của «Bác sĩ Jivago», của «Cuốn theo chiều gió»...

Lãnh Nhuộm và Hoàn tất Hàng vải Nội hóa

Sẽ bắt đầu khai thác từ |2-5-67|

Nhà máy Nhuộm tối tân của Công-Ty

KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT NAM

S I C O V I N A

tại Phong-Phú THỦ-ĐỨC nhận lãnh : Phiếu, Nhuộm, Hoàn-tất hàng vải đủ loại, khổ rộng từ 1^m đến 1^m40.

CHUYÊN :

- ★ Phiếu trắng, nhuộm màu đủ các loại vải Coton, Polyester, Polyester / Coton, Nylon 6, Nylon 6-6, Nylon / Viscose, Nylon / Coton, Tơ-tằm (Soie naturelle) Rilsan, v. v...
- × Nhuộm và hoàn-tất đặc-biệt các loại hàng dùng may quần áo Âu-Mỹ khổ 1^m40.
- ★ Bảo đảm hoàn-tất hàng vải với các chất hóa-học mới nhất, các loại hồ đặc-biệt bằng những phương-pháp tinh-vi nhất thế-giới hiện nay : không co rút (irrétrécissable), không nhăn (infroissable), đốt không cháy (ignifuge), không thấm nước (imper-méable), không thối (imputrescible)...

ĐẶC - BIỆT :

Nhuộm các loại vải đen : Xiêm lóng, Ú, San-đằm với danh hiệu CHENT ' CLAER và PERFECT CHENT ' CLAER đúng theo phương-pháp GILLET-THAON (Pháp-quốc).

— Có máy EVASET để chế-biến các loại vải không co rút.

Kết - quả bảo - đảm :

Vì năng-xuất nhà máy có giới hạn, kính mời Quý vị Công-Kỹ-Thương-gia có hàng vải mộc cần hoàn-tất, xin liên-lạc gấp (mỗi buổi sáng từ 8 giờ đến 12 giờ) :

- Nhà máy Nhuộm Phong-Phú (THỦ-ĐỨC) « Khu KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI PHONG-PHÚ của Công-Ty SICOVANA » cạnh xa-lộ và ngang làng Đại-học THỦ-ĐỨC.
- Nhà máy Nhuộm An-Nhơn (GÒ-VẤP).

Kính cáo,

S I C O V I N A

Công-Ty KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT-NAM

4, Lê-Lợi — SAIGON

Việc giảng dạy triết-học tại VIỆT-NAM

II Nhận xét về những đề nghị cải-tổ

Trước những khuyết điểm quan trọng của môn triết học cũng như của nền giáo dục, nhiều đề nghị cải tổ đã được nêu lên.

(A) *Những đề-nghị cải-tổ.* Có những giáo sư triết lên tiếng với tư cách cá nhân, có những giáo sư họp thành tiểu-ban đề khuyến cáo cải tổ chương trình triết, gần đây, tháng 10/66, Bộ Giáo dục cũng chính thức lên tiếng đặt lại vấn đề. Sau đây là những đề nghị cải tổ quan trọng đã được cá nhân, đoàn thể và chính quyền nêu lên :

1-/ Cụ Bùi-hữu-Sùng. Trong hai số Bách-khoa 230 và 231 ngày 1 và 15/6/1962 cụ Bùi hữu Sùng đã đưa ra những đề nghị sau đây :

— Rút nhẹ chương trình và bớt giờ triết (các môn tâm-lý, đạo đức, siêu-hình đưa lên Đại-học. Ban C,D, học 5 giờ một tuần)

— Bắt liên lạc giữa triết-học và văn-chương đã học ở lớp dưới.

— Kim cấn hơn cở

— Đọc triết phẩm : mỗi giờ một tuần

— Dạy chủ nghĩa Mác-xít

2-/ Tiểu ban Triết trong kỳ Đại-hội chương-trình 1965.

Tiểu ban gồm 15 giáo sư triết (đại diện các trường Trưng Vương, Gia Long, Vinh bình, Rạch giá, Võ trường Toàn, Tây ninh, Phan thanh Giản, Chu văn An, Bùi thị Xuân, Đại học Văn khoa, Quốc học Huế) đã đưa ra những khuyến cáo như sau :

— Bỏ bớt những vấn đề quá trừu tượng, những lý thuyết quá cao xa đối với cảm nghĩ và tâm trạng học sinh.

— Đặt vào chương-trình những vấn-đề thiết thực, trực tiếp liên hệ đến cuộc sống... để giúp học sinh tìm câu trả lời trước những băn khoăn, thắc mắc về cuộc đời, về thân phận con người.

— Cách sắp xếp đề-mục trong chương trình phải liên tục theo một tiến-trình hợp lý. Các tiêu-đề phải rõ ràng, chi tiết để việc giảng dạy được thống nhất.

— Chú trọng đến triết học Đông phương và dành cho nó một địa - vị xứng đáng.

— Về phương diện thực hành, tinh thần và phương pháp dạy Triết phải phù hợp với bản chất và cứu-cánh của triết-học : phải tổ chức lớp học, số giờ để có thể giảng dạy và đối thoại, luyện tập óc phê bình suy luận chứ không học thuộc lòng vì triết cốt ở đối-thoại và đặt vấn-đề.

— Cách ra đề-thi phải phù hợp với cứu cánh của triết học : suy-luận, bàn cãi, tranh luận, nhận định... chứ không phải chỉ học thuộc lòng và lập lại.

3-/ Đến tháng 10-1966 Bộ Giáo Dục có ra một thông cáo thăm dò ý kiến giáo sư triết học toàn-quốc về một dự-án cải-tổ chương-trình triết. Công cuộc cải tổ này dựa trên hai tiêu chuẩn : Hiện-đại-hóa và tổng-hợp-hóa.

— a / *Hiện đại hóa.* « Theo tiêu chuẩn hiện-đại-hóa thì khoa tâm-lý-học đến nay đã thành hình là một khoa-học, một khoa-học nhân-văn bên cạnh những khoa-học nhân-văn khác như xã-hội-học, dân-tộc-học, sử-học... Vì lẽ đó, *tâm-lý-học* chỉ còn chiếm một chỗ đứng rất khiêm nhường trong chương-trình sửa đổi này. Ngoài ra, cũng trong tiêu-chuẩn này, chương-trình mới đưa vào *siêu-hình-học* những vấn-đề hiện-đại như thân phận con người, tha-nhân... và vào *đạo-đức-học* những vấn đề trách nhiệm tập thể, lao động... »

— b / *Tổng hợp hóa.* « Theo tiêu chuẩn tổng-hợp-hóa, phần triết học Đông phương sẽ không còn cái địa-vị lơ lửng bên cạnh một toàn bộ chương trình chép lại của tây phương. Từ nay Triết Đông sẽ song hành với triết Tây mà đi vào chương trình Triết. Như vậy, trong các đề mục của chương trình mới, đặc biệt là trong các bộ môn siêu hình học và đạo đức học, những tư tưởng, lý thuyết triết Đông sẽ phải dự phần tích cực để đặt và giải quyết những vấn đề thiết yếu nhân sinh. Tiêu chuẩn tổng hợp cũng đưa đến việc thay thế phần *tác phẩm triết học* bằng các bài *trích tuyển*. Cũng như các tác phẩm triết, các trích tuyển luyện tập khả năng đọc sách triết. Những ưu điểm của các trích tuyển là chúng gắn liền với chương trình, soi sáng và mở rộng những kiến thức giáo khoa. Do các trích tuyển ấy, học sinh sẽ được giới thiệu một số lớn tác phẩm triết học để có thể chọn lựa đúng đắn một vài tác giả phù hợp với chiều hướng tư tưởng của mình để chuyên luyện về sau ».

Thông tư ngày 23-9-1966 của bộ Giáo dục yêu cầu các giáo sư triết gửi bản trả lời về bộ trước ngày 15-10-1966. Có 30 trường trả lời trong thời hạn. Không kể những bản trả lời ba phải, sau đây là những kết quả tổng quát :

— Về hai tiêu chuẩn. Đồng ý vì hợp lý, hợp thời : 13 trường. Không đồng ý (rườm rà, mâu thuẫn) : 10 trường.

— Luận lý : Đồng ý : 6. Không đồng ý : 4.

— Siêu hình : Đồng ý : 6, Không đồng ý : 5.

— Tâm lý : Đồng ý 7, phản đối 15 (khó hiểu, không thực tế, quá nặng).

— Có thể áp dụng chương trình mới vào năm 1966-67 không ?

Có thể : 7 trường. Không thể được : 21 trường. Trong số các trường không đồng ý áp dụng chương trình mới ngay từ năm 1966-67 có một trường trả lời : « Xin bộ nhận định rõ ràng và lấy tinh thần phân minh của Descartes làm nền tảng cho việc soạn thảo chương trình rồi hãy áp dụng cho các trường Trung-học ». Đúng là tinh thần triết học ! (Dự án cải tổ được hai trường đồng ý hoàn toàn và bị một trường phản đối hoàn toàn. Ngoài ra có một số vấn đề dù không được hỏi ý kiến nhưng cũng được nêu lên : Cải tổ lại lẽ lối thi cử, rút xuống 5 câu hỏi thôi : 2 trường. Yêu cầu tăng thêm giờ : 10 trường).

Các đề nghị cải tổ có nhiều điểm khác nhau nhưng nói chung có một số đề nghị được đa số cùng đồng ý :

1. Rút nhẹ chương trình, chia chương mục cho hợp lý và gọn gàng hơn.
2. Nhấn mạnh đến vai trò của triết Đông.
3. Cải tổ lại phương pháp giảng dạy, số giờ, lẽ lối thi cử.
4. Bắt liên lạc triết học và văn chương
5. Dạy thêm mác-xít chủ nghĩa
6. Đưa vào những vấn đề thực tế, những kinh nghiệm sống thực trong cuộc sống hàng ngày.

B) Qua những đề nghị cải tổ trên chúng ta có nhận xét gì ? Sau đây là hai nhận xét về cách đặt vấn đề và về những khuyến cáo giải quyết vấn đề :

Thứ nhất : Không có tính cách bao quát, không đặt việc giảng dạy triết học trong toàn thể của nó.

1-1 Chỉ đặt vấn đề giảng dạy triết học ở Trung học và ở lớp đệ nhất. Tại sao không đem triết học (đã được sửa đổi và Việt nam hóa) xuống đệ nhị hoặc đưa triết học lên các phân khoa khác ngoài phân khoa văn chương ? (triết học về luật, về chính trị, về khoa học...) Tại sao không đặt vấn đề các phân khoa văn chương phải có thêm những chứng chỉ về toán, lý hóa, ?

2-1 Coi triết học như một bộ môn bên cạnh các bộ môn khác trong khi triết học là một bộ môn cho một cái nhìn chung về các bộ môn khác. Chỉ bàn về triết mà không bàn về triết lý giáo dục. Nếu học triết và thi triết cũng có tính cách học tủ, thi tủ như các môn thuộc lòng khác thì có lẽ nên bỏ triết học đi, mặt khác không thể hy vọng cải thiện môn triết trong một nền giáo dục không có triết lý giáo dục.

3-1 Không đặt tương quan giữa triết và đời sống chính trị, kinh tế, xã hội...

của Việt-Nam. Trong khung cảnh của Pháp, dạy triết như vậy có lẽ đã đầy đủ và hợp lý nhưng hoàn cảnh Việt-Nam khác hoàn cảnh Pháp nên không thể đem chương trình triết của Pháp áp dụng tại Việt-Nam, dù có thêm bớt vá vúi. Giáo dục như một ý hướng, một dự phóng của quốc gia, nó phải biểu lộ sắc - thái đặc biệt của quốc gia. Hiện nay, tại Việt-Nam triết học không có một chân đứng trong giáo dục, giáo dục không có chân đứng trong việc đào tạo một ý thức chính trị, xã hội thực sự hợp với nhu cầu đất nước. Những khuyến cáo không nhấn mạnh đến việc sửa đổi nội dung chương trình triết để gây ý thức dân tộc, chính trị và xã hội đó.

Thứ hai : không có tính cách thực tế, bỏ rơi hoàn cảnh Việt-Nam.

1 / Không tìm thấy dân tộc tính trong triết học, triết Đông giữ một địa vị rất khiêm nhường. Đại học, trung học đều theo chương trình triết học Tây phương pha phách chút ít triết Tàu, triết Ấn độ cho ra vẻ dân tộc. Văn hóa là của chung nhưng từ trước đến nay chúng ta chỉ truyền dạy và hấp thụ văn hóa Tây phương, với tinh thần Tây phương trong khi đáng lý văn minh, văn hóa Việt-Nam phải có một chỗ đứng quan trọng hơn trên Đại học cũng như ở Trung học. Tại sao văn hóa Việt-Nam lại không có một chỗ đứng ? Phải chăng vì Đại học và Trung học Việt-Nam hiện nay còn trong tay những người Việt-Nam nặng tinh thần Tây phương ?

2 / Quên rằng nền giáo dục hiện nay của Việt Nam chỉ là nền giáo dục do Pháp để lại, cần được cải tổ triệt để. Nói Đại học, Trung học Việt-Nam có lẽ không đúng, đó là những Đại học Trung học Pháp được giảng dạy bằng tiếng Việt-Nam, chúng ta học để trở thành người Pháp, người Mỹ hơn là để thành người Việt có tâm hồn Việt-Nam và phục vụ đất nước Việt-Nam. Nếu chỉ sửa đổi vá vúi lật vật mà thôi rồi lại áp dụng chương trình giáo dục hiện nay thì hoàn toàn vô ích vì chắc chắn trong tương lai chúng ta phải đương đầu với vấn đề một lần nữa.

3 / Không tìm được một thể đứng cho Triết học trong nền giáo dục từ chương cũng như trong nền giáo dục kỹ thuật, máy móc. Khủng hoảng triết học tại Việt-Nam có những nguyên nhân khác nguyên nhân đưa tới sự khủng hoảng tại Pháp nhưng điều quan trọng là trong tương lai rất gần nó sẽ phải đương đầu với những khó khăn đó, những khó khăn do nền giáo dục kỹ thuật và do hiểm họa chuyên-gia-trị đặt ra. Nền giáo dục từ chương đang dần chết, nền giáo dục khác sẽ thay thế : nền giáo dục coi sản xuất là mục đích độc nhất, không phải sản xuất để phục vụ con người nhưng dùng con người để phục vụ sản xuất. Từ nền giáo dục từ chương 100 % của Pháp chúng ta sẽ bước sang nền giáo dục kỹ thuật 100 % của Hoa kỳ. Chắc chắn đất nước chúng ta cần kỹ-thuật hóa mới tiến bộ được nhưng vấn đề là kỹ-thuật-hóa tới mức nào, đào tạo mẫu người nào để có thể tiến bộ mà không mất dân tộc tính, không thành những con người máy vô hồn. Triết học chưa tìm được một thể đứng giữa hai thái-cực đó. (1)

Dự án cải tổ chương trình triết học của bộ Giáo-dục cũng đưa ra hai tiêu chuẩn tổng-hợp-hóa và hiện-đại-hóa, nhưng xét cho cùng chúng vẫn không tránh khỏi tính cách vá vúi và vội vàng. Đem triết Đông lên địa vị quan trọng, nhưng quan trọng như thế nào ? Bằng 1/3 hay 1/2 chương trình triết Tây ? Tăng thêm địa vị nhưng lại quên tăng thêm giờ dạy. Nguyên-tắc hiện-đại-hóa cũng vậy, rất hợp thời trong hoàn cảnh Tây phương nhưng chưa chắc đã hợp thời với hoàn cảnh Việt-Nam. Việt-Nam có những vấn đề khác phải đương đầu, học sinh, sinh viên và người dân Việt-Nam có những ưu tư, thắc mắc khác không thấy được hiện-đại-hóa trong chương trình học.

III — Thử tìm một thế đứng cho môn Triết-học tại Việt-Nam.

A. — Nếu bãi bỏ chương trình triết học đi thì hậu quả sẽ ra sao ? Sẽ gây xáo trộn, sẽ làm mất đi một môn học gây tinh thần suy luận, phán đoán, sẽ hủy diệt những chất men cần thiết tránh cho xã hội khỏi mục nát... ? Có thực như vậy không ? Phải nói ngay rằng trong tình trạng hiện nay việc bãi bỏ chương trình triết chẳng gây một ảnh hưởng gì quan trọng (ngoài sự phản đối của mấy ông giáo sư dạy triết và bán sách triết học). Dạy triết như hiện nay, học triết như hiện nay, thi triết và chấm triết như hiện nay thì thái độ hợp lý nhất là bãi bỏ triết học đi. Điều khó hiểu không phải là đề nghị bãi bỏ hoặc cải tổ lại, nhưng điều khó hiểu là tại sao chúng ta lại có thể chịu đựng cái-gọi-là-triết-học như vậy cho tới giờ phút này. Chương trình triết hiện nay không thể hoàn thành sứ mạng mà nó phải hoàn thành, nó không đào tạo được mẫu người mà nó mong muốn, cũng như nó không có chân đứng trong học-đường và ngoài cuộc sống kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước.

1. — *Thật ra triết học có cần thiết như người ta tưởng không ?*

Trước khi nói chuyện cải tổ chương trình triết hoặc cải tổ việc giảng dạy triết học có lẽ phải hỏi xem triết học có thể giảng dạy được không. Dạy triết là dạy cái gì và học triết là học cái gì ? Dạy mọi nền triết lý thì sẽ rơi vào chỗ hoài nghi, ba phải, chỉ dạy một triết lý mà thôi thì lại lạc vào hiểm họa độc đoán. Chẳng học được gì cũng chẳng dạy được gì, có lẽ phải nói như Kant : người ta không học triết cũng không dạy triết, người ta chỉ học cách triết lý và dạy cách triết lý mà thôi. Dạy học sinh tinh thần yêu chuộng sự thực, óc tranh luận, phán đoán, đặt vấn đề... để có thể tự tìm cho mình một hướng đi, một con đường... Phải thực tế hơn vì sự thực không như vậy : Triết học đã trở nên môn học *tủ* như bất cứ môn học nào, giáo sư không đủ giờ để dò bài chấm bài nên cũng không có những giờ đối thoại, tranh luận liên miên theo phương pháp *Maieutique* của Socrate (nếu có, chưa chắc học sinh đã thích thú vì chúng biết rằng như vậy mãi thì cuối năm chắc chắn sẽ thi rớt). Ai cũng thấy rõ mục đích cao đẹp của triết học nhưng không muốn hoặc không có điều kiện để tiến tới mục đích cao quý đó. Triết học trở thành những câu thần chú ngắn nhất, gọn nhất, mảnh lỏi nhất, tiêu sảo nhất, khó hiểu nhất và *phản triết học nhất*. Trong chiều hướng đó, triết học có cũng được mà không có cũng không sao, chẳng cần thiết gì cả, bỏ nó đi có lẽ lại làm cho học sinh đỡ một gánh nặng.

Tuy nhiên nói như vậy không có nghĩa là *triết học* hoàn toàn vô ích nhưng chỉ có nghĩa là *triết học giảng dạy như hiện nay* thì hoàn toàn vô ích, nó không thể đạt tới những mục tiêu cao đẹp mà đáng lẽ nó phải đạt tới. Có triết học và cận bã triết học. Chúng ta học triết học thì ít mà học cận bã của triết học thì nhiều. Cận bã triết học cần bãi bỏ nhưng *triết học* thì cần phục hồi. Đề nghị bãi bỏ hay cải tổ triết học không phải là bóp chết triết học mà chính là đem lại một sinh lực mới cho nó. Chúng ta rất cần triết học nhưng chắc chắn không phải là thứ triết học *chần chừ, tiêu sảo* như hiện nay.

2. — Đặt vấn-đề giảng dạy triết-học là đặt vấn-đề gì ?

Nhưng từ chương, khoa cử, tiểu sào, thần chú, học vẹt, học tủ, thiếu thực tế, không phát triển con người toàn vẹn, không đủ khả năng phục vụ xã hội, không sáng tạo sản xuất... có phải chỉ là khuyết điểm của triết học hay là khuyết điểm chung của nền giáo dục ?

— a) Do đó đặt vấn đề triết học cũng là đặt vấn đề giáo dục, phê bình triết học cũng là phê bình nền giáo dục. Với nền giáo dục hiện nay thì dù có thêm bớt 1,2 giờ triết, Việt văn, công dân, sử địa, tăng giảm hệ số, thi đợt đầu đợt hai... cũng chẳng ai có ảo tưởng là nhờ đó học sinh sẽ thành những công dân gương mẫu hơn để phục vụ đất nước cả. Giáo dục nhằm phát triển con người *toàn vẹn*, chuẩn bị nó vào xã hội với *khả năng cải tạo xã hội* khi xã hội đó đi tới chỗ mục nát. Ba mục tiêu trên, giáo dục Việt Nam không thể đạt tới được. Nền giáo dục này chỉ có thể sản xuất ra những công chức, thư ký văn phòng, hoặc những ông tiến sĩ, thạc sĩ hưởng mọi ưu quyền và nắm mọi chức vụ quan trọng nhưng bất lực trước những vấn đề của đất nước. Đó là nền giáo dục giúp con người *ý thức* những khó khăn nhưng không giúp con người *thanh toán* những khó khăn. Thành thử có thể nói đó là nền giáo dục giúp con người *ý thức* về sự bất lực của mình.

— b) Đặt vấn đề dạy triết cũng là đặt vấn đề giáo dục nhưng đồng thời cũng là đặt vấn đề văn hóa, xã hội, ý-thức-hệ. Trước sự đói khổ, nghèo kém của dân tộc kiến thức từ chương khoa cử là một con số không. Nó dành cho lớp người có bằng cấp cao, nhiều quyền lợi và nhiều ảo tưởng trong khi thực sự lớp người này chỉ là những hiện tượng sống sót cuối cùng của một nền văn hóa giáo dục đang tàn lụi vì hết sinh lực. Cần từ bỏ nền giáo dục từ chương đó để đi vào con đường kỹ-thuật-hóa. Mọi hô hào cải tiến, xây dựng, cách mạng... chỉ là những sáo-ngữ rỗng tuếch và lộ bịch khi nền giáo dục kỹ thuật chỉ bằng 2/100 nền giáo dục phổ thông. Ý thức dân tộc bị chà đạp dưới thời Pháp thuộc đã không ngóc đầu lên nổi khi đất nước được độc lập vì nó lại tiếp tục bị giam lỏng trong tay tầng lớp bản xứ vong bản điều khiển đất nước theo tinh thần Pháp, ngôn ngữ Pháp và cơ cấu cũ do Pháp để lại. Tương tự như người Pháp trước kia, người Hoa-kỳ hiện nay cũng đem theo sự hiện diện của họ một nếp sống, một cách thể suy nghĩ, một nền văn-minh, một ý-thức-hệ khác biệt. Cần chọn một thể đứng cho giáo-dục, cho triết lý giáo dục để ý thức dân tộc, văn-hóa dân-tộc không bị phai mờ hẳn trước ảnh hưởng mãnh liệt của văn-hóa và ý-thức-hệ ngoại lai.

B. Đặt triết học trong toàn thể chương trình giáo dục nhưng lại đặt chương trình giáo dục trong toàn thể kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa... của Việt Nam, nhờ đặt vấn đề triết trong một toàn thể như vậy chúng ta thấy ngay sự sa lầy của nền giáo dục từ chương, sự bất lực của nền giáo dục kỹ-thuật quá phôi thai và sự vắng mặt của sắc thái dân tộc trước các nền văn hóa lai căng vọng ngoại. Cũng trong chiều hướng đó người ta thấy ngay dù muốn dù không, triết học

cũng phải đương đầu với các vấn đề triết lý giáo dục, phát triển kỹ thuật và gây một ý-thức dân-tộc. Từ những nhận xét đó, việc cải tổ chương trình triết trở nên cần thiết. Thiếu nó không phải người ta thiếu đi một môn học trong chương trình giáo dục mà là thiếu cái khiến cho công việc giáo huấn trở thành giáo dục. Công cuộc cải tổ cần thiết ít ra đề :

1) Giúp con người thực sự phát triển mọi khả năng tiềm ẩn, nhất là tinh thần phê bình, đối thoại và đặt vấn đề. Chương trình giảng dạy, phương pháp ra đề thi, chấm thi... nếu phản lại những mục tiêu trên cần phải sửa đổi. (Thà học 10 điều thiết thực, thích hợp với hoàn cảnh còn hơn bù đầu học 100 điều cao siêu vi đại nhưng xa thực tế. Đặt vấn đề cải tổ triết cũng là *chuyển hướng nền giáo dục hiện nay*. Chuyển hướng giáo dục không phải là đem hệ thống giáo dục Anh, Mỹ thay thế giáo dục hiện tại không cần xem chúng có thích hợp với hoàn cảnh Việt Nam hay không. Chuyển hướng giáo dục đề đào tạo những con người có kiến thức kỹ thuật chuyên môn, thực dụng, hoạt động, biết đặt vấn đề... chứ không phải đề đào tạo những con người hiểu động. Hoạt động khác hiểu động : trại hè, công tác, hát xướng có tính cách hiểu động hơn hoạt động, chúng giúp thiếu số trưởng giả thành thị che dấu mặc cảm tội lỗi và sự bất lực của mình).

2) Nhấn mạnh đến nhu cầu kỹ-thuật-hoá nền giáo-dục nhưng đồng thời cảnh tỉnh trước hiểm họa chuyên-gia-trị (Không thể tiến bộ, không thể xây dựng một cái gì nếu tỷ-lệ giáo dục kỹ thuật so với giáo dục phổ thông chỉ bằng 2/100. Tuy nhiên nhu cầu kỹ-thuật-hóa có thể đưa chúng ta tới hiểm họa chuyên-gia-trị, nhất là qua người Hoa-kỳ, nên các môn văn học, triết lý trở nên cần thiết để đem lại cho học sinh, sinh viên một cái nhìn bao quát về con người, về những vấn đề của con người, và về thân phận con người. Có thể đem triết học (sau khi đã được hiện đại hóa và Việt-Nam-hóa) xuống đệ-nhị hoặc lên các phân-khoa khoa-học (triết-học về Toán, về Khoa học, về Luật, Chính trị...), ngược lại cũng cần đem lại cho các sinh viên các phân khoa văn chương một kiến thức toán, lý hóa vững chắc hơn. Hai hiểm họa cần tránh là đào tạo những người chỉ biết tán dục ba hoa và những nhà kỹ thuật, chuyên viên thuần túy.

3) Gây ý-thức dân tộc trước những vấn đề của Việt-Nam nhưng không để ý thức này trở thành tinh thần bảo thủ, phản động (Phải cải tổ lại chương trình triết, những vấn đề quá cao xa trừu tượng của triết học tây phương không thích hợp với hoàn cảnh và nếp suy nghĩ Việt Nam cần được loại bỏ hoặc tạm thời loại bỏ để tránh sự khó hiểu, gượng ép và lai căng. Có những vấn đề của Việt Nam cần được xét kỹ và cho vào chương trình như triết học Đông phương, văn hóa phong tục tập quán dân tộc, vấn đề thông tin tuyên truyền, vấn đề chậm tiến, thể hệ đàn anh đàn em, sự va chạm của các nền văn minh, sự vong thân, nguy tín, chiến tranh và hòa bình, sự phủ nhận và vong thân của con người trong chủ nghĩa thực dân và tân thực dân, tội ác, nhân phẩm... Nếu không cho học sinh học thì học sinh cũng kiếm sách báo để tìm hiểu nhưng thường là hiểu lăm loạc không hiểu

Nói rằng phải để cho học sinh tự do tìm hiểu đôi khi chỉ là chiêu bài che đậy ân ý ngu dân hoặc tình trạng vô đường lối, vô tổ chức.)

Kết luận

Đặt vấn đề khủng hoảng triết lý cũng là đặt vấn đề khủng hoảng giáo dục, nhưng đặt vấn đề khủng hoảng giáo dục trong toàn thể của nó cũng là đặt vấn đề khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa... Nếu vậy, khủng hoảng triết học không phải chỉ là vấn đề của giáo sư và sinh viên, học sinh triết mà thôi nhưng là vấn đề chung của mọi người. Chọn một thể đứng cho triết học cũng là chọn một thể đứng cho giáo dục, cho ý thức dân tộc trước sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai. Phải tranh đấu để tiến tới việc kỹ-thuật-hóa giáo dục, nhưng làm sao để tranh đấu cho máy móc phục vụ con người chứ không phải tranh đấu để con người phục vụ máy móc. Giáo dục và triết-ly giáo-dục trở nên hết sức cần thiết. Vấn đề càng khó khăn thêm khi chúng ta không có thánh-kinh như cộng sản, nhưng không khó khăn thì đã không phải là vấn đề. Sớm muộn thế nào chúng ta cũng phải đương đầu với các vấn đề đó nếu chúng ta còn thấy mình là người Việt Nam. Một hồ hào cách-mạng xã-hội sẽ hoàn toàn vô ích nếu ngay từ bây giờ chúng ta không thực sự chuẩn bị cho một cuộc cách mạng tinh-thần trong đó giáo - dục nó chung và triết học nói riêng giữ một địa vị quan trọng.

NGUYỄN-TRỌNG-VĂN

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Sức mạnh của tinh-thần bất bạo-động

ĐÀO-ĐĂNG-VỸ

(Xin xem BK. TĐ. từ số 248)

Đất thiêng Ấn-độ đã sản-xuất ra một đấng Phật chí-tôn là Thích ca Mâu ni đã sản-xuất một bậc thánh sống là Gandhi, một đại thi-hào là Tagore... vẫn không hết làm ngạc-nhiên ta.

Sau khi thánh Gandhi chết, hai đệ-tử nổi danh nhất của ông là hai nhà lãnh-đạo tối cao của nước Ấn độc-lập : đó là cựu Tổng-thống Prasad và cựu Thủ-tướng Nehru. Nhưng còn một đệ-tử kỳ lạ của Gandhi nữa là ông Acharya Vinoba mà trong thế-giới đã nhiều người biết đến, nhưng ở nước ta có lẽ còn ít người nghe đến tên ông, vì ông vẫn theo chính-sách «ahimsa» bất-bạo động của Gandhi và âm thầm làm một cuộc cách-mạng về xã-hội và kinh-tế sau khi đã tranh đấu chính-trị bên cạnh Gandhi. Chủ-trương Sarvodaya, nghĩa là mỗi người phải phụng-sự cho mọi người, đã phát-huy mạnh-mẽ lúc ông mục-kích những cuộc tàn-bạo xảy ra tại tỉnh Telangana giữa những người nổi loạn cướp bóc vì đói khát và những nhà giàu bị cướp trở lại trả thù đàn áp không gớm tay. Từ ngày ấy nảy sinh trong trí ông kế-hoạch Bhudan và Sampattidan v.v... nghĩa là kêu gọi người có nhiều đất đai, tiền của, chia bớt đất và tiền cho kẻ xấu số hơn mình. Ông bắt đầu

thí-nghiệm kế-hoạch của ông ngay tại tỉnh Telanga, nơi đã xảy ra cuộc nổi loạn và trong hai tháng ông đã nhận được 5.000 mẫu (hectares) đất để hiến phát cho người không đất đai cày cấy. Sau đó, giữa đường ông đi bộ đến Delhi để gặp ông Nehru, do lời Thủ-tướng mời, ông lại nhận thêm được 7.000 mẫu nữa, và về sau ông nhận được tất cả 40.000 mẫu với hy-vọng sẽ nhận thêm cho tới 1 triệu mẫu.

Ông không lúc nào tự nhận là một lãnh-tụ và lúc nào cũng khiêm-tốn nói rằng nếu thầy ông là Thánh Gandhi còn sống thì ông không lúc nào ra mặt và chỉ ở lại làng ông quét đường và làm ruộng. Cử-chỉ khiêm-tốn và tài hùng-biến mãnh-liệt của ông đã làm xúc-động nhiều người khiến ông gặt hái được nhiều kết-qua bất - ngờ. Ông áp-dụng chính-sách bất-bạo động trong kinh-tế cũng như ông Gandhi đã áp-dụng bất-bạo-động trong chánh-trị. Việc ông Gandhi làm thiên nan vạn nan mà đã thành - công thì việc ông làm cũng sẽ thành-công, vì ông tin rằng hành-động của ông vừa hợp với truyền-thống văn-hóa của Ấn - độ, vừa là mầm mống cho một cuộc cách mạng bất-bạo-động về kinh-tế và

xã hội, và sẽ giúp xây dựng hòa-bình cho nhân loại. Nếu có người chủ trương cách mạng kinh tế bằng thù-hận, bằng chém giết, bằng thủ tiêu từng giai-cấp trong xã-hội, nếu có người cho rằng muốn chia đất đai cho kẻ nghèo thì phải tiêu-diệt địa chủ và tư-bản, thì ông lại chủ trương cách mạng kinh tế bằng tình thương, bằng sự phân chia tự-ý tự nguyện những của cải đất đai giữa người giàu và người nghèo, để cùng sống với nhau trong tình huynh đệ. Nếu muốn tránh bạo động, tránh thù hận, oán ghét, thì phải chấp-thuận chánh-sách bất-bạo-động và đầy tình thương trong sự dâng hiến bớt của cải mình cho những người thiếu thốn.

Lý tưởng thay! Nhưng ông đã thành-công phần nào trong chủ trương cao quý của ông. Nếu mỗi nước đều có không những một *Vinoba* mà hàng trăm hàng ngàn *Vinoba* và hàng vạn triệu người bớt tham-lam, bớt ích kỷ, để nghe lời *Vinoba*, thì chiến tranh giữa loài người sẽ chấm dứt và thái-bình có thể ngự-trị trên quả đất hồng rướm máu này.

oOo

Thưa quý vị,

Chúng tôi đã nói nhiều về những người cao-siêu và kỳ lạ của đất thiêng Ấn độ. Nay chúng tôi xin mạn phép mời quý vị đi vào một cõi đất hoàn toàn khác biệt, nhưng đất nào cũng có người lành.

Chúng tôi muốn nói đến chủ - trương bất-bạo-động và sức mạnh của bất-bạo-động ngay ở đất Hoa-Kỳ là một nước có một quân lực mạnh nhất thế giới.

Người thứ nhất ở Hoa Kỳ đã dùng chính sách bất-bạo-động để chống bất-công là nhà văn sĩ kiêm triết-gia *Henry*

Thoreau mà ở trên ta đã có dịp nhắc đến tên. *Thoreau* sinh trưởng ở vùng *Massachussetts*, đã học ở Đại-học-đường *Harvard* là Đại học danh tiếng nhất của Mỹ. Nhưng lúc mãn học, ông thấy tư-tưởng ông hoàn-toàn trái ngược với thời nhân và thế-hệ của ông. Trong lúc mọi người chạy theo những nhu cầu của thời đại khoa-học và kỹ-nghệ, thì ông cảm thấy sự bình dị hồn nhiên mới là chìa khóa đưa tới hạnh phúc. Ông trở về sống trong rừng và bên đồng ruộng để hưởng thú thiên nhiên, để quan-sát và viết về thiên nhiên và đời sống, về định mệnh của người đời. Ông tự làm nhà, tự trồng cây, tự bắt cá, tự làm bánh để ăn. Năm 1854, ông đã xuất bản cuốn *Walden* và tác phẩm ấy đã đưa ông đến mức thang danh-vọng trong văn-giới. Nhưng với cuốn *„Civil Disobedience“* ra năm 1849, ông càng nổi tiếng thêm, về tư-tưởng chính-trị, và ông đã ngẫu-nhiên dính-dáng vào chính-trị trong khi ông chỉ muốn làm một người rừơng. Vì đầu sống xa cách xã-hội, ông vẫn thấy ông có trách-nhiệm đối với xứ sở ông, với đồng-bào ông. Ông tuyên bố là nhiệm-vụ thứ nhất của một công dân đối với chánh-quyền là lúc nào chánh-quyền đi ngược với lương-tâm mình, thì mình phải kháng-cự lại.

Tháng 7 năm 1846, *Thoreau* từ-chối không trả một món thuế nhỏ cho chánh quyền Tiểu-bang *Massachussetts*, và ông nói : «Tôi tuyên chiến với chánh-quyền, theo cách thức của tôi». Ông bị bắt giam một ngày và ai cũng cho ông là điên. Một người bạn giấu ông mà trả thay số tiền thuế, ông mới ra khỏi nhà tù. Nhưng tại sao ông chống chánh quyền *Massachussetts* ? Chỉ vì Tiểu bang này cũng như các Tiểu bang khác ở Bắc-

Mỹ đã ủng hộ chế - độ nô-lệ ở miền Nam, tuy chế độ này đã bị cấm ở Tiểu-bang ông do một đạo luật từ năm 1780. Lúc còn những đàn ông, đàn bà và trẻ con bị mua bán như thú - vật trong xứ và chánh phủ Hoa-kỳ bắt giam họ hay dẫn giao họ lại cho chủ cũ họ, thì mỗi người Hoa-kỳ phải thấy mình có trách nhiệm trong sự việc ấy. Ông thấy ông không thể tuân phục chánh-phủ ông và ông nghĩ rằng mỗi người Mỹ đều phải làm như ông để chống chế-độ nô-lệ. «Lúc một phần sáu dân-số của một nước tự-hào là lãnh vực của tự-do mà còn nô-lệ — ông ta viết trong *Civil disobedience* —, thì tôi thấy đã đến lúc những người lương thiện phải nổi dậy và làm cách mạng». Thái-độ của ông lúc không trả thuế là thái độ của một người ái-quốc phụng-sự chánh-quyền một cách-sáng suốt. Nếu nhiều người cùng làm như ông, thì hình-thức chống đối của họ sẽ có hiệu - quả : đó là một hình-thức cách-mạng bất-bạo-động có thể thắng sức mạnh của bộ máy chính-quyền. Nếu những người như ông mà bị nằm tù, thì sự cầm tù này sẽ đánh thức lương - tâm của nhà cầm quyền.

Quan-niệm tranh đấu bất-bạo-động của *Thoreau* đã lan tràn khắp hoàn-cầu, và như ta thấy, đã ảnh-hưởng tới *Gandhi* lúc ông này đọc đến tác-phẩm «Bất-phục-tùng dân-sự» của *Thoreau*.

oOo

Nhưng cũng ở Mỹ, còn có một phong trào tranh đấu bất-bạo-động rộng lớn hơn nhiều và đã làm cả hoàn cầu phải chú ý và đã gây khó khăn không ít cho chánh phủ Hoa-kỳ. Đó là phong-trào tranh đấu của người da đen chống kỳ thị chủng tộc, chống bất-công,

chống sự ngược-đãi của người da trắng.

Điều buồn cười là nước Hoa-kỳ vẫn có truyền thống dân chủ nhất Thế-giới, tự hào đứng binh-vực tự-do cho các dân tộc, mà ngay trên đất mình lại đề xảy ra bao nhiêu bất-công, bao nhiêu chia rẽ đau đớn vì vấn đề kỳ-thị giữa dân da trắng và da đen.

Người da đen hay Hắc chủng gồm chừng 20 triệu nghĩa là hơn 1/10 của dân số Hoa-kỳ. Những người này đa-số là hậu duệ của những dân nô - lệ được mang từ Phi-châu sang Mỹ-châu từ đầu thế-kỷ 17 đến giữa thế-kỷ 19 và bao gồm cả những người da đen mà còn cả những người lai da đen 1/4, 1/8 cho đến 1/32 hay 1/64. Tổ tiên của họ là những chiến sĩ bại trận; những người mắc nợ, bị kẻ chiến-thắng hay chủ nợ bắt bán cho bọn buôn người da trắng tải từng tàu qua Tân-thế-giới và bán làm cu-li, nô lệ trong các đồn-diễn lớn ở Miền Nam Hoa kỳ. Có người là những tù-trưởng, những lãnh tụ da đen bị bắt làm tù binh rồi bị bán, cũng như những bọn đàn ông, đàn bà và trẻ em bị lừa bắt bởi bọn buôn người da trắng và những đồng đảng da đen của họ. Cũng có người do các đảo *Antilles* hay đã làm nô lệ ở Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha tải đến... Những người da đen phần nhiều thuộc những dân tộc có một nền văn-hóa riêng biệt của họ chứ không phải hoàn toàn dã man.

Dầu sao, những việc nặng nhọc nhất, dơ dáy nhất, nguy hiểm nhất để khai-phá đất đai, xây-dựng nước Mỹ hùng-cường thịnh-vượng ngày nay đều do dân da đen chịu đựng, gánh vác... Chế độ nô-lệ được bãi bỏ từ lâu, nhưng tình-trạng dân da đen không mấy được cải-

thiện, vì sự kỳ-thị chủng-tộc. Người da trắng vẫn kính thường da đen, nhất là ở Miền Nam: người da trắng và người da đen cùng ở một tỉnh, một thành phố, một xóm, một đường, nhưng hai bên vẫn như ở hai thế-giới khác nhau: quán ăn, lữ-điểm, xe buýt, xe hỏa đều có chỗ riêng biệt cho da trắng và da đen không được lẫn-lộn nhau, và người da đen nếu đi lầm vào chỗ dành riêng cho người da trắng nhất định phải bị đuổi ra, nếu chống-cự thì bị tù tội, hoặc bị ném đá, bị đánh đập có khi cho đến chết. Nhất là người da đen thường bị vu-khống trộm cướp hay hãm hiếp đàn bà, và bị ném đá. Và nhiều nghề-nghiệp họ không được làm, nhiều trường, con họ không được học. Lẽ tất-nhiên người da trắng, đề binh-vực cho thái-độ của họ, đã nêu ra những lý-do họ cho là chính-đáng như là người da đen lạc-hậu, ngu-dốt, hay phạm-pháp v.v... Điều này có thể đúng một phần, nhưng cũng do trình-trạng xã-hội người da trắng dành cho họ mà gây nên. Còn người da đen thì đau đớn tự hỏi: tại sao nghèo đói không ngót bao trùm dân-tộc họ? Ông bà họ đã làm gì phạm-tội với quốc-gia để bây giờ con cháu phải bị hành phạt? Họ có phản quốc hay có lúc nào từ-chối phận sự công-dân, hoặc từ-chối tranh-đấu cho tự-do, cho quyền-lợi quốc-gia??? — Nhưng nguy-hại nhất là đa-số người da đen tin rằng số-phận họ đành phải như vậy... Cho đến một ngày kia họ đã quá phần uất tất phải nổi dậy chống đối. Nhưng chống đối những kẻ đông hơn, mạnh hơn, giàu hơn, thế lực hơn, thì phải làm thế nào? Chỉ có cách là tranh-đấu bất-bạo-động, và xưa kia tinh-thần triết-gia Mỹ *Thoreau* đã ảnh-hưởng đến người Ấn-độ *Gandhi*, thì

ngày nay những thành-công phi-thường của *Gandhi* cũng vượt trùng-dương mà ảnh-hưởng mạnh đến người Mỹ da đen.

Cuộc tranh-đấu bất bạo-động quy-mô nhất xảy ra tại thành *Montgomery* trong tháng 12 năm 1955 dưới sự lãnh-đạo của một mục-sư da đen tên *Luther King*. Ngày 1-12-1955, cô thợ may da đen *Rosa Parks* lấy giấy xe buýt lên ngồi sau dãy ghế dành cho người da trắng, nhưng một lúc sau nhiều người da trắng lên đầy xe, thiếu chỗ ngồi. Người soát vé đã đuổi cô khỏi chỗ, và lúc cô này từ chối thì nàng đã bị cảnh sát bắt giam và bị đưa ra Tòa. Việc này đã gây ra một cuộc tẩy chay xe buýt thuộc một Hội kinh-doanh do người da trắng điều-khiển, chỉ sống về khách da đen nhưng lúc nào nhân-viên cũng tỏ thái-độ khinh bỉ bạc-đãi người da-đen... Sau vụ cô *Rosa Parks* xảy ra tất cả người da-đen có xe to xe nhỏ gì cũng đem ra dùng chỗ người đồng-chúng đi làm việc mà không cần đến xe buýt. Có người thì đi bộ đến sở dành xe cho người yếu hơn. Người da trắng đã trả thù, đã bắn lén, ném bom vào nhà *Luther King* và những lãnh tụ da-đen, đã bắt giam những người này, nhưng sau cùng, sự đoàn-kết và sự ủng-hộ của nhiều giới và nhiều nơi ngay cả một số người da trắng đã làm cho phong trào *Montgomery* thắng. Và họ đã thắng vì cương-quyết, vì đoàn-kết, vì kiên-nhẫn, và vì đã biết nghe theo nhà lãnh-tụ *Luther King* của họ. *Luther King* đã bảo người đồng-chúng ông: "Hãy thương người thù của ta, hãy cảm ơn người nguyên rủa ta, và hãy cầu-nguyện cho kẻ bạc-đãi ta."

Nhưng *Montgomery* chỉ là một bước đầu. Khắp mọi nơi ở miền Nam, những

Đoàn-thề được thành-lập để tranh-đấu cho sự bình-đẳng giữa tất cả người dân Hoa-Kỳ. Năm 1957 tại *Little Rock*, những nam nữ học sinh da - đen, lúc đến trường học, đã bị nhiều người da trắng cản trở và một cuộc xung-đột đen trắng đã phát-động khắp thành phố. Tổng thống *Eisenhower* phải gọi 1000 lính dù đến đô-thị này để che - chở cho học sinh da-đen đi học. Nhưng ông Thống đốc tiểu bang *Arkansas* lại ra lệnh đóng cửa trường suốt cả năm. Nhiều cuộc tiếp-xúc giữa lãnh-tụ da-đen và Phó Tổng-thống *Nixon* cùng Tổng-Thống *Eisenhower*, nhưng tình trạng vẫn kéo dài không thay đổi. Thanh-niên da-đen căm hờn đến tột độ, nhưng họ không quên lời thánh *Gandhi* dạy : «... Nếu các người muốn được việc gì quan trọng, thì các người chẳng những phải làm thỏa-mãn lý-trí, mà còn phải làm cảm-xúc lòng người... Và lòng người được sáng-suốt lên là do đau khổ gây nên »

Ngày 1-2-1960, một nhóm sinh viên da đen đi vào một tiệm cà phê ở *Greensboro* và kêu mấy tách cà phê để uống. Tiệm này chỉ dành riêng cho người da trắng nên các cậu sinh-viên kêu gọi bao nhiêu cũng không ai thêm đưa cà phê đến. Nhưng các cậu ngồi lì choán chỗ cho đến khi tiệm đóng cửa mới chịu ra về. Ngày mai họ lại cùng đến với một số sinh viên và số này cứ tăng thêm mãi. Và khắp các tiệm ăn uống quanh vùng và trong khắp 20 thành phố nữa, phong trào ngồi lì « *Sit-ins* » được phát động và duy trì một cách kiên-nhẫn trước sự phản-đối, hăm-dọa, xô đuổi của người da trắng. Người da đen chỉ ngồi mà không phá-phách, không bạo-động trước sự khiêu-khích của đối-phương. Có chỗ họ đã bị bắt, bị giam, nhưng họ đã vui vẻ vào tù, vừa ca hát hoặc niệm kinh.

Nhưng có chỗ lại được tăng-cường bởi những thanh niên da trắng đến tỏ cảm-tình và cùng chịu số phận như họ. Sau khi một quả bom đã liệng vào nhà một lãnh tụ da đen, *Luther King* đã đến *Greensboro* và trong một diễn-văn trước công-chúng, ông đã tuyên-bổ : « Chúng tôi muốn so-sánh khả-năng của kẻ làm cho người khác đau khổ, và khả-năng chịu đựng của những người này... Các người muốn làm gì chúng tôi thì cứ làm, sức hy sinh và chịu đựng của chúng tôi sẽ làm cho các người phải mòn mỏi... » Và phong trào *Sit-ins* cũng đã thắng.

Sau đó một cuộc *Du hành tự do* phát động từ thủ-đô Hoa-thịnh-đốn qua miền Nam. Nhóm người du-hành này gồm cả người da đen và người da trắng bạn, và dọc đường họ đi qua, hề chỗ nào dành riêng cho người da trắng thì người da đen đến ngồi, và trái lại chỗ nào dành cho người da đen thì đám người da trắng lại đi vào. Và trước khi họ khởi hành họ đã báo cho Tổng-thống *Kennedy* biết và đã đăng tin cùng các báo chí. Lúc xe buýt họ đến thành phố *Alabama*, nhiều người da trắng xông lại với đòn gậy bằng sắt đánh bẽ cả sườn xe và kính xe và đâm thủng cả lốp. Lúc cảnh sát đến giải tán đám người bạo động, và lúc xe buýt có thể tiếp tục hành-trình thì một đám xe nhà đi theo, và lúc đi khá xa thành phố đám xe nhà đến chặn xe buýt và vừa đốt xe và vừa đánh đập người du hành cho đến bị thương phải vào bệnh viện. Những xe du-hành khác cũng bị ngược đãi bạo-động như thế, cho đến khi Tổng-thống *Kennedy* phải gọi một toán Cảnh-sát Liên bang đến bảo vệ họ. Và những cuộc du hành khác lại

được tổ chức, những người tham dự lại bị hành hạ, và người Mỹ da trắng đã tỏ ra rằng họ đã không biết tuân lệnh của tối cao Pháp-viện của họ và chỉ biểu lộ sự hẹp hòi, bất công của họ. Nhưng người da đen vẫn mong rằng lương-tâm của toàn dân Mỹ sẽ đem lại công-bằng cho họ, vì nước Mỹ đã thành-lập sau một cuộc cách mạng chống bất công.

oOo

Sau cùng một cuộc tranh đấu đau đớn nhất và cũng có ý-nghĩa nhất, ảnh hưởng nhất cho tương lai, có lẽ là cuộc tranh đấu tại *Birmingham* năm 1963. *Birmingham* là một thành phố ở tiểu-bang *Alabama* là một tiểu bang ở Nam Hoa-kỳ có nhiều đất trồng bông và thuốc lá, có nhiều đồng cỏ nuôi bò và nhiều hầm mỏ. Lẽ tất nhiên là ở đây cũng có nhiều người da đen và kỳ thị chủng tộc cũng mang một tính cách rất gay gắt. Phong-trào tranh đấu bất-bạo-động ở đây phát động từ năm 1962 do các sinh viên da đen và về sau do sự lãnh đạo của mục sư da đen *Shuttleworth*. Sau những cuộc tẩy chay các tiệm dành riêng chỗ da đen và da trắng khác nhau, sau nhiều mít-tinh và những cuộc trả thù và khủng bố đẫm máu của người da trắng và những cuộc bắt bớ giam cầm dân da đen, ném bom phá nhà các lãnh tụ như *Shuttleworth* và cả *Luther King*, dân da đen đã được Tổng thống *Kennedy* và em ông lúc đó đang làm Bộ trưởng tư pháp, bình vực theo Hiến pháp và luật Liên bang. Phong trào bất bạo động ở *Birmingham* đã thành công và người da đen đã được công nhận nhiều quyền tự do dân sự.

Ngày 28-8-1963, lại có cuộc tụ-hội ngay tại thủ đô Hoa-thịnh-đốn, đến

250.000 người da đen ở từ các miền xa xôi đổ đến dự một cuộc biểu tình vĩ đại, trong ấy có mặt của nhiều người trắng và cả đại diện các giáo-hội da trắng nữa, và những lãnh tụ danh tiếng da đen như *Philip Randolph*. Hồng-y giáo chủ *Spellman* cũng đã lên tiếng trong dịp này và kêu gọi người da trắng chấm dứt mọi hành động kỳ thị chủng tộc. Ngày 28-8-63 là một ngày thắng trận vinh-dự nhất chẳng những cho dân da đen mà cả cho người Mỹ da trắng và cho lý tưởng dân-chủ tự-do của Liên bang Hoa kỳ! . . .

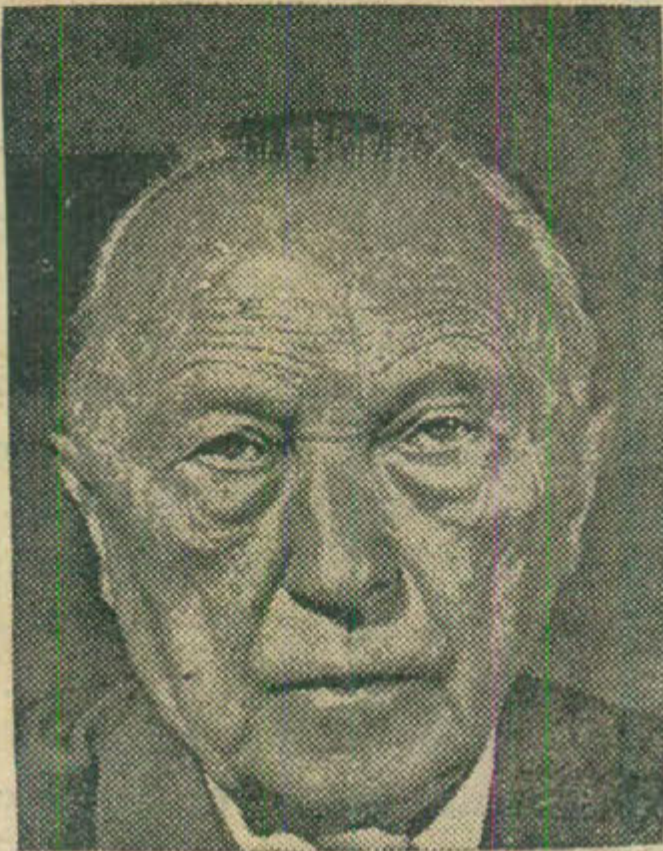
oOo

Thưa quý vị,

Chúng tôi không đủ thì giờ để trình cùng quý vị những phong-trào tranh-đấu bất-bạo-động khác trên thế giới. như *Phong-trào Chiến-sĩ Hòa-bình* của những người Mỹ và người Nhật tình nguyện đi giúp các nước chậm tiến mà không lấy lương, như nhóm lập *Đại-học Hòa-bình* và *Đảo Hòa-bình* ở Bỉ sẵn sàng tiếp đón những người tứ xứ muốn đến thảo luận, đối thoại và học hỏi phương-pháp tuyên truyền ý-niệm Hòa-bình khắp thế giới.

Trong một thế giới mà sự bạo động đã bành trướng khắp mọi nơi và đang làm le xò đầy nhân loại đến một vực thẳm cuối cùng và trong khi mọi người đều như kiên nhẫn chờ một sự tự-sát toàn-diện, thì những phong trào bất bạo-động đã phát sinh từ trước hay đang chớm nở... dù đã thành công hay chưa, cũng làm cho ta có thể hy vọng và tin rằng chỉ có tinh thần bất-bạo-động mới có sức mạnh đủ cứu vãn tương lai đen tối của loài người. Bất-bạo-động là một lý-tưởng đạo đức, một triết-lý chính-trị mà mọi người sẽ phải chấp nhận đề tồn tại . . .

ĐÀO-ĐĂNG-VỸ



Konrad Adenauer

Konrad ADENAUER người tái tạo Tây-Đức

Cựu thủ-tướng Adenauer đã mất vào năm ông 91 tuổi tại quê nhà ông ở làng Rhöndorf vì bệnh đau cuống phổi và cúm. Linh cữu ông được đưa đến Bonn (thủ đô Tây Đức) và quàn tại phòng họp của dinh thủ-tướng (điện Schaumburg) trong 2 ngày để dân chúng nối đuôi nhau chiêm ngưỡng. Sau đó được đưa tới nhà thờ Cologne (tỉnh sinh quán của ông và nơi ông đã hai lần làm thị-trưởng, để làm lễ. Rồi từ đó người ta đưa linh cữu xuống một chiếc tàu đi ngược sông Rhin trở về Rhöndorf để được an táng bên phần mộ của hai bà vợ của ông.

Đám táng tuy giản dị mà trang nghiêm. Nó đã đi vào đúng những con đường mà xưa kia ông Adenauer đã dùng để đi tới tòa nhà Quốc hội liên bang (Bundestag). Đó là đám táng to nhất kể từ khi Tổng Thống J. F. Kennedy mất vào năm 1963. Có tất cả hơn mười vị nguyên thủ và rất nhiều phái đoàn của hầu hết các nước thuộc Thế-giới tự-do tham dự. Việt Nam cũng có cử một

phái đoàn đến điếu tang. Tổng Thống L. B. Johnson đã đích thân đến dự đám táng trên một chiếc phi cơ trực thăng của không lực Hoa-kỳ. Trong phái đoàn Hoa kỳ, ngoài Tổng Thống Johnson ra còn có ngoại trưởng Dean Rush, ông John Mc. Cloy, cựu Cao Ủy Mỹ ở Đức, tướng Lucius D. Clay, cựu thống-đốc quân sự khu chiếm đóng Hoa Kỳ tại Tây Đức, ông Allen Dulles, cựu giám đốc CIA. Ngoài Tổng Thống Hoa Kỳ còn có Tổng Thống Pháp De Gaulle thủ tướng Anh Harold Wilson và Thủ Tướng Ý Aldo Moro. Đám táng ông Churchill, hai năm trước đây cũng không có nhiều vị nguyên thủ đến thế. Người ta cho rằng có lẽ đây là một dịp cho Tổng Thống Johnson gặp gỡ các nhà lãnh đạo Âu-Châu để trao đổi ý-kiến về những vấn-đề quốc-tế khó khăn nhất là vấn-đề Việt Nam.

oOo

Ông Adenauer sinh năm 1876, đúng

10 năm sau khi Bismarck thực hiện xong cuộc thống nhất nước Đức. Churchill đã cho rằng ông là chính khách lỗi lạc nhất của nước Đức từ Bismarck đến giờ. Vốn sinh ở miền Tây (vùng sông Rhin) ông không ưa người Đức miền Đông (người Phổ). Ông có hai đời vợ và bảy người con, bốn trai, ba gái, người vợ sau mất vào năm 1948, khi ông 72 tuổi.

Ông có một bộ mặt rất đặc biệt, nước da màu gạch giống như người da đỏ, mắt sếch, gò má cao, lại thêm bị một tai nạn xe hơi vào năm 1917, mặt bị mờ, nên trông càng dễ sợ. Tính nết ông cũng đặc biệt, xảo quyệt nhiều khi đến ác độc. Những công sự viên của ông rất tận tâm một phần là vì khiếp đảm. Người ta còn nói ông sẵn sàng hy sinh những người bạn thân nhất để bảo vệ lập trường của mình. Tuy nhiên, người Đức vẫn rất kính trọng ông và mỗi khi nói đến ông, người ta thường dùng danh từ der Alte (có nghĩa là chữ « cụ » của ta).

Vì bị bệnh phổi nên ông không tham dự cuộc chiến tranh 14-18. Nhưng đến năm 1917, một năm trước khi Âu chiến chấm dứt, ông được cử làm thị trưởng Cologne (Năm đó ông 41 tuổi). Ông giữ chức vụ đó mãi đến năm 1933 là năm Hitler lên cầm quyền. Ông rất ghét Hitler. Khi nhà độc tài này đến thăm Cologne vào tháng 2-1933, ông bắt hạ cờ biển xuống không cho đón tiếp. Hitler giận lắm cất chức ông. Trong thời đại chiến thứ nhì ông bị bắt đưa đi trại tập trung, viên cai ngục thấy ông già rồi không đề ý nên ông vượt ngục trốn thoát, vợ ông bị bắt làm con tin. Khi quân đội Mỹ vượt qua sông Rhin gần khu

nhà ông ở, ông suýt bị mất mạng vì một phát đại bác. Người Mỹ đưa ông trở về làm thị trưởng ở Cologne sau 12 năm chìm nổi. Nhưng tỉnh ông lại thuộc khu chiếm đóng của người Anh. Tướng Robertson, tư lệnh quân Anh, không ưa ông và cách chức ông cho là bất lực. Năm 1949, ông nhân danh đảng Dân-chủ Thiên-chúa giáo ra tranh cử chức Thủ tướng Liên bang Đức (chancellor du Reich, ông thắng nhà lãnh tụ xã hội Schumacher đúng một phiếu và đó là phiếu của ông. Năm đó ông đã 73 tuổi. Sự nghiệp ông mới bắt đầu. Cho đến năm 1949, rất ít người biết tới ông. Lúc đầu có nhiều người Đức lại còn cho ông là Đức gian. Sau 14 năm cầm quyền, ông trả lại cho nước Đức sự phồn vinh, danh ông gắn liền với nước Đức đến nỗi ngày nay nếu ông chưa chết, có nhiều người vẫn tưởng ông còn là thủ tướng. Dưới thời ông, Tây Đức, từ một nước bị chiếm đóng chia ra làm 3 khu vực Anh Mỹ Pháp, biến thành một nước đồng minh có châu trong Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương. Nhiều khi ông đã phải dùng mưu mẹo, mách khéo để được sự tin cậy của các nhà cầm quyền chiếm đóng và làm cho quy chế chiếm đóng đỡ ngặt nghèo, có lợi cho nước Đức. Ông rất ghét cộng sản. Đối với ông, Staline, Khrouchtchev hay Kossygine cũng chỉ là những bộ mặt khác nhau của cộng sản mà thôi. Đối với Cộng sản, đường lối của ông rất rõ rệt: bất hợp tác. Về điểm này, ông rất gần Foster Dulles và ông rất cảm phục chính-trị-gia lỗi lạc này của Hoa-kỳ. Người thứ hai mà ông cảm phục có lẽ là Charles De Gaulle, Tổng Thống Pháp. Vì ghét cộng sản và không ưa người Phổ (Đông Đức) nên ông không sốt sắng với việc

thống nhất nước Đức. Nhưng ông lại rất sốt sắng với việc thống nhất Âu-Châu. Chính ông nói: «Tôi thích sự thống nhất Âu-Châu hơn là sự thống nhất nước Đức». Do đó mà ta thấy ông đã đi gần lại chính sách của De Gaulle. Ông đã thực hiện được sự hòa giải Pháp-Đức. Ông là một trong những người đã xây dựng nên khối than thép Âu-Châu (1952), khối phòng thủ chung Âu-Châu (1954), và khối Thị trường chung Âu-Châu (1958). Năm 1955 ông đã đưa Tây Đức vào khối Liên minh Bắc Đại-Tây Dương. (Hội viên thứ 15) việc mà trước kia các nước Đồng minh đã phản đối. Từ chỗ chịu nhận giải trang nước Đức, ông đã dần dần đưa đồng minh đến chỗ tái vũ-trang nước Đức. Ngày nay, Tây-Đức với một đạo quân 385.000 người, trang-bị tối tân, là một lực lượng chính trong việc phòng thủ Âu-Châu chống lại xâm-lăng CS. Đức có một chỗ ngồi danh dự trong cơ quan Euratom. Một tướng Đức ngày nay được cử chỉ-huy lực quân đồng minh của khối Minh-ước Bắc Đại-tây-dương. Trên đất Đức ngày nay còn có 325 000 quân Hoa kỳ, 70.000 quân Pháp và chừng 100.000 quân Anh, không phải để phòng sự nổi dậy của nước Đức mà là để thực hiện một sự thăng bằng lực lượng với CS. Những chuyến đi của De Gaulle qua thăm Đức và Adenauer qua thăm Pháp đã gắn chặt tình hữu-nghị Pháp Đức và đập tan mối nghi ngại truyền kiếp giữa hai nước. Thành quả đó một phần lớn là nhờ ở Adenauer. Bởi thế cho nên ông rất tức giận sau này khi thấy ông Erhard đi ngược lại chính sách Pháp-Đức thân thiện của ông. Ông ghét người Anh có lẽ vì ông đã bị họ phế thải. Bởi thế cho nên ông đã đề mặc cho De Gaulle gạt Anh ra khỏi Thị-trường

chung Âu-Châu (1-1963). Nhưng trái lại, đối với Mỹ thì lúc nào ông cũng chủ-trương liên-minh chặt chẽ vì người Mỹ đã giúp cho việc thực hiện chính sách của ông.

Ông tiếp nhận một nước Đức hoang tàn vì chiến tranh, xứ sở chia cắt, lòng người chán nản. Ông đã làm cho nước đó hồi sinh. Nước Đức không những đủ sức nuôi một đạo quân đồng minh chiếm đóng mà lại còn trang trải được rất nhiều món nợ. Đặc biệt ông Adenauer đã chấp-thuận bồi thường hơn bảy tỉ Mỹ kim cho Do-Thái để đền bù những tội lỗi mà xưa kia phát-xít Đức đã gây ra cho người Do-Thái (6 triệu người bị Hitler giết). Nước Đức ngày nay không những là một đồng minh lớn mạnh của Tây-phương mà lại còn là cường quốc thứ ba về phương diện kinh tế, nước thứ nhì về sản xuất xe hơi. Sự phồn vinh của nước Đức ngày nay ở ngoài sự tưởng tượng của mọi người. Đồng Mark Đức còn vững hơn đồng đô-la Mỹ. Hơn 3000 cây số xa lộ chằng chịt khắp nơi đưa nước Đức lên địa vị thứ nhất ở Âu-Châu. Sản xuất kỹ nghệ của Đức ngày nay gần gấp đôi của Pháp (34,4 triệu tấn thép năm 1962). Được như vậy một phần là nhờ ở sự cần cù chăm chỉ, óc sáng tạo, tinh thần kỷ luật của người Đức, nhờ ở tài tổ chức của ông Erhard là một kinh-tế-gia lỗi lạc. Nhưng ta cũng phải nói một phần là nhờ ở ông Adenauer đã biết chọn người. Chính ông đã tranh đấu kịch liệt để đưa ông Erhard lên chức vị Phó thủ-tướng và bộ-trưởng Kinh-tế, để ông này thực-hiện chương-trình cải-cách kinh-tế của ông, mặc dầu hai người lúc đầu không cùng chung một đảng và nhiều khi cũng khác

nhau về quan-điểm chính-trị (ông Erhard chấp nhận chính sách sống chung hòa bình hơn là ông Adenauer).

Ông là một chính-trị-gia bảo-thủ. Ông ghét xã-hội chủ-nghĩa và cũng ghét bọn quân-phiệt. Ông rất sùng đạo và đã sáng lập ra đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-Giáo là đảng có thế lực mạnh nhất ở Quốc-Hội Liên-Bang Tây-Đức. Đảng đối-lập là đảng Dân-chủ xã-hội của ông Willy Brandt (Thị-trưởng Tây-bá-linh, ngày nay là Phó thủ-tướng Tây-Đức).

Ông được tái cử thủ-tướng mấy lần với một đa số rất mỏng manh. Tuy nhiên đa số mỏng mang đó cũng đủ để cho ông cai trị với một bàn tay thép. Ông rất độc-đoán và nhiều khi không coi ý-kiến của các vị bộ-trưởng của ông vào đâu cả. Đã có một lần, ông nói với một nhà ngoại-giao như sau: «Đừng đề ý đến các bộ-trưởng của tôi, tôi là 75 % của nội - các». Ông còn dùng danh-từ «đầy tớ» (laquais) để chỉ các dân-biểu quốc-hội. Ông đã từng nói về Bismarck như sau: «Sở dĩ Bismarck thất-bại là vì ông đã dậy dân-chủ cho dân chúng». Xem như vậy đủ biết tư tưởng, tác phong của ông ngược hẳn lại với phe xã-hội. Sở dĩ ông thành công là vì nước Đức đang cần những người như ông. Ông thấy rõ con đường kiến-thiết của nước Đức và nhằm trúng bạn đồng minh. Ông khôn khéo xảo quyệt không những đối với kẻ thù mà còn đối với cả bạn nữa. Mục tiêu của ông là sự tái-tạo nước Đức. Tất cả những gì có ích cho sự tái tạo đó ông đều dám làm, nhưng ông không làm như một kẻ vô mưu, ông đã đi bằng con đường ngoắt ngoéo để đến mục đích. Ta cứ nhìn nước Đức ngày nay thì biết, cả đồng minh lẫn kẻ thù, chắc

không ai nghi và cũng không ai muốn rằng nước Đức đạt tới một trình độ phát triển như hiện tại. Vì thế cho nên dù người ta cho ông là xảo quyệt, là độc đoán, là gì gì đi nữa, nhưng không ai có thể phủ nhận ông là một nhà ái quốc. Ông đã lãnh-đạo nước Đức vượt qua một giai đoạn cần thiết trong lịch sử tiến hóa của dân-tộc này.

Ông là một người rất say mê chính quyền và không tin rằng có người nào kế nghiệp lại có thể làm giỏi được như mình. Trong vòng 14 năm, ông tái cử tới 3 lần mà lần nào cũng sát nút. Tuy vậy mà ông vẫn cứ tin ở mình. Có người hỏi ông đã chọn người kế-vị chưa. Ông chỉ mỉm cười và n'ỉ lảng: «Ừ nhỉ! Ông nói phải đấy. Biết đâu tôi không bị một tai nạn xe hơi!» Như vậy là ông gián tiếp nói rằng Ông còn khỏe lắm, chưa vội chi. Năm 1959 ông đã dự tính sửa đổi Hiến-pháp để nhằm chức Tổng Thống và nhường chức Thủ Tướng cho ông Erhard. Nhưng mưu mô đó thất bại vì vị Tổng Thống đương-nhiệm từ chối sự thay đổi Hiến pháp có lợi cho ông. Ông lại bám lấy ghế thủ tướng. Lúc đó, tối hậu thư của Khrouchtchev đã tạo cơ hội cho ông ở lại. Ông tuyên bố: «Tình thế lúc này rất gai góc. Một người mới, chính trị non, không thể ngồi ghế thủ tướng được». Ông ám chỉ Erhard vì từ xưa, tuy phục tài kinh tế của Erhard, ông vẫn chê ông này kém chánh trị.

Vì ông bám quá chặt vào ghế thủ tướng nên người ta phải nghi đến cách bày ông. Nhân vụ Spiegel mà ông bộ trưởng quốc phòng Strauss bị tai tiếng nặng nề, phe ông đề nghị ông này phải từ chức và cũng yêu cầu «der Alte» nên sớm rút lui nhường chỗ cho ông Erhard. Ông kháng

cự lại và đến phút chót còn có ý-định đi với phe dân-chủ xã-hội để được sự ủng hộ của phe này. Nhưng vì không được ai ủng hộ, ông đành phải từ chức vào tháng 10-63 nhường chỗ chủ ông Erhard Nhưng ông vẫn chưa chịu, ông chỉ tay vào cái ghế của ông trong hàng ngũ đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo ở Quốc-hội Liên-bang và nói: «Chỗ ngồi của tôi ở kia, và tôi không chịu im đâu». Quả vậy, trong 2 năm liền, ông không ngớt chỉ trích đường lối của ông Erhard mà ông cho là đã phá chính-sách của ông (chống cộng, thân Pháp, dựa vào Mỹ và thống nhất Âu châu).

Đối với thủ tướng mới Kiesinger, ông có cảm tình hơn vì ông này đã nổi lại dây thân thiện với Pháp.

Khi ông Kiesinger đến hỏi ý kiến ông về việc, đón tiếp Phó tổng-thống Mỹ Humphrey, ông nói: «Ông cứ nói thẳng với họ đi, người Mỹ ưa sự thật.»

Đối với vấn đề VN, ông muốn Mỹ sẽ rút khỏi nơi đây vì ông sợ Mỹ sẽ bớt chú ý đến vấn đề Đức và Âu-Châu.

Ông thật quả là một con người tranh đấu không mệt mỏi và xứng đáng là một vĩ nhân của nước Đức.

VIỆT - PHƯƠNG

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12

KX SỐ 889 BYT-QC DP

LABOHADZER

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỊNH YẾU PHỔI.
- HO - MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ỒNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

Kịch tác gia **VŨ-KHẮC-KHOAN**

Tên thực : Vũ - Khắc - Khoan sinh ngày 27-2-1917 tại Hà Nội.

Tác phẩm đã xuất bản : THĂNG CUỘI NGỒI GỐC CÂY ĐA (thoại kịch 1948) GIAO THỪA (thoại kịch 1952) đều đăng trong tạp chí Phổ Thông của Tổng Hội Sinh Viên ; HẬU TRƯỜNG (thoại kịch xuất bản 1954 Saigon) ; THẦN THÁP RỪA (tập truyện Quan Diêm xuất bản, 1957, Saigon). THÀNH CÁT TƯ HÃN (thoại kịch, Quan Diêm xuất bản, 1962, Saigon) ; QUAN ÂM THỊ KÍNH (giới thiệu một vở chèo cổ, Đào Tân xuất bản, 1966, Saigon)



Vũ Khắc Khoan ngày xưa...

Vũ Khắc Khoan thích sáng tác kịch hơn viết các loại khác, vì anh cho là kịch gần với sinh hoạt cuộc sống hơn. Nhưng anh lại không thích dựng kịch về những nhân vật lịch sử cận đại và cũng không muốn viết kịch phản ảnh cuộc sống hôm nay, vì nó có vẻ photocopie. Những câu chuyện, những nhân vật được anh dựng thành kịch, đều phải có một thời gian nào đó để đi vào thần thoại, như nhân vật Thành Cát Tư Hãn chẳng hạn. Anh thích dựng những kịch dã sử, thần thoại hoặc huyền thoại. Anh chưa nghĩ đến việc dựng những kịch lịch sử về Quang Trung, Lê Lợi, Trần Bình Trọng v.v. Có lẽ vì những dữ kiện còn gần chúng ta quá, chưa đủ thời gian để đi vào nghệ thuật. Những ngôn từ còn bờ ngỡ với nghệ thuật — như lúc mới kháng chiến, những danh từ ba lô, chỉ cán bộ, anh bộ đội v.v. — phải chờ một thời gian tối thiểu nào đó mới có thể đi vào nghệ thuật được.

Chẳng những sáng tác kịch, dựng kịch mà anh còn đóng kịch và làm đạo diễn cho nhiều ban kịch

Thuở còn là sinh viên y khoa Hà nội,



Vũ Khắc Khoan ngày nay trong tiệc cưới
Thạnh-Nam Túy-Hồng (1966)

anh đã dựng kịch *Thế Chiến Quốc* của Trần Tử Anh, anh và những sinh viên trong *Tổng Hội Sinh Viên Hà nội* (do ông Phạm biều Tâm làm Hội trưởng), chia nhau đóng các vai, anh đóng vai Ngô Thời Nhiệm diễn ở (Hà nội khoảng 1941-1942). Năm sau, anh dựng vở *Nửa Đêm Truyền Hịch* (cũng của Trần Tử Anh và cũng ban kịch của *Tổng hội Sinh Viên* trình diễn, anh Trần Văn Khê lúc đó phụ trách điều khiển ban nhạc sinh viên). Cũng trong dịp ấy. *Tổng Hội Sinh Viên* giới thiệu bài hát *Tiếng Gọi Sinh Viên* của Lưu Hữu Phước.

Tính anh vốn thích ngao du kiếm tìm những mới lạ, rất ham thích nhưng cũng chóng chán. Năm 1939 đỗ tú tài I xong, bị khủng hoảng tinh thần anh bỏ nhà xuống Hải phòng, đăng vào lính *Không Nghề* (O.N.S) của Pháp, để được đi ngoại quốc chơi. Trong những

ngày nằm ở Hải phòng chờ chuyển tàu đi. trong tốp của anh, anh em đồng ngũ chết nhiều vì bệnh dịch đau màng óc, chuyển ấy bị giải tấu, cho về. Sau đó, thân phụ anh bắt về cho vào interne trường Bưởi. Anh thi tốt Tú tài II vào năm 1940, sau đó anh vào Y khoa (Hà nội).

Khoảng giữa năm 1942, đang học năm thứ nhất trường Thuốc, đâm chán, anh bỏ học vào Saigon chơi ít lâu. Ngay năm đó, anh vào Cao đẳng Nông Lâm, học ngành rừng. Thi lấy bằng kỹ sư Thủy Lâm xong anh không làm công chức, mà đi tìm mỏ ở Lao Kay, rồi về dựng nhà máy sợi ở Hà-dông, sau lại lập nhà máy giấy carton ở Ngọc Hà. Sau hết, anh lại chán quay về học Luật (niên khóa 1944-45). Nhưng sau ngày Nhật đảo chính 9-3-1945 anh bỏ Luật. Rồi từ đó đến nay, anh hoạt động chính trị bằng cách dùng văn nghệ để phục vụ cho đường lối chính trị. Anh và một số các đồng chí chủ trương giai cấp Trí thức tiểu tư sản phải quyết định thái độ và ý thức lập trường của mình, như anh đã mớm lời cho thần nữ trong Thần Tháp Rùa: « Một đảng là búa đập xuống đe, một đảng là mặt đe này lừa, một đảng là kẻ có tiền, một đảng là hoàn toàn tay trắng. Nhập vào đâu cũng chỉ là kẻ nhất thời. Đứng ở đâu cũng là mượn tạm đất đứng... Lý ưng ra, chàng phải nhập vào bọn người áo vải vì thật tình sản nghiệp của chàng không một tấc đất cắm dùi. Nhưng cái khổ của chàng lại là những uẩn khúc tâm tư những nhịt dọc ngang như thẻ bàn cờ.

Rồi Việt Minh cướp chính quyền...

Khoảng tháng 11 năm 1946, chính quyền VM tổ chức Đại Hội Văn Hóa Toàn Quốc ở Hà nội, họ mời anh tham

gia tiểu ban kịch. Ban này do Thế Lữ làm trưởng tiểu ban, gồm có Chu Ngọc, Nguyễn Tuấn, Vũ Khắc Khoan, được giao nhiệm vụ hợp dựng vở kịch *Đề Thám*. Ban này họp nhau để làm việc tạm tại nhà Thế Lữ. Họp nhau được mấy lần thì ngày 19 tháng 12 năm 1946 súng nổ khắp Hà Nội, VM cho lệnh toàn quốc kháng chiến... Thế Lữ đi theo cơ quan chỉ đạo, Nguyễn Tuấn vào Liên khu IV, anh (Vũ Khắc Khoan) cùng với Chu Ngọc theo ban kịch của Trần Huyền Trân về Liên khu III. Ban kịch này gồm có Thâm Tâm, Nguyễn Xuân Khoát, Hạc Đỉnh (vợ Trần Huyền Trân, chị Hạc Đỉnh trước vẫn đi 1 cho ban kịch Hà Nội). Trong dịp Đại Hội Văn Hóa Liên khu III năm 1948, anh dựng vở kịch *Vân Mũi* của Vũ Hoàng Chương, có nhà thơ họ Vũ thủ vai chính trong vở kịch ấy.

Năm 1949 anh về Hà Nội, vì *«Tôi không muốn thành điên như Lưu, Nguyễn. Tôi không muốn vắng mặt những 600 năm. Tôi muốn kịp thời có mặt ở mọi khúc quanh của dòng tiến hóa. Và nhất là vì... tôi cũng muốn yêu... Vì tôi là một con người Con người toàn diện...»* (Nhập Thiên Thai trong tập truyện *Thần Thập Rùa*). Những ngày mới về, anh đi dạy học ở trường Trung học Chu Văn An (Hà Nội). Năm 1950 đến 1952 anh thành lập ban kịch *Sông Hồng* trong *Hoa Quỳnh Kịch Xã* với Phan Tại, anh đã lần lượt dựng lên sân khấu *Sông Hồng* những vở: *Thăng Cuội* (vở này anh viết thoại kịch, sau Vũ Hoàng Chương viết thành kịch thơ) *Tiếng Trống Hà Hồi* (của Hoàng Như Mai,) *Tâm Sự Kẻ Sang Tần* (của Vũ Hoàng Chương,) *Giao Thừa* của Vũ Khắc Khoan.)

Anh di cư vào Saigon năm 1955. Lúc

đầu, gia đình anh ở đường Võ Tánh, rồi về Nguyễn Trãi Saigon, sau nữa là Trương Minh Giảng. Từ 1964 đến nay anh ở một căn phòng trong cư xá Quốc Giáo dọc đường Duy Tân. Phương tiện xe dịch hằng ngày của anh là taxi, xích lô máy, xích lô đạp — anh khoái nhất là xích lô đạp. Hồi năm 1956—57 anh có sắm chiếc *Vélo Solex*, anh đi một thời gian ngắn, mệt quá, anh lại đi bằng xích lô đạp và taxi vậy.

Anh thích viết vào quãng thời gian từ 3 giờ khuya tới sáng, và viết bằng loại viết BIC, viết trên giấy dùng để quay Ronéo, nhưng phải còn trắng 2 mặt; Anh mua từng ram về dùng. Anh không thích viết trên giấy bản tin của Việt Tấn Xã còn trắng một mặt. Thường thì sau bữa ăn tối (khoảng 7-8 giờ) anh lăn ra ngủ một giấc đến khoảng 1-2 giờ khuya, dậy tắm rửa xong cho tỉnh người, anh viết một mạch khi nào thấy trời sáng đẹp thì đi. Nếu không có công việc gì vào sáng hôm ấy, anh cũng đi dạo một vòng ngoài phố. Trời đẹp là anh phải đi, chứ không thể nào ngồi nhà mà viết được.

Anh rất thích đi nhậu với các bạn thân (Mai Thảo, Thanh Nam, Hoài Bắc, Mạc, Đỗ Anh Ngọc, Thanh Tâm Tuyền) ở nhà hàng Hải Biên (Saigon). Lúc còn trẻ anh thích khiêu vũ, lớn anh thích nghe hát cổ đầu, hiện nay anh vẫn thích nhậu lai rai với các bạn thân. Anh thường được các bạn ép uống — anh thích nhất là Whisky hiệu Black and White — đến say khướt, và anh rất chịu khó có mặt trong các cuộc họp mặt với các bạn bè; do đó anh được các bạn thân lấy tên một nhân vật trong truyện kiếm hiệp của Kim Dung là *Hồng Thất Công* (một vị bang trưởng hiền lành thích nhậu) đặt cho anh. Cái tên *Hồng Thất Công* đã được anh em văn nghệ sĩ quen thân với anh gọi anh thay vì Vũ Khắc Khoan. Mọi người gọi anh với sự vui đùa thân mật bao hàm

ý nghĩa kính mến, anh cũng mặc nhiên đón nhận với thái độ tươi vui. Những bạn thân của anh, ai cũng thích xì phé, riêng anh lại không thích cờ bạc. Duy có rượu với bạn thì đến mấy cũng vừa. Nhưng khi về nhà trong mọi bữa cơm với vợ con, không bao giờ anh uống một ly nhỏ rượu, dù uống khai vị. Những món ăn hằng ngày được anh khoái là cà muối, và nhất là đậu phụ rán chấm nước mắm chanh ớt.

Vũ Khắc Khoan con thứ 3 trong một gia đình 7 anh chị em. Cụ thân sinh anh là một nhà nho. Anh lấy vợ năm 1946, lúc anh 29 tuổi. Gia đình nhà vợ anh vốn quen thân với gia đình anh từ trước. Khi tản cư về Liên khu III, vợ anh sinh đứa con gái đầu lòng vào năm 1947 trong vùng kháng chiến. Anh thích kịch, nhưng lại đặt tên con gái đầu là Thơ, Vũ-Thị-Thơ chứ không có tên đệm; năm nay đã thi Tú Tài II ban Khoa học và cũng là sinh viên dương cầm (piano) năm thứ 7 trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn.

Hiện nay anh là giáo sư văn chương tại các trường Văn khoa Sài Gòn, Đalat trước anh có dạy Đại học Văn khoa Huế, sau vì đi lại nhọc quá nên thôi, và anh phụ trách ngành kịch nghệ ở Viện Quốc gia âm nhạc Sài Gòn.

Mới gặp Vũ Khắc Khoan với dáng điệu chừng chạc đến lừ lừ qua đôi mắt lúc nào cũng gần như găm gù trong thân hình mập mập, thấp mà vững chãi, ai cũng ngỡ rằng anh dữ tợn, khinh người, lạnh lùng lắm. Nhưng không. Bản chất anh rất hiền lành, dễ tính và trong câu chuyện đôi khi còn bắt gặp nơi anh những hóm hỉnh cợt đùa một cách rất thú vị, dù tuổi anh đã ngũ

tuần với mái tóc đã bạc hoa râm.

Các môn thể thao anh thích nhất là bơi lội, vì nó tự do. Chỉ cần có nước sâu là một mình thả hồ bơi dọc bơi ngang. Chứ các môn khác ít nhất cũng phải có một đối thủ mới có thể chơi được. Võ, thì anh biết nhu đạo. Anh ghét nhất là quyền Anh (boxe) Vì đã đánh nhau mà còn cấm đủ thứ, nào cấm đá, cấm đánh bụng dưới, cấm đánh cùi nhỏ, cấm đánh sau lưng v.v. Đã là đánh nhau mà còn cấm thì tập môn đó làm gì?

Theo quan niệm của anh, chính trị chỉ là nhất thời, nghệ thuật là muôn thuở. Cách mạng pháp Cách mạng Nga trước kia, và Cách Mạng Tàu gần đây đã chết biết bao nhiêu người cũng vẫn chưa giải quyết ổn thỏa. Anh cho là chính trị nhiều khi chỉ chết vì danh từ. Mà, chủ nghĩa Cộng sản thì lạc hậu từ lâu, những người Cộng sản hiện nay chỉ nhân danh Karl Mar để thực hiện đường lối chính trị của họ.

Tuy nhiên, miền Nam này cũng cần phải có một cuộc Cách mạng Xã Hội, Cách Mạng Xã Hội theo anh (Vũ Khắc Khoan) là đề dung hòa quyền lợi cá nhân với quyền lợi của đoàn thể. Muốn làm được công việc này, thì giai cấp trí thức tiểu tư sản phải làm nòng cốt.

Năm 1955-56, anh cùng với các anh Tạ Văn Nho, Phạm Quy, Nghiêm Xuân Hồng v.v. chủ trương tờ tuần báo Quan Điểm. Anh làm chủ bút, Hoàng Vinh Tường đứng chủ nhiệm (ông Tường không phải trong nhóm đồng chí của anh). Báo xuất bản được 16 số, vì chính phủ thấy đường lối chủ trương của tờ Quan Điểm không hợp với họ lúc đó (bấy giờ ông Trần Chánh Thành làm bộ

trường Thông Tin), mà các anh chủ trương tờ Quan Điểm cũng không chịu được một chủ nghĩa nào chi phối — dù chủ nghĩa đó do những người lãnh đạo quốc gia chỉ đạo. Cho nên, đến số 16, Quan Điểm bị đóng cửa. Sau thời gian báo Quan Điểm bị tự đóng cửa, anh hoàn thành vở thoại kịch Thành Cát Tư-Hãn và cho xuất bản. Sách in 2.000 cuốn, in ở Kim Lai ấn quán, phát hành vào năm 1962. Hôm nay sách đã bán hết từ lâu, mà anh còn nợ một số tiền in sách của Kim Lai ấn quán. Trong lúc nói chuyện với tôi, anh Vũ Khắc Khoan cười: «Còn nợ, mà chắc Lãng Nhân không đòi đâu».

Sau ngày Cách mạng 11-1963, anh còn làm báo một lần nữa. Anh làm chủ bút tờ nhật báo Ngày Nay do anh Hiếu Chân (Nguyễn-Hoạt) làm chủ nhiệm. Anh làm chủ bút được khoảng hai tháng thì anh xin thôi vì anh bận dạy học. Hơn nữa, anh cũng không chịu được công việc của nhật báo là phải có mặt hằng ngày ở tòa soạn. Năm 1965 ngày 1 tháng 10 Vũ Khắc Khoan lại «ghi nhận hằng ngày» trong mục Văn Nghệ và Cuộc Sống cho tuần báo Nghệ Thuật do Mai Thảo chủ bút Thanh Nam thư ký tòa soạn, Anh tâm sự với bạn đọc: *Thế rồi, tôi bắt gặp lại trong tôi một thoáng cảm giác, mảnh mai như đợt gió may, quen thuộc từ lâu mà cũng từ lâu xa vắng — cảm giác an lành: trời lạnh đắp chăn nhìn mưa bụi Tôi nhắm mắt lại, ngờ ngợ. Nhưng giấc ngủ loãng ra, tan dần. Gió lạnh đã thổi mây đen. Lắng nghe trong hoa và lá thế giới nhỏ bé của tôi, gió trời đã thổi là cơn lốc. Da trời trở tại xanh thẫm, cao vời... ..Tôi ngửa lòng bàn tay, vốc một vốc danh từ tung vội vào giữa hai bước xuống lên*

trầm bổng của đám bụi trời luân vũ. Như những viên kim cương. Như hằng hà sa số viên kim cương. Tôi nhập cuộc, (Nghệ Thuật số 1).

Và trong lúc tôi nói chuyện với anh (Vũ Khắc Khoan) để viết bài này là lúc anh đang hi hục sửa bản vở những bài cho tờ Nguyệt san VĂN ĐỀ do anh Chủ biên, Thanh Tâm Tuyền làm thư ký tòa soạn, Riêng anh, trong tạp chí Văn Đề, anh viết vở thoại kịch Ngô Nhận), anh muốn phổ biến lối dựng kịch mới, người diễn và nhân vật kịch phải tách ra. Ví dụ như trước kia, kịch sĩ Ba Vân đóng vai «người điên biết yêu» chẳng hạn, thì khán giả chỉ biết say sưa theo dõi người điên trong vở kịch chứ không còn thấy người diễn là Ba Vân nữa. Bây giờ, đang lúc diễn người diễn có thể ngừng lại đề hướng về khán trường nói với khán giả mấy câu. Chẳng hạn như Trùm Quạ (đang nói với quạ con) *Bắc cầu... bắc cầu... Mày làm như suốt đời tao chỉ có bắc cầu* (Rồi Trùm Quạ hướng về khán trường nói với khán giả): *Thật ra công việc chuyên môn của chúng tôi có phải là bắc cầu đâu? Chẳng qua chỉ tại cái tính tò mò... Các ngài chắc còn nhớ kỳ Hồng Thủy đầu tiên, nước dâng lên... Nghĩa là anh (Vũ Khắc Khoan) muốn tách rời nhân vật kịch và diễn viên ra. Anh nghiên cứu nghệ thuật của kịch sĩ Đức là Bracht mà anh cho rằng có chịu ảnh hưởng của nghệ thuật hát bộ Trung Hoa,*

Hiện anh sưu tầm đề lần lượt giới thiệu những vở chèo và hát bộ cổ của chúng ta để «bảo tồn vốn chung văn học và nghệ thuật dân tộc là bản phận của người dân Việt. Trong công cuộc lớn đó, chúng tôi quyết tâm gánh vác một phần việc nhỏ, Đó là hiệu đính, chú thích,

phân tích và ấn hành những tài liệu nghệ thuật sân khấu nước nhà từ trước. Mong mỗi của anh là có một ban kịch do anh điều khiển để anh dựng lại những vở kịch của anh và các vở kịch của các tác giả khác mà anh thích.

Còn từ trước đến giờ và bây giờ, những lúc nhậu với các bạn, trong khi say tơ lơ mơ, anh thường ngâm bài Hồ Trường của Nguyễn Bá Trác :

*Học chưa thành thân chẳng lập
Trai trẻ bao lâu mà đầu bạc
Trăm năm thân thế bóng tà dương
Võ gương mà hát, nghiêng bầu mà hỏi
Trời đất mang mang ai người tri kỷ
Lại đây cùng ta cạn một hồ trường*

Những lúc thả hồn theo hơi men Black and White lảng lảng với thuốc lá Pall Mall, đôi mắt lim dim của một Vũ Khắc Khoan nửa say nửa tỉnh đó, làm cho những người bạn dù thân hay sơ cũng khó mà khỏi ray rứt trước tâm sự của một nhà Cách mạng bất đắc chí Nguyễn Bá Trác qua hình ảnh và thân thế Vũ Khắc Khoan hiệu hữu trước mắt :

*Hồ trường, Hồ trường ta biết rót
về đâu ?*

*Rót về Đông phương, biển Đông nổi
sóng sinh cuồng bạn*

*Rót về Bắc phương, ngọn Bắc phong
heo hút cát cháy đá giương*

*Rót về Tây phương, mưa Tây sơn
từng trận chứa chan*

*Rót về Nam phương, trời Nam mờ
mịt có người quá chén như điên cuồng*

Và đến lúc tôi ngồi viết mấy dòng này, vẫn hiện hiện trước mắt tôi hình ảnh một Vũ Khắc Khoan võ dáng bệ vệ chừng như nghiêm khắc trong những lúc tôi gặp anh đi với các ông Nghiêm Xuân Hồng, Phạm Quy, v.v ; Và hình ảnh một Vũ Khắc Khoan Hồng Thất Công trước ly rượu đầy vơi bao lần hiền lành cợt đùa hóm hỉnh, lẫn trong giọng ngâm :

*Nào ai tỉnh nào ai say
Chi ta ta biết lòng ta ta hay
Nam nhi sự nghiệp ư hồ thi
Hà tất cùng sầu với cỏ cây*

(Hồ Trường)

Hai con người — chính trị và văn nghệ — của Vũ Khắc Khoan chỉ trộn lẫn nhau trong những lúc anh ngâm nga bài thơ Hồ Trường bên ly Black and White đầy cạn bao lần...

LÊ-PHƯƠNG-CHI

ĐÓN ĐỌC :

MÈO ĐÊM và LAO VÀO LỬA

Hai tập truyện của NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ.

- Những đời sống kỳ thú trong các snack-bar
- Bút pháp hồn nhiên, táo bạo của một cây bút phụ nữ đang lên.

KIM ANH xuất bản.

TRUYỆN DÀI

ĐỒ - TIẾN - ĐỨC

MÀ HỒNG

3 Tôi với tay mở máy thu thanh để đoán giờ. Có những tiếng trẻ con nhí nhảnh khéo léo đang diễn lại một cảnh nô đùa bên máy vi âm. Vậy là chưa tới bốn giờ. Ngủ một giấc lâu thế mà cũng chưa tới bốn giờ. Tôi vươn vai, ngáp một mồi. Biết làm gì cho tiêu nốt buổi chiều chủ nhật đây. Chiều chủ nhật buồn. Nằm trong căn gác điu hiu. Cả ngày chủ nhật buồn. Tất cả mọi chủ nhật đều buồn.

Buổi sáng còn hy vọng gặp vài tên trưởng ty vô công dỗi nghề hay vợ con ở xa lúc ăn điếm tâm để tán láo. Chờ giờ ăn cơm trưa. Buổi chiều thì biết đưa nào chui rúc ở đâu mà tìm. Đạt chắc là điệu em Thanh vào rừng dương của anh thủy lâm, nếu không đi bắn nhau. Tụi thằng Độ, Lâu, Trai, Hưng yên chỉ mười phần mười là lại rớt xi ở nhà Thuyết. Anh giáo triết gia Quang thế nào cũng đóng cửa tụng nốt những trang ronéo để năm nay còn chứng chỉ cuối, lấy nốt cho nó xong.

Tôi trở dậy lấy điệm đốt thuốc. Những sợi khói nhạt nhèo vụt khỏi miệng tan vào luồng nắng xiên từ một lỗ thủng nào trên tường ván. Thời gian hình như vẫn đang trôi qua đấy chứ. Và mình vẫn đang già thêm đấy chứ. Cuộc đời người được coi là thấm thoát thoi đưa, bóng câu qua cửa, ngắn lắm đấy chứ. Nhưng biết làm sao níu kéo lại được những giây phút này, giữ lại được khoảnh khắc này, ba giờ bốn mươi tám phút hai mươi hai giây. Đến một ngày nào đó, đời ban cho tiếng cụ, không biết mình sẽ nghĩ thế nào về tuổi trẻ? Hối tiếc vì không thỏa mãn sự hưởng thụ. Hài lòng? Vả... Vì gì? Ba giờ bốn mươi tám tám phút hai mươi hai giây. Biết làm gì bây giờ? Sống để chờ đợi đời thay tươi vui nào ở ngày mai?

Gian nhà trống trơn, đón nhận những tiếng la inh ỏi của bầy trẻ đùa ngoài hiên. Tôi lắng nghe xem Huyền có nhà không. Nhưng bên kia tấm vách cũng hoàn toàn im lặng. Buổi trưa, lúc đi ăn cơm về, Huyền mang cho tôi chai nước đun sôi để nguội. Huyền hỏi buổi chiều chú có mục nào chưa. Tôi lắc đầu trả lời

hết không còn chỗ nào để đi. Huyền cười bảo thế chú không thích lang thang trong chiều chủ nhật ? Tôi nhìn dáng điệu nhí nhảnh nhưng đoan trang Huyền, lòng lại nhớ những lời của đại úy Trọng nói về Huyền. Nên tôi không nói gì. Huyền im lặng theo. Rồi lát sau nói như chợt nhớ rằng nếu chiều chú không đi chơi, cháu sẽ rủ chú đi xem niềm vui tình nhỏ. Tôi gật đồng ý.

Như vậy chả nhẽ Huyền lại bỏ hẹn. Hay hôm nay máy bay phản lực không tới oanh tạc. Tôi ra mở cửa, nhìn xéo sang khoảng bờ hiên trước nhà Huyền. Tay búng tàn thuốc bay qua đám trẻ, rớt xuống mặt đường nhựa. Con Phượng đang nhảy dây, bỗng dừng tay nhìn tôi rồi quay vào nhà :

— Chú Đạm đó, chị Huyền.

Huyền bước ra, trên tay cầm mảnh khăn trắng và những cuộn chỉ màu xanh đỏ. Tôi cười đón Huyền :

— Tưởng đã đi rồi.

Huyền tới bên tôi :

— Cháu có hẹn chú đi xem niềm vui tình nhỏ mà ? Chú quên ?

— Chú vẫn chờ máy bay tới đấy chứ.

— Vậy thì sao chú lại hỏi cháu câu ấy ? Chú coi cháu như con nít, phải không.

Tôi cười lúng túng. Thấy rõ ràng mình đang cười cầu tài. Huyền thì vẫn thản nhiên đưa những mũi kim nhấp nhô trong mảnh vải. Tôi mở rộng cánh cửa, nhưng Huyền đã ngồi bệt xuống thềm nhà ngay sát chân tôi. Ngồi ngoài cho mát, chú. Tôi kéo chiếc ghế tới gần cửa để tạo một chút xa cách,

— Huyền thêu khăn cho ai ?

— Nhà trường bắt tội cháu mỗi đứa phải rập hai chiếc khăn thêu để gửi tặng các anh chiến sĩ.

— Huyền thêu chữ gì ?

— Cháu thêu một trái tim màu xanh lá cây, cho có vẻ hòa bình và chứa đựng nhiều tình yêu, xong thêu một hàng chữ, điệu lăm, thân gửi tới anh, tình của em.

— Đây là do lệnh mà phải làm, nhưng riêng Huyền, cháu có thương các anh chiến sĩ không ?

Huyền ngược nhìn tôi, cười :

— Chú hỏi để tình nguyện đi lính, hả. Cháu nói thật, ít khi cháu nghĩ tới ai ở xa hoặc không liên quan gì tới cháu. Nhưng những gì cháu gặp, cháu, nhớ hoài. Như anh trung sĩ Là, trước ở gian nhà này, bị chết, cháu khóc cả tháng. Mọi người cứ tưởng cháu yêu anh ấy.

Rồi ngừng tay, Huyền đảo mắt nhìn vào trong nhà. Đôi mắt bỗng u buồn, màu đen trong tròng mắt và làn mi như pha tối, biến hai con mắt thành hai vệt mực tàu trên trang giấy bản. Tôi nghe Huyền nhỏ giọng kể :

— Anh Là thuê gian nhà này được bảy tháng. Anh ở một mình. Không thấy anh nói chuyện ba anh, má anh, các em anh bao giờ. Ngày ngày đi làm trên tiểu khu, trưa và tối ở miết trong nhà, thời khâu cầm hết bài này sang bài khác. Thế rồi, một tối vào khoảng 8 giờ hơn, xe tiểu khu tới đập cửa gọi anh đi hành quân gấp. Lúc đó anh mượn của cháu chiếc cắt móng tay để cắt. Anh mới cắt được ba móng. Thế là anh đi luôn. Anh đã chết. Sĩ quan tiểu khu tới đây hỏi tin về họ hàng anh nhưng không ai biết. Cuối cùng, người ta lấy đồ đạc của anh ấy đi. Đựng vừa hết trong một va ly. Hình như trung sĩ Là mới hai mươi tuổi. Người Bắc.

Tôi định nói đùa thảo nào cứ lúc nửa đêm là có người vỗ vai gọi chú dậy đòi ngủ chung. Nhưng có lẽ câu nói như thế sẽ không được Huyền hưởng ứng. Huyền lại cúi xuống đưa mũi kim kéo sợi chỉ màu xanh xuống hình trái tim vẽ bằng bút chì đen. Những ngón tay nhỏ trắng lẩn với mảnh vải. Những sợi lông tơ phớt màu xanh thủy tinh, vô chai. Tưởng như chỉ cần một giọt mồ hôi lạ cũng đủ làm tan cái thanh khiết ấy. Thế mà sự thực đã biết bao nhiêu thứ mồ hôi đã thấm vào làn da ấy. Đã có bao nhiêu bàn tay mê man bóp nắn trong những phút giây cuồng nhiệt đôi cánh tay mềm như miếng thạch ấy rồi. Tôi chợt cảm thấy một nỗi xót xa hối tiếc lạ thường. Hối tiếc như chính tôi dự phần phá hoại đời Huyền. Như chính tôi đã không cứu nổi Huyền.

Sợi dây thừng vẫn quay tròn hình thoi giữa hai đũa tre. Một đũa khác co chân nhảy tránh giữa vòng, tung tăng đếm số. Em nhỏ ơi, rồi cuộc đời em cũng sẽ lần quần trong một cái vòng như thế. Em sẽ âm thầm đếm tháng năm qua trên mái tóc em. Vậy em cần gì phải tập cái trò này ? Tuy thế chúng vẫn thi nhau la lối, cười nói. Ước gì những âm thanh đó tràn ùa vào lòng mình chút ít.

Tôi không chịu nổi sự im lặng lâu hơn nữa :

— Nhà đi hết cả, Huyền ?

Huyền vẫn cúi đan :

— Ông cụ đi đánh bạc đấy. Hoài hoài. Chủ nhật, ngày nghỉ nào cũng đi từ sáng hôm trước đến sáng hôm sau. Chán lắm chú ơi. Nhiều lúc cháu chẳng thiết gì nữa, đi lang thang cho quên bớt.

— Chịu khó học, kiếm vài mảnh bằng cho đời nó có hướng đi lên chứ.

Huyền xì một tiếng :

— Thời buổi này mà chú, nghĩ xa xôi chỉ là viễn vông. Như anh Là, chú thấy không, chưa cắt xong mười cái móng tay đã chết rồi. Tương lai ở đâu với cái chết ấy ?

Tôi ngập ngừng :

— Có phải cả mười bốn triệu đồng bào đều chết cho cuộc chiến tranh này đâu. Mình phải tin tưởng ở ngày mai.

— Ngày mai. Ngày mai. Ngày mai là bao giờ và như thế nào? Chú thử phác họa xem có hấp dẫn không? Cháu nói thật điều này, những lời vừa rồi chú diễn tả không thành thật với lòng chú đâu. Chắc chú tin ở ngày mai lắm nhỉ? Ngày mai chú sẽ lên chức ông quận trưởng, hay tỉnh trưởng, hay bộ trưởng? Hay chú mộng cảnh sống đẹp hơn thế nữa? Cháu nghĩ rằng có lẽ chú chỉ có những cái mộng nhỏ như được đổi về Sài Gòn này, được hoãn đi lính này, phải không.

Huyền đã dẫn tôi vào ngõ cụt. Con bé này hiểu đời quá sức. Nó đã nhìn thấy tim gan mình thì cái làm sao nổi. Tôi đành ngồi yên lơ đãng nhìn ba đứa trẻ quay với sợi dây. Một lát Huyền tiếp:

— Dù sao, thế là chú còn hạnh phúc nhiều lắm. Cháu đây mới thật là bất hạnh. Không có cái gì để mong hết. Ngoài việc lấy chồng. Điều này lại giản dị quá vì chồng đứa con gái nào bây giờ lại không phải là lính. Một người lính. Tưởng tượng sơ thế thôi chú đã thấy buồn chưa? Cái thân thể chau chuốt thế này...

Gió rì rào trên lùm cây trướng cá làm rung những mảnh nắng vàng xuống ba đứa trẻ. Ở ngoài đường một chiếc xe nhà binh phóng nhanh về phía chợ, xả bụi mù sang hai bên hè phố. Con nhỏ này còn chán đời thường trực và xấu hơn cả mình. Hay chính nguyên do này khiến em trụy lạc? Tôi lại quan sát Huyền. Mái tóc như vừa gội chưa khô không còn một nếp uốn. Chiếc cổ tròn. Cánh tay tròn và dài như ống tre. Huyền vẫn bình thản đưa những mũi kim nhấp nhô trên mặt vải. Chịu. Không thể tin nổi đứa con gái như thế này mà đã từng ôm ấp cả chục người, cả trăm người. Có đại úy Trọng. Những vết lang ben loang sần sùi trên gáy. Có trung úy Đạt vũ bão và khô khan không một chút tình thương. Bỗng một bóng người hiện ra lù lù trước mặt, Mọi ý nghĩ của tôi vụt tan như bóng tối nhày nhựa khi ánh đèn bùng cháy rực rỡ sáng láng. Chúng tôi cùng trông lên. Một bà già còm cõi. Quần áo là một tảng màn nâu pha đen. Những mảng da cũng chỉ nâu pha đen. Chứ lại vụn ăn xin chứ cóc gì.

Bà già đứng một tí rồi thản nhiên ngồi bệt xuống sân, cái túi vải bỏ sang bên. Bà quay sang xem mấy đứa nhỏ đếm lanh lảnh, thở và nhảy chơi chơi trong vòng sợi dây xoay hình con thoi. Miệng và mắt bà hiện ra những nét tươi cười nhưng im lặng như một pha phim câm. Mãi bà mới nói:

— Mát quá hả. Bên tui nóng bức ghê lắm. Nhà bằng tôn mà. Tường bằng tôn hết trơn.

Tôi hỏi:

— Bác ở đâu?

— Bên trại Phước Mỹ đó. Tối hôm qua tụi nó vừa về nữa nè. Đốt trụi hết rồi,

Huyền cười :

— Thế mà còn kêu nóng vì lợp tôn. Thế lính mình đâu cả ?

— Lính mình hôm sau mới tới. Nhưng tụi nó đi hết rồi, còn bắt theo mấy người.

Hình như Huyền nhìn tôi chăm chú :

— Phước Mỹ thuộc quận của chú mà ? Chú biết vụ đó không ?

Tôi gật đầu. Có chứ, Bà già vẫn cười. Những nếp nhăn trên mặt xếp xếp gọn ghẽ như những nét khắc quá nghệ thuật và tỉ mỉ trên đồng đen, diễn tả trọn vẹn đức từ bi cứu độ nội ngồi bên nội nhìn đứa cháu lọt lòng đang ngủ với những cử chỉ hờn dỗi mụ dạy :

— Hai thằng con trai tui chết hết rồi. Một thằng bị tụi nó bắn xuân năm ngoái vì nghi là theo quốc gia. Vợ nó bỏ xác vào hầm chung nhau hết. Vợ nó làm đơn xin phép quận về nhận xác hoài không được. Mới liều trốn về ban đêm kéo được xác chồng nó. Da thịt bong nát be bét, chả biết có phải nó nữa không. Còn vợ nó tội lắm, bảo đừng về nhớ tụi nó bắn chết để con ai nuôi mà nó bảo để chồng nó chết như thế nó không chịu được, chết thì thôi.

Tôi lặng người, tâm trí ran ran như đang nghe một bản án. Nặng ở ngoài đường bỗng chói chang lạ thường. Có tiếng nói của Huyền thật êm :

— Thế bây giờ bác sống bằng cách nào ? Bác có mấy cháu ?

— Ba đứa của thằng nhỏ, ba đứa của thằng lớn. Mẹ thằng lớn mang con đi nơi khác rồi.

Huyền nhắc lại :

— Thế bác sống bằng cách nào ?

— Có gì ăn nấy. Chính phủ cho. Mỹ cho. Đi xin. Mẹ tụi nhỏ trước mang con đi xin ở trên này này. Nhưng giờ thôi rồi.

— Ở nhà làm gì mà sống ?

Vẫn chỉ nhìn thấy nét cười trên khuôn mặt đen xạm. Tuyệt nhiên không tìm ra những cảm xúc. Tiếng bà vẫn đều đều :

— Nó có hai cái quần. Cái lành mặc ban ngày đưa con đi xin. Cái rách mặc đêm. Tụi nó đốt trại, cháy tuốt. Nó bế con chạy, có mang được gì theo? Còn mỗi cái quần rách hở cả ra ngoài mà dám đi đâu. Vả không được, rách quá rồi.

Những tiếng ì ầm cõn cõn khắp bầu trời. Tôi ngược lên nhưng chỉ thấy mây trắng với trời xanh. Lại nhìn bà cụ. Cái mặt khô đét da nhăn nhúm trông như quả ô mai muối. Má tôi cũng nhỏ, cũng già như bác đấy, bác ơi. Đã lâu lắm, tôi có được nhìn khuôn mặt của má tôi đâu. Lòng tôi thốt hoang mang, mông mênh một niềm đau sót. Lại nhìn bà già. Đôi mắt chảy dài. Nụ cười chảy dài. Nhưng nhất định không có một xúc động nào biểu lộ, và nếu in trên ảnh thì nhất định quan khách chỉ tìm thấy một nụ cười.

Vẫn bằng giọng thanh thản của bà già kể chuyện cổ tích cho cháu nghe :

— Bây giờ cháy hết rồi. Mọi thứ mang đi theo từ nhà tới trại được cũng cháy rụi, trông đến buồn cười. Cái mâm...

Bà bỗng bật lên cười ngặt nghẽo, cái đầu lắc qua lại thật chậm rồi đổ nghiêng về một bên vai :

— Cái mâm bằng nhôm đen thui, bỏ bực như đất...

Và bà lại cười, giọng cười đầy thỏa mãn thoát ra từ khuôn mặt quắt héo quần quai. Những đứa trẻ vẫn tung tăng nhẩy nghịch với những tiếng reo lao xao sắc nhọn rờn rợn tới hình ảnh một bờ tường gấn đầy mảnh thủy tinh vỡ chói lóa ánh nắng. Một lát, vừa xoa bóp bắp đùi, bà già tiếp như độc thoại :

— Không còn cái gì hết trơn. Ruộng bỏ không hai mùa rồi, nhìn đất mà đói chết

Sao bà lại có một vẻ vô tư quá vậy? Hay bà đang chỉ kể lại một câu chuyện của nhà hàng xóm hoặc ai đã kể cho bà nghe? Huyền cũng ngồi nghe với dáng thờ ơ kỳ lạ, hai tay vẫn tiếp tục thêu thoăn thoắt. Tôi dặng háng rồi hỏi bà già bằng câu của Huyền ban nãy :

— Thế bây giờ bác sống bằng cách nào?

Bà già ngừng lên :

— Há? Đi xin. Sáng đi xe ngựa từ Đốc Quít sang đây mười đồng. Chiều đi xe ngựa về mười đồng.

— Vậy mỗi ngày bác xin được bao nhiêu?

— Có ngày hăm lăm, có ngày ba chục không chừng. Thêm vài nhúm gạo. Tôi muốn xin một cái quần cho cháu tôi mà không ai cho.

Câu trả lời khiến tôi ngẩn ngơ :

— Như thế mỗi ngày bác chỉ còn có năm mười đồng?

Vẫn chỉ có một giọng bình thản :

— Thế thôi chứ.

Huyền ngừng nhìn tôi, để cháu cho bà ấy cái quần vậy. Tôi gật đầu. Lát sau Huyền mang ra một chiếc quần đen, gấp ngay nếp ủi.

— Tôi cho bà đây này.

Bà già há, rồi nhìn chiếc quần mới trên tay Huyền ;

— Không dám đâu. Có cái nào rách thì cho chớ mang cái này lính nó tưởng tôi trộm ở đâu lại chết.

Huyền cười cúi xuống để đặt món quà vào tay bà già :

— Bà không lo, để tôi làm cho bà cái giấy chứng nhận.

Rồi quay sang tôi, nháy mắt :

— Có ông Phó thị thực đảng hoàng hoàng nữa.

Bà già cầm cái quần sát tận mắt, cười kêu chu cha mới quá mà cho thật không. Huyền đáp bộ tôi rờn sao. Tôi cho bà thì rồi Ông Phó Quận Trưởng sẽ thưởng tôi chứ mất không đâu mà bà lo. Phải không, ông Phó của cháu ? Sau đó, bà già bỏ đi, bà để cho chúng tôi mỗi một nụ cười tằn ngăm khi ngoái cổ trông lại. Bóng bà di chuyển thật chậm, bước thấp bước cao thất thểu ven bờ cỏ bên đường mờ mịt bụi đỏ nồng vẫn lên sau mỗi chuyển xe xuôi ngược. Mấy phút sau, chợt Huyền ngừng lên nhìn tôi. Vẫn cái nhìn thật chậm, thật chết, rồi nói :

— Chú cho cháu đi làm như chị Chi, được không.

Tôi còn vương những tư tưởng dẫn vật :

— Chú có quyền gì đâu. Cái nghề của chú có vẻ thừa đối với cái xã hội mà ai cũng cầm súng. Nên chú làm ở quận châu thành, thiên hạ đã coi như một đặc ân của cấp trên ban cho, đâu phải mình xứng đáng được hưởng. Huyền hiểu chú nói chưa.

— Thế ai cho chị Chi vào chỗ chú làm ?

— Chú không biết. Khi tới nhận việc chú đã thấy có cô Chi.

Huyền nhíu mày, rồi nhướn mày lên, mở mắt lớn nhìn tôi :

— Cháu hiểu rồi. Bờ của chị ấy vận động cho chị ấy.

— Ai ? Bờ của cô Chi là ai ?

Huyền cười :

— Chú làm gì mà cuống lên thế. Vậy chú chưa biết mối tình của chị Chi và ông trưởng ty bưu điện ?

Tôi hết sức ngạc nhiên, định hỏi có thật không. Nhưng vội kìm lời lại được. Mình liên quan gì mà phải sẵn tin cho Huyền thêm nghi. Chúng nó yêu nhau, hoặc lấy nhau thì cũng chết ai đâu. Nhưng liệu Huyền có biết rõ chuyện hay mới chỉ phỏng đoán. Cái không khí của tỉnh nhỏ là hay đồn đại tất cả mọi sự việc dù rằng chưa xảy ra.

Vậy đây chắc gì đã có lửa cho một chút khói mơ hồ bay qua. Tuy thế, từ khi nghe Huyền nói tôi mơ hồ cảm thấy đó là chuyện thật. Tôi chưa biết tại sao. Độ mới chỉ hỏi về Chi một lần ở nhà bưu điện. Sao anh bắt Chi đi công tác xa thế. Anh gắng giúp cho Chi được về quận sớm được không. Tôi như chợt hiểu ra anh Độ yêu Chi thật.

Huyền bỗng ngược lên nhìn trời rồi nói sang chuyện khác, giọng vui tươi như vừa tỉnh mộng :

— Số chú xui rồi. Hôm nay phần lực không tới.

— Thành ra chú mất cái giải trí cuối tuần. Mai phải bắt đền mới được.

Huyền đứng dậy :

— Chấm dứt nhé. Cháu đi chơi một lát. Ở nhà thấy buồn căng, nhớ cái gì đâu không biết.

Giữa lúc ấy, một chiếc xích lô chở một thanh niên bế một đứa nhỏ, đỗ ngay trước cửa. Tiếng thắng xe cách cách khiến Huyền quay ra. Rồi rất nhanh, Huyền quay lại nói với tôi :

— Anh Giang của cháu đấy.

Thân thể Giang to lớn, đen xạm. Giống như một người lính. Huyền và Phượng chạy ra tranh nhau giật đứa nhỏ trên tay anh. Huyền cao hơn nên đón được, bế chặt chiu ép vào má, lún cún chạy vào trước. Giang thấy tôi, vội cúi chào. Tôi gật đầu chào lại. Quái sao anh chàng này biết mình. Chắc lại gặp trong buổi họp nào hoặc có việc gì tới quận rồi. Như vậy thì chính mình bắt đầu mất an ninh đấy nhé. Dân đã biết mặt thì Giải phóng nó còn biết kỹ từng cái nốt ruồi trên mặt. Tránh sao nời.

Huyền giới thiệu :

— Anh cháu dạy học ở xã Hương Long, chú biết chưa.

Tôi bắt tay Giang, rồi nói riêng với Huyền:

— Hương Long thuộc quận chú nhưng xa quá, chú chưa tới nên chưa quen anh Giang.

Giang thường tránh những cái nhìn của tôi. Anh đứng khoanh tay trước ngực, xem Huyền nô rôn với đứa nhỏ.

— Bây giờ không thể tới Hương Long được nữa, ông Phó. Mất an ninh hoàn toàn. Tôi đã bị cảnh cáo bốn lần và sắp bị sa thải với lý do bỏ nhiệm sở bất hợp pháp.

Tôi tỏ vẻ ngạc nhiên :

— Chắc anh xích mích với ty tiểu học?

— Không. Máy ông ấy làm đúng nguyên tắc nhưng không chịu hiểu sự thật mà

thôi. Ông Phó tính, vùng ấy giờ mất an ninh. Quân đội tới hành quân là bắt đóng cửa trường cấm giáo viên vô xã. Rồi khi quân đội rút, lớp học mở lại thì tụi nó đã lảng vảng kéo về, quấy rối, khủng bố. Trong phòng học, tụi nó kẻ đầy những khẩu hiệu đá đảo chính phủ. Ở chỗ bàn thầy giáo, treo một lá cờ giải phóng to bằng cái chiếu. Tôi không dám đụng tới những thứ đó. Tụi học trò toàn là liên lạc viên của tụi nó. Dễ mất đầu lắm. Vì thế tôi phải kiếm ông chủ tịch xã để nhờ giải quyết. Ông xã bảo tôi phải lo. Thế là đương nhiên tôi ở cái thế kẹt. Xóa thì giải phóng giết, Đề vậy thì quân đội đi ngang cũng chết. Tôi nghi thử trình ông trưởng ty đề xin quyết định. Ông ty lại bảo vùng đó an ninh, bản đồ bình định của tỉnh ghi như thế. Ông bắt tôi trở lại dạy học. Tôi không dám đi. Vì vậy, tôi bị khiển trách liên tiếp hoài.

Tôi nhớ rõ lại màu sắc phân chia khu vực an ninh trên bản đồ bình định, thấy quả nhiên xã Hương Long thuộc vùng quốc gia. Vùng ảnh hưởng của ta mà đã có những tình cảnh này? Tôi nhìn anh Giang một lần nữa. Nét mặt anh thật cương nghị. Không tìm ra dấu vết yếu hèn nào trong cử chỉ của anh. Dứa con trai giống anh như có sự thu nhỏ lại từ thân xác anh. Huyền nâng niu cháu, đôi môi hôn không ngắt quãng. Phương bắt Huyền phải đặt cháu xuống đất để xem nó đi đã vững chưa. Hai người dành nhau, Giang dàn hòa bảo anh sẽ đề cháu Hồ ở đây chúng mày tha hồ bế, nó đá vào quần áo ráng chịu. Huyền trả lời bằng hai tiếng ô kê. Rồi chạy tuốt vào nhà. Tôi không có chuyện gì nói với Giang. Giang thì có một chuyện và đã nói hết. Đứng chờ vợ ngượng ngập một lát, Giang nhìn tôi khẽ nghiêng người chào rồi chậm chậm bước lên thềm nhà. Tôi quay vào thật mau. Chiếc đồng hồ tay ở trên giường chỉ bốn giờ năm mươi ba phút. Bốn giờ năm mươi ba phút. Vẫn còn nhiều thì giờ quá. Làm cái gì cho tới bảy giờ đi ăn cơm chứ? Viết thư.

Hình dáng Thủy vụt hiện ra trong trí tôi. Mình chưa gửi thư cho Thủy. Chắc từ hôm ấy, Thủy mong lắm Nhưng liệu Thủy có mang thai thật không? Nếu có thì nay đã được gần hai tháng. Với tình trạng đó, Thủy xử trí thế nào. Bắc đã biết chưa mà không có thư cho mình. Hay nó khinh mình đồ đều nên không thèm liên lạc nữa?

Đầu tôi phát nóng vì lá thư của Thủy. Không ngờ đời lại oan trái, khổ cực thế này. Mình còn nhớ chính Thủy nói em mới sạch, nên mới cố gò cho bằng được. Nếu không ai dám liều mạng. Tôi tức bực, lầm bầm con nhỏ đàn như heo.

Bóng tối đã có trong căn phòng. Tôi bỗng nhớ anh trung sĩ Là, hình như trung sĩ Là mới hai mươi tuổi, người bắc. Anh Là ơi, tôi cũng như anh, y hệt anh. Nếu ngày nào đó tụi nó cắt cổ tôi, cũng sẽ không ai biết tôi là ai. Không biết chị Dung tôi có nhận va ly đồ của tôi, hay thấy nó không đáng gì so với vé máy bay khứ hồi, nên bỏ.

Tôi vợ quần áo trên vách, mặc vội vã rồi ra đường. Có lẽ mình phải tập đan mê một vài thứ để tiêu bớt thì giờ mới được. Làm việc là thú nhất

Nhưng thiên hạ lại cười bảo mình cố kiếm điếm. Vậy thì sẽ đánh bạc. Sẽ theo một thứ tôn giáo nào đó để được đọc kinh dự lễ.

Nắng chiều vương trên lối đi ảm như hơi thở. Những chiếc xe Jeep thấp thoáng những màu áo chạy vòng trong đường phố đến nỗi gặp nhau không buồn chào. Một chiếc xe ngựa đang đỗ trước cửa nhà thương. Người ta vừa dỡ từ trong xe xuống một người bó kín bằng những lượt quần áo và chăn mền. Lúc tới gần, tôi nghe có tiếng nói ông ấy bị dịch hạch. Con ông ấy chết đêm qua. Sáng nay xã điện lên quận xin xe cho ông ấy lên nhà thương nhưng ở quận không có ai giải quyết. Bây giờ phải thuê xe ngựa chở đi.

Tôi bước theo đám người đó vào nhà thương. Quang cảnh diễn ra trước mặt tôi giống như một cái chợ. Thật là đông đúc nhộn nhịp. Một bệnh nhân băng trắng suốt chiếc cẳng, nằm co ro trong chiếc võng, mắc ngang giữa hai cây dừa. Một chai thuốc to như chai tàu vị yểu buộc vào tàu lá dừa lắc lư sợi dây cao su dòn xuống người đàn bà bất hạnh. Mình có làm được cái gì cho bớt cảnh thương đau này không nhỉ. Tự nhiên tôi nhớ Huyền. Huyền là thứ trái cây tôi ao ước với cái miệng đã khô nước.

(còn tiếp)

ĐỒ-TIẾN-ĐỨC

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Siền — Téléphone 20.821 — SAIGON

Thế giới, trong những tuần qua

• TỪ TRÌ

Âu châu và Mỹ châu đang cố gắng đoàn kết trong khi tại Phi châu các quốc gia đang lung củng, đó là những sự kiện đang xảy ra trên chính trường quốc tế.

Âu-châu kỷ-niệm đệ thập chu-niên thành lập Thị-trường-chung

Ngày 25 tháng 3 năm 1957, sáu quốc gia Tây Âu, Pháp, Đức, Bỉ, Hòa-lan, Lục Xâm-bảo và Ý đã ký kết với nhau một hiệp-ước thành lập một Thị-trường-chung. Mười năm qua, Thị-trường-chung đã kỷ-niệm sinh nhật thứ mười và các nhà lãnh đạo các quốc gia hội-viên không quên làm bằng tổng-kết những thành quả đạt được. Về phương diện kinh-tế, ngoại trừ lãnh vực canh-nông, Thị-trường-chung Tây - Âu, một định-chế quốc tế, đã thành công trong công cuộc khuếch trương sự phát-triển của 6 quốc gia hội viên. Thị trường-chung giờ đây đã gây được sự đoàn-kết giữa các ngành sản xuất của 6 nước. Nền kinh tế của 6 nước hội viên đã trở nên rất phồn thịnh.

Tuy nhiên, Thị-trường-chung chỉ là một bước đầu trong công cuộc tập-hợp các quốc gia Tây Âu. Các nhà lãnh đạo muốn tiến hơn nữa đề thiết-lập một Liên-hiệp chính-trị gồm những cơ-quan chung để bảo vệ quyền lợi chung của các quốc gia hội-viên...

Muốn như vậy mỗi quốc gia hội-viên phải tự bỏ một phần nào ý-chí độc-lập của mình, một phần chủ-quyền của nước mình để trao cho cơ-quan Liên-hiệp. Nhưng đó lại chính là trở ngại khó vượt qua. Vì nếu các quốc gia hội viên đều muốn tập hợp lại thành một lực-lượng lớn trước hai đại-cường Nga, Mỹ, thì không ai lại muốn giới hạn bớt chủ quyền của mình cả. Hơn nữa những nước lớn như Pháp lại muốn chính mình có vai trò lãnh đạo lực lượng chung này. Vì lòng vị kỷ quốc gia, Thị-trường chung khó lòng mà trở nên một Liên hiệp chính-trị trong một tương-lai gần đây.

Hơn nữa một quốc-gia hội viên, Đức, từ trước vẫn hết sức mềm dẻo đối với Pháp, đã nhượng bộ Pháp rất nhiều, nay cũng muốn giữ một vai trò lãnh đạo trong khối Thị-trường-chung. Từ ngày Adenauer phải nhường quyền thủ tướng cho Erhard, đây liên lạc Pháp-Đức bớt phần thâm thiết. Giờ đây Adenauer, người bạn thân của De Gaulle, người luôn luôn chủ trương giảng hòa Pháp Đức, lại từ trần thì thái độ của Đức đối với Pháp có lẽ sẽ còn có thể cứng rắn hơn nữa.

Một Thị-trường-chung Tây Âu, lực-lượng chính trị tương-lai, muốn mạnh, cần phải có sự tham gia của nhiều quốc

gia Âu-châu, nhất là Anh. Nhưng tuy chính-phủ Anh vận động đã nhiều lần mà De Gaulle vẫn làm thỉnh đóng cửa không cho quốc gia này gia-nhập. Trước tình hình kinh-tế trầm-trọng trong nước thì chính quyền, dù Bảo-thủ hay Lao động, cũng đều muốn gia nhập Thị-trường chung cả. Tuy nhiên Anh lại muốn sửa đổi bản hiệp-rớc tạo-lập Thị-trường chung để Anh vừa gia-nhập với tư-cách một quốc - gia Âu - châu vừa giữ được dây liên lạc mật thiết với Liên-Hiệp-Anh.

Nhưng chính phủ Wilson chắc giờ đây không còn đủ thì giờ đề nghị tới việc gia nhập Thị trường chung vì trong cuộc bầu cử địa phương vừa rồi đảng Lao động của ông vừa bị thất bại nặng nề. Đảng Bảo thủ đã lấy lại đa số tại các hội đồng đô thành mà từ xưa tới nay đảng Lao động vẫn làm chủ. Tại các vùng lớn như Nottinghamshire, Warwickshire, Cheshire, Northumberland, Leicestershire, và Lancashire, đảng Bảo thủ đã thắng lợi. Hơn nữa tại hội đồng đô thành Luân-đôn, nơi mà đảng Lao động giữ đa số từ 33 năm nay, cũng rơi vào tay đảng Bảo thủ luôn.

Sau hai năm rưỡi cầm quyền, chính phủ Lao động của ông Wilson đã dần dần mất hậu thuẫn của dân chúng. Chính phủ Wilson trước những khó khăn kinh tế trầm trọng đã đưa ra một chính sách khắc khổ làm dân chúng bất mãn mà dồn phiếu cho đảng đối lập.

Nếu ở bên Anh, sự đối lập với chính quyền được phát biểu bằng những lá phiếu, thì ở Hy-lạp sự đối lập của dân chúng đã được bộc lộ dưới một hình thức mạnh bạo. Hôm 21 tháng 4 quân đội Hy-lạp đã cướp

chính quyền, lập chánh phủ mới. Cuộc khủng hoảng chính trị tại nước này kéo dài từ 3 năm nay giờ đã được tạm thời giải quyết bằng võ lực. Như ta đã biết, nước Hy Lạp là một nước Quân chủ lập-hiến với một quốc vương có nhiều quyền hành trong tay. Khủng hoảng chính trị ở đây là phản ảnh khủng hoảng của chính thể Hy-lạp.

Thật vậy nền quân chủ Hy Lạp không có tính cách quốc gia. Năm 1863 các Quốc gia Anh, Pháp, Nga đưa một ông hoàng Đan - Mạch về làm vua Hy-Lạp. Từ đó đến nay, hoàng gia Hy Lạp không có một giọt máu Hy-Lạp nào trong huyết quản. Hơn nữa vương quyền Hy Lạp không bao giờ được dân chúng kính nể và coi là một định-chế quốc gia như ở Anh. Các vua nước này luôn luôn khi thì bị ám sát khi thì bị hạ bệ. Với một truyền thống như thế, nền quân chủ ở Hy Lạp khó có thể là yếu tố duy trì sự ổn định và liên tục của nhà nước.

Sau đệ-nhi thế-chiến, Hy Lạp lại còn là một chiến trường của một cuộc nội chiến giữa hai phe cộng sản và quốc gia. Quân đội Anh, và sau đó Quân đội Mỹ, đã can thiệp để lập lại chính thể quân chủ. Từ đó tuy bề ngoài ổn định, nhưng bên trong một cuộc tranh chấp ngấm ngấm giữa hai phe tả và hữu vẫn tiếp diễn.

Cho tới năm 1964, trung phái khuynh tả do ông George Papandréou lãnh đạo thắng lợi trong cuộc bầu cử Quốc hội. Ông Papandréou lên làm thủ tướng. Tuy khuynh tả nhưng ông Papandréou không phải là cộng sản. Và cho tới tháng 5 - 1965 tình hình trong nước còn ổn định.

Đột nhiên đến tháng 5-1965, Quốc vương Hy Lạp Constantin II ra lệnh cho ông Papandréou điều tra về một tổ chức bí mật mệnh danh là Aspida. Hữu phái tố cáo tổ chức Aspida do chính con của ông Papandréou là André hướng dẫn đã cùng với 250 sĩ quan theo khuynh hướng trung-lập âm mưu lật đổ chế quân chủ để thiết lập một nền cộng-hòa. Ông G. Papandréou muốn đưa quân đội ra khỏi ảnh hưởng của hữu phái, trong khi các tướng lãnh lại chỉ muốn loại trừ những sĩ quan khuynh tả. Tình trạng đi tới chỗ bế tắc (1) Ông Papandréou từ chức. Vua Hy Lạp tin tưởng vào hậu thuẫn của nhân dân, vì Hoàng hậu Anne Marie sắp sanh con đầu lòng, lợi dụng thời cơ cử ông Novas tổng trưởng của chính phủ Papandréou lập nội các mới gồm toàn người của đảng Liên hiệp trung phái của chính ông Papandréou. Ông Papandréou tố cáo là quốc vương vi phạm « tinh thần hiến pháp » và đòi giải tán quốc hội tổ chức bầu cử. Nhiều cuộc biểu tình đổ máu đã xảy ra. Nhà vua từ chối không tổ chức bầu cử vì một cuộc bầu cử như vậy trong tình trạng này sẽ có nghĩa là một cuộc trưng cầu dân ý xem dân chúng có muốn quân chủ hay không. Nhưng từ đó nội các Hy Lạp liên tiếp đổ, Constantin phải ra lệnh tổ chức bầu cử, nhưng Hy Lạp chưa kịp bầu thì quân đội đã cướp chính quyền, bắt giam thủ tướng Kanellopoulos, cha con ông Papandréou. Quân đội tuyên bố là đảo chánh « nhân danh quốc vương ».

Quốc vương Constantin đã tấn phong chính phủ mới do ông Kollias, Chủ tịch Hội đồng Tối Cao Pháp Viện, cầm đầu. Nhưng thực quyền ở trong tay thiếu tướng

Stylianos Patakos trong chức vụ tổng trưởng Nội vụ.

Hiện thời người ta chưa biết có phải Quốc vương sai quân đội làm đảo chính không. Nhưng người ta có cảm tưởng rằng quân đội tự ý cướp chính quyền mà không hỏi ý kiến vua. Hai cố vấn của nhà vua cũng bị bắt giữ và chính vua Constantin cũng đã nói : « Tôi hy vọng không bị bắt như họ ».

Hy Lạp giờ đây ở trong một tình trạng nguy ngập. Quân đội khuynh hữu nắm hết quyền hành. Lực lượng tả phái lại rất mạnh. Hy Lạp có thể bị nội chiến đe dọa. Nếu nội chiến bùng nổ, Nga-sô, một nước láng giềng sẽ nhẩy vào vòng chiến như năm 1947 và hệ thống phòng thủ của Mỹ tại vùng này sẽ gặp nhiều khó khăn vì Hy Lạp là một đồng minh dễ bảo của Hoa-kỳ trong khối Bắc Đại Tây Dương. Hoa Kỳ không muốn có sự lộn xộn tại vùng này và tỏ ra hết sức lo âu.

Tại Mỹ-châu, Hoa-kỳ đang gắng tập hợp các quốc gia Nam và Trung Mỹ.

Trước phong trào liên kết các quốc gia tại Âu-châu Hoa kỳ tỏ vẻ lo ngại. Chính phủ Mỹ e rằng nếu Âu-châu trở nên một ngày một mạnh, ảnh hưởng và uy tín của Mỹ ở lục địa này sẽ dần dần giảm bớt. Vì vậy Tổng thống Johnson một mặt cử Phó Tổng thống Humphrey sang thuyết phục Âu-châu, một mặt lo củng cố đoàn kết các quốc gia tại Mỹ-châu.

Phó Tổng-thống Mỹ đi chu du khắp Âu-châu mong thuyết phục các quốc-

(1) L.T.S. Xin xem thêm B.K.TĐ. số 208 ngày 1-9-1965.

gia của lục địa này thắt chặt tình thân hữu với Hoa kỳ. Chuyển công du trên rất cần thiết vì Pháp rút khỏi khối phòng thủ Bắc Đại-Tây-Dương, quân đội Mỹ vừa rời khỏi Tổng hành dinh đóng ở Pháp từ 14 năm nay. Pháp xa lánh Mỹ, Đức càng ngày càng tỏ ra cứng đầu, các quốc gia Âu-châu càng ngày càng xa cách Hoa kỳ.

Trước thái độ lạnh nhạt của Âu-châu, Hoa-kỳ từ vài năm nay, bận bịu về chiến cuộc Việt-Nam, không hề làm gì để gây cho tình thân-hữu trở lại thắm thiết. Hơn nữa nhiều nước Âu-Châu lại còn bất đồng ý-kiến với chính sách của Chính phủ Hoa-Thịnh-Đốn về Việt Nam.

Ngoài sứ mạng nối lại tình thân hữu với Âu-châu, Hoa kỳ còn yêu cầu các quốc gia của lục địa này ủng hộ chính sách Việt-Nam của Tổng Thống Johnson và đồng thời giúp Hoa-kỳ về phương diện tài chánh. Thật vậy tình hình tài chánh của Mỹ giờ đây đang bị khó khăn vì tốn phí chiến tranh ở Việt-Nam. Mỹ đã yêu cầu các đồng-minh Âu-châu hoãn đừng đòi cải hoán vàng ra Mỹ-kim trong thời gian Mỹ tham-chiến ở Việt-Nam.

Ông Humphrey đã tỏ ra một nhà ngoại giao lỗi lạc, nhưng sự khủng-hoảng trong tình giao-hảo Âu-Mỹ đã bắt rễ quá sâu khiến cho ông khó đảo ngược lại thể cờ. Tại nhiều nơi, như Paris, ông lại còn bị dân chúng biểu-tình đả-đảo.

Song song với cuộc công du của ông Humphrey, Tổng Thống Johnson đã tới Punta - del - Este, một thị trấn của Uruguay, đề dự hội-nghị cùng nguyên-thủ các quốc gia Mỹ-châu. Lần này ông

Johnson không thể đem tiền ra như các quốc gia chậm tiến Nam-Mỹ được nữa, vì trước khi ra đi, Thượng Nghị-viện Mỹ đã từ chối không cho ông được phép sử dụng 1,5 tỷ Mỹ kim để giúp các quốc-gia Mỹ-Châu thiết lập một Thị-trường-chung. Tuy không hứa về tiền bạc nhưng Johnson vẫn lượm được kết quả tương đối tốt đẹp vì ông đã dùng một luận điệu mới, hợp với tư tưởng độc lập của Nam-Mỹ hơn. Ông đã tuyên bố rằng « Vai trò của Hoa-kỳ trong các vấn đề khó khăn của Châu Mỹ La Tinh chỉ là một chuyện phụ. Sự trợ giúp của Mỹ chỉ có ích lợi khi nào nó giúp cho các quốc gia Nam Mỹ thêm phần cương quyết đề thiết lập sự thống nhất ở lục địa này ».

Hội nghị Punta-del-Este đã công bố một bản tuyên ngôn trong đó các vị nguyên - thủ Mỹ - châu cam đoan sẽ thiết lập một Thị - trường - chung vào năm 1970, cải thiện đường xá, cầu cống, bằng những dự án liên quốc gia, tăng gia phần của Mỹ-châu trong nền thương mại quốc tế, cải tiến mức sống nhân dân ở châu Mỹ La tinh.

Những quyết định trên khó lòng thực hiện nổi. Và làm sao có thể kết hợp những quốc gia khác nhau thành một hệ-thống chung. Các quốc gia này có những nền kinh tế cạnh tranh hơn là bổ túc lẫn nhau. Tuy nhiên họ đều cùng một ý chí muốn phát triển. Bản tuyên ngôn chung đã được toàn thể các vị nguyên thủ chấp thuận trừ tổng thống nước Equateur. Như vậy tổng thống Johnson cũng có thể coi như đã lượm được một thắng lợi ngoại giao ở Punta-del-Este

Nhưng tại quốc nội, Johnson không

được hài lòng trước những sức chống đối của những người chủ trương hòa bình tại Việt Nam. Những người này thuộc đủ các giới đã rầm rộ biểu tình tại Nữu Ước và San Francisco.

Phi-châu đảo chính quân sự vẫn tiếp tục.

Tại Phi-châu những cuộc đảo chánh quân sự bắt đầu từ hai năm nay vẫn còn tiếp diễn. Sau Nigeria và Ghana, nay lại đến lượt Sierra Leone có đảo chính. Cho tới tháng 3 vừa qua Sierra Leone được coi như là một nước dân chủ vững chắc nhất của Phi châu. Cuộc bầu cử quốc hội ngày 17/3 được coi như tượng trưng cho sự đổi thay ôn hòa những nhà cầm quyền. Sierra Leone rất ưa chuộng truyền thống dân chủ và những định chế của Anh. Ông Siaka Stevens được toàn quyền Henry Lighthfoot Boston cử làm Thủ tướng. Nhưng tướng Lasana bắt giam cả Stevens và ông Toàn quyền. Nhưng đến phiên Lasana lại bị hạ bệ vì người ta tố cáo ông tướng này muốn lấy lại quyền hành cho Thủ tướng Magai, người cùng bộ lạc với ông. Một hội đồng quân nhân cai trị Sierra Leone cử Trung tá Genda làm Thủ tướng, xong lại đổi ý chọn Trung tá Juxon Smith, người pha giống của nhiều bộ lạc. Như vậy cuộc khủng hoảng chính trị được giải quyết.

Ở Ghana, một cuộc đảo chính hụt cũng vừa xảy ra. Trung úy Sam B. Arthur, 27 tuổi, đã dẫn 120 binh sĩ định lật đổ chính phủ do một « Hội đồng Giải phóng Quốc gia » lãnh đạo. Chủ tịch Hội đồng là tướng Ankrah bơi qua sông trốn thoát, nhưng Tổng trưởng Quốc phòng là tướng Kotoka bị giết. Đảo chính thất bại.

Người ta chưa rõ lý do của cuộc đảo chính này. Có người cho rằng bộ hạ của

Nkrumah muốn đưa ông trở lại chính quyền. Nhưng có lẽ lý do chính là sự bất mãn của một vài sĩ quan. Chính phủ quân nhân Ghana đã lợi dụng cuộc đảo chính này để kiểm soát dân chúng chặt chẽ hơn và hoãn ngày văn hồi chính phủ dân sự.

Một nước Phi Châu thứ ba gặp khó khăn là Rhodésie. Ta biết rằng vì chính sách kỳ thị chủng tộc nên chính phủ Rhodésie bị các quốc gia trong khối Liên Hiệp-Anh nhiều lần lên án. Các quốc gia này còn làm áp lực bắt Anh phải can thiệp để Rhodésie thay đổi chính sách. Nhưng tới nay Rhodésie vẫn làm lơ. Vì vậy Anh đem vụ Rhodésie ra Liên-Hiệp-Quốc. Tổ chức này đã yêu cầu trừng phạt Rhodésie bằng cách tẩy chay không mua hàng hóa của nước này. Các nước Phi-Châu đã không giao-thương với Rhodésie nữa. Vì vậy kinh tế Rhodésie đã bị thiệt hại nặng. Tuy vậy với sự trợ giúp của Nam-Phi và Mozambique thuộc địa của Bồ-Đào-Nha, Rhodésie vẫn không chịu thua.

Khu tam giác máu lửa ở Trung-Đông

Tại Trung-Đông nhiều cuộc đồ máu đã diễn ra trong một vùng hình tam giác mà ba góc là Rabat — Téhéran — Mogadishu.

Tại Aden trước khi quân đội Anh rút lui để trả độc lập cho thuộc địa này, các phe Ả-Rập chống đối nhau vẫn tiếp tục bạo động. Phái bộ điều tra của Liên-Hiệp-Quốc tới trong khi dân chúng tổng-dinh-công. Những thanh niên hò hét « Nasser » và « Giải phóng ». Nhiều sự xung đột đã xảy ra giữa đệ tử của Nasser và lính Anh. Nasser đang tính chuyện thôn tính Aden và

cả lưu vực biển Hồng Hải. Với 38.000 quân Ai-Cập đóng sẵn tại Yémen, và những cán bộ rải rác tại vùng này, Nasser muốn thay thế ảnh hưởng Anh Mỹ để Ai-Cập có thể làm chủ được những mỏ dầu hỏa của các nước Trung Đông. Nga sợ hết sức ủng hộ Nasser, vì tình thân thiện Nga-Mỹ càng tăng cường ở Âu Châu thì Nga lại càng rảnh tay để tranh dành ảnh hưởng với Mỹ ở Trung Đông. Nga hy vọng dùng Nasser như một quân cờ, Nga sẽ tiến quân cờ Nasser để phá Mỹ trong giai đoạn đầu. Tới giai đoạn sau tức là khi Nasser làm chủ được Trung Đông, Nga sẽ tính cách làm chủ Nasser. Đồng thời Nga mưu tính phá hàng rào phòng thủ của Mỹ đặt ở Hy-Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ và Bạ Tư. Như ta đã biết ở trên, cuộc đảo chánh quân sự tại Hy Lạp vừa có thể đưa nước này tới nội chiến. Nếu trong tương lai gần đây ta thấy Nga lợi dụng thời cuộc xúi phe tả và phe cực tả nổi loạn chống chính quyền quân đội khuynh hữu ở Hy Lạp, thì đó không phải là một điều làm ta ngạc nhiên, vì đó là một phần chiến lược đại qui mô của Nga nhằm lập những căn-cứ hỏa-tiến nguyên-tử ngoài lãnh thổ Nga.

Tại một góc khác của vùng «tam giác máu lửa» này, hai nước Maroc và Algérie cũng đang lúng cúng. Nga tiếp tục gửi vũ khí sang giúp Algérie. Maroc và Algérie vẫn chưa giải quyết được việc tranh chấp lãnh thổ. Đây cũng là một nước cờ của Nga nhằm phá rối Bắc-Phi để thiết lập ảnh hưởng của Nga tại vùng này...

Á Châu: Trung Cộng gặp rối loạn bên trong và khó khăn bên ngoài

Phong trào vệ-binh đỏ, năm 1966 được

rầm rộ phát động, đã tác hại nhà nước Trung Cộng không ít. Tuy hiện nay phong trào vệ-binh đỏ đã suy giảm rất nhiều nhưng phe chống Mao và phe suy tôn Mao vẫn tranh đấu với nhau từng bước. Quân đội đã nắm giữ hết guồng máy kinh-tế trong nước và ngăn giữ vệ-binh đỏ phá hoại. Lưu-Thiếu-Kỳ giờ đây mất hết cả quyền hành. Ngay về nghi lễ, đại sứ của Hà nội cũng trình ủy nhiệm thư cho Tôn Dật Tiên phụ nhân, phó chủ tịch, chứ không trình cho Lưu nữa.

Đồng thời về mặt đối ngoại Trung Cộng lại đang rắc rối với Nam Dương. Dân chúng Nam Dương phá tòa đại sứ Trung Cộng, hành hạ, đánh đập hoa-kiểu. Nam Dương và Trung Cộng nước nào cũng triệu hồi đại sứ của mình về nước. Đó là một thất bại ngoại giao rất đau đớn cho Trung Cộng trong lúc rối loạn này.

TỪ TRỊ

SÁCH MỚI

Vết thương dậy thì, tập truyện của Túy Hồng. do Kim-Anh xuất bản và nhà xuất-bản gửi tặng. Sách dày trên 180 trang gồm 4 truyện ngắn: *Vết thương dậy thì, tóc mai nghìn xưa, niềm tin mong manh, hoang xưa sau lưng.* Bản đặc biệt Bản thường giá 75đ.

Quán tai heo truyện dài của Bình. Nguyễn Lộc do Văn Xương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 160 trang, có phụ bản: bản nhạc «khai ngọt bánh dăng» của Phạm-Duy Giá 68 đ.

Khuôn mặt, tập truyện của Thanh-Tâm-Tuyền, do Tập san Văn tái bản và gửi tặng. Sách dày 134 trang, gồm 6 truyện, giá 30 đ.

Trại công tác cuối tuần

Tiếng chuông reo một hồi dài. Lũ học trò kéo nhau ra còn đùa cợt :

— Thầy, hôm nay thầy lên quá thầy !

Tuấn không mỉm cười, cũng không trả lời. Anh nhìn vào chữ ký trong cuốn sổ và gạch mạnh dưới dit tên của mình. Anh lặng lẽ gấp cuốn sổ lại, bước xuống bậc, lững thững đi trong đám đông học trò xuống dưới nhà.

Tuấn đứng đợi ở chân cầu thang. Buổi sáng trước khi vào dạy, ông hiệu trưởng nói với anh :

— Trưa nay, lúc tan học, thầy đợi tôi !

Tuấn đưa mắt vờ vẩn quanh sân, bọn học trò ngoại-trú đã về hết. Chỉ còn tụi nội-trú. Chúng đang nhảy nhót ở quanh sân, vừa chạy nhảy vừa hò hét ầm ĩ. Một số khác đang chơi bóng chuyền, bóng rổ. Tiếng bóng đập thình thịch xuống dưới sàn xi-măng, tưởng như dội tới chỗ Tuấn đứng. Tim anh mỗi mệp và đập mạnh. Một đám đông đứng gần trước cửa văn phòng của ông hiệu trưởng nói chuyện. Điều đó làm anh lo ngại. Bọn học trò có thể nghe hết được cuộc đối thoại, hay ít ra, những cử chỉ của cuộc bàn cãi, nếu có giữa anh và ông hiệu trưởng về vấn đề tiền bạc. Chúng đang đưa cặp mắt dò hỏi, sự ở lại vài phút hôm nay của Tuấn làm chúng ngạc nhiên. Một đứa lên tiếng :

— Thầy chưa về

Tuấn mỉm cười :

— Tôi đợi ông hiệu-trưởng có chút việc !

Trong thâm tâm, Tuấn muốn nói một cách thản nhiên :

— Tôi ở lại lãnh lương !

Nhưng sao danh từ ấy — dù Tuấn đã diễn ra cảnh chờ đợi hay cầm lấy đồng bạc thù lao từ năm năm nay. Vẫn làm Tuấn ngượng ngập.

— Tuấn rút thuốc ra hút. Lẽ ra anh không nên hút thuốc để ăn cơm trưa cho ngon hơn. Anh quay vào phía trong tìm ông hiệu-trưởng ông hiệu trưởng đang đứng

ở trong, đốc thúc bọn học trò quét nhà và mang sổ sách ở trong văn phòng. Hiệu trưởng đã già. Nhưng ông khỏe mạnh hơn Tuấn. Điều chắc chắn : Nước da ông trắng hồng trên khuôn mặt mập mạp. Dáng điệu oai vệ và bước đi vững vàng. Ngay cả trong cách trả tiền ông cũng vẫn có cùng một cử chỉ vững vàng như vậy. Cử chỉ của những con số, nhất là những con số, ở đằng sau có thêm dấu \$.

Nhưng ông hiệu trưởng chưa ra. Ông còn đứng lại ở phía sân trong bắt học sinh làm thêm vài việc khác. Chiều thứ bảy phải làm cho xong hết, rồi còn nghỉ ngơi. Tuấn đứng dựa vào tường, anh nghịch, thở khói thuốc chậm qua kẽ tay. Một lát ông hiệu-trưởng đi ra cùng với một người nữa. Vị giáo sư kiêm giám-thị. Ông hiệu trưởng nhìn Tuấn cười. Anh gật đầu, ông rẽ vào trong văn phòng. Còn vị giám thị tiến lại phía Tuấn. Hai người bắt tay nhau, Người kia cười :

— Anh đợi . . .

Câu nói bỏ lửng, nhưng cả hai cùng hiểu. Tuấn cười theo :

— Lát nữa bọn học trò ở đây sẽ nhìn thấy hết, thế nào là một nhà giáo dục.

Viên-giám-thị nhìn quanh tụi học trò, ông hiểu ra, ông quay sang Tuấn :

— Không sao !

Rồi ông quay sang dọa tụi nhỏ :

— Các em ra sân chơi đi. Thầy có chút việc bàn với thầy hiệu trưởng.

Tuấn nhìn ông ; anh ngỏ lời :

— Thầy áp dụng kỷ luật thật gương mẫu.

— Thế à ?

Tuấn thì quan sát, xem khi ông trả lời ông có nhếch mép cười không. Nhưng không, ông điềm nhiên. Một tay vân vê lên mấy sợi râu thưa thưa đằng trước.

Tiếng động khẽ từ sau cửa. Ông hiệu trưởng ở trong văn phòng bước ra, ông không tiến lại phía Tuấn, ông đứng nguyên ở vị trí đó đưa tay vẫy ;

— Xin mời hai thầy !

Cánh cửa mở ra, rồi khép lại sau lưng. Trong phòng, đồ đạc bề bộn. Góc phòng có bộ xa lông. Nhưng cách xa bàn giấy. Ông hiệu-trưởng ngồi xuống chiếc bàn. Tuấn và ông giám thị đứng cạnh bàn. Ông bắt đầu cất tiếng :

— Đề tôi tính với thầy Hiền trước !

Ông mở rộng cuốn sổ. Trong cuốn sổ đã ghi chú đầy đủ số giờ, và danh sách của mỗi giáo sư. Ngón tay chỗ của ông dò dưới chữ thầy Hiền, miệng ông lầm nhảm.

— 6 giờ Tứ, 4 nhị, 4 tam . . . 12 ngũ . . . tổng cộng 3200đ. «Voa là». Ông ngừng lên :

— Thầy kiểm lại xem có đúng không :

Thầy Hiền mở rộng mấy cuốn sổ để ghi giờ dạy ở trong lớp. Thầy cũng lầm

nhằm tính toán. Sau cùng, thầy đặt phịch xuống mặt bàn :

— Thưa ông, hiệu trưởng đủ rồi ạ.

Thầy cầm lấy phong bì màu trắng, chào ông hiệu trưởng, bước ra ngoài vội vã. Thầy còn phải trông tụi học sinh nghịch ngợm ngoài sân.

Còn lại mình Tuấn với ông hiệu trưởng. Ông cười :

— Thầy muốn tính tháng hay tính giờ ? Trong tháng trước, thầy tính tháng, số tiền ấn định là 4000đ. Bây giờ tính nửa tháng số tiền là 2000đ. Thầy đồng ý ?

Tuấn nhìn vào cuốn sổ. Dòng chữ ghi sắc cạnh : Thầy Tuấn 2000đ. 2000đ ? Tính tháng, mỗi tháng anh bị thiệt một số tiền. Tuấn tưởng anh có thẻ linh cả tháng vào dịp này để bù lại. Tuấn mỉm cười :

— Thưa ông hiệu-trưởng xin ông tính giờ cho tôi.

Ông hiệu trưởng vồn vã :

— Được, thầy tính giờ cũng được.

Tuấn rút thuốc ra hút. Anh đi quanh quần trong phòng, ngắm nhìn những bức tranh trên tường. Ý nghĩ chạy lanh quanh trong đầu. Lờn bọn học trò vắng bên tai :

— Thầy, ký sổ thầy. Thầy không ký hụt ăn tiền thầy.

Tuấn mỉm cười như không tin vào điều đó. Nhưng hiện tại anh đang đứng ngắm tấm bảng ghi thời khóa biểu ở trong phòng. Anh muốn phết nó mấy roi vì tội xúc phạm tới một sự thật đang diễn ra. Ông hiệu-trưởng loay hoay dò trong cuốn sổ và đếm. Ông nói với Tuấn :

— Thầy lại đây kiểm soát với tôi không có lầm. Thiệt cho thầy. Mỗi giờ một trăm bạc..

Tuấn không bước tới gần bàn. Anh cũng không quay lại. Bỗng dưng, anh thấy cả cuộc đời hai người — ông hiệu trưởng và anh — đều bần tiện. Tuấn lơ đãng nói :

— Thưa ông hiệu trưởng tính giùm tôi. Chắc không nhầm được đâu !...

Không hiểu ông hiệu-trưởng có nhầm hay không ? Số tiền Tuấn được linh là 2400đ. Hơn 400đ. Tuấn cầm chiếc phong bì trắng, anh dứt vội vào trong túi, bước ra khỏi phòng.

Mấy đứa học trò còn chơi ở sân. Tuấn đi ngang qua chỗ chúng đánh bóng. Tiếng bóng nảy trên mặt đất còn sập xình. Một đứa hét to :

— Thầy lãnh lương, chiều nay tha hồ đi với cô.

Tuấn mỉm cười lặng lẽ. Anh dừng lại cổng trường. Ba con đường đều dẫn ra chợ. Trời buổi chiều còn nắng Tuấn thấy trời xanh và lá cây lay động. Anh bỗng

một mỗi kỳ dị. Anh phải ra phố đề báo cho Huy, bạn anh. Số tiền hai ngàn rợ, tháng sau, anh mới trả lại được.

oOo

Tuấn đứng trước rạp hát bóng. Anh nhìn mấy tấm hình của một phim Western. Một phim anh đã xem ở Saigon. Phim diễn tả nỗi bất hạnh của một đám người da đỏ muốn trở về quê hương yên lành. Nhưng bị một đám người da trắng ngăn cản. Hình như anh xem phim đó đã lâu nhưng ngày hôm nay còn trong óc.

Tuấn ra ngồi vợ vẫn trên thềm của rạp hướng về phía cư xá của nữ sinh viên. Một lát đám bạn tới đông đủ. Chúng ngồi bệt xuống thềm như Tuấn. Mọi người nói chuyện vui vẻ về chiếc trại sắp tới trong 2 ngày cuối tuần. Tuấn hút thuốc lơ đãng. Buổi chiều đã nhạt dần. Nắng từ dưới hồ bắt đầu thoi lên mạnh. Trường nữ Trung học cũng đã tan. Đám nữ-sinh đông đảo trở về cười nói líu lo. Vài đứa học trò gái của Tuấn tại một trung-tâm miễn phí nhìn bọn anh tủn tỉm. Ít nhất cũng có ba ông thầy ngồi trên vỉa hè như vậy. Biệt-hiệu của bọn học trò cho Tuấn : « Thầy Bụi Đồi ». Tuấn thản-nhiên. Anh dạy học trò đề kiểm tiền và làm đầy đủ bổn phận ở trong lớp. Nếu nơi linh tiền và nơi bụi đồi cùng ở một chỗ thì đúng Tuấn là kẻ.. ăn xin. Dĩ nhiên, chẳng có gì là xấu hổ.

Mấy người bạn bên cạnh không đề ý đang sôi nổi tranh luận. Họ đang bàn đề phân chia công tác và ước lượng thời gian cho buổi trại. Những lời bàn ồn ào nhưng chỉ loáng thoáng qua tai Tuấn. « Số xi-măng như vậy không đủ » « Làm sao đóng được bè » « Mái tôn nên có móc vì gió thổi mạnh ». Lát sau, Minh gọi Tuấn :

- Ê, có nghe nói gì không ? Làm trường ban trộn hồ nghe !

Tuấn quay nhìn. Cả bọn cười ầm.

- Nghĩ gì mà đực mặt ra vậy. Cứ làm như mối tình lớn lắm.

Tuấn cười hòa :

- Thứ bầy tao phải dạy.

- Dạy chó gì ngày thứ bầy.

- Dạy bù — Tao sẽ xuống sớm sau khi dạy.

Cả bọn tiếp tục bàn nhau. Vẫn là những chuyện cho trại công tác sớm tối. Rồi một đứa phát biểu :

- Bây giờ đi ăn cơm trưa, tụi bay ?

Công tác sắp tới còn xa. Công tác hiện tại gần và cần thiết nên các trại sinh đều đồng ý. Tuấn đứng dậy trước tiên. Anh dơ tay phải dít quần. Lúc anh ngừng lên. Một chiếc Lambretta chở đầy các cô nữ Sinh viên đi học về. Cả đám đông chỉ chỗ cười. Hùng lên tiếng :

- Tụi nó đang cười kia.

Tuấn không đề ý đến các tiếng cười nói. Anh vừa nhìn thấy trong xe có

Thương. Nàng ngồi tận trong cùng. Anh không biết nàng có cười hay không ?

Cả bọn kéo nhau ra quán cơm sau bến xe. Quán cơm đang đông.

Cả đám ngồi xuống một bàn. Mỗi người gọi một đĩa cơm. Một số sinh viên khác cũng đang ngồi quanh. Họ vừa ăn vừa nói chuyện huyền thuyên. Đề tài là cuộc bầu cử Tổng-hội sắp tới. Năm nay nhiều liên-danh. Không biết liên danh nào thắng cử. Tuấn ngồi ăn. Anh nghĩ tới Thương «Nàng đi học về lúc 6 giờ. «Lẽ ra phải tránh tình cảm bất lợi cho mình». Bạn bè Tuấn cũng đang nói chuyện hăng say không kém. Cũng nói về chuyện bầu cử Tổng-hội. Hùng báo cho mọi người :

— Trong trại này, có mấy anh chủ tịch tương lai cũng đi.

Minh nóng tính :

— Đi thì đi nhưng bắt tội nó phải làm việc. Không có đuôi cò về !

Tuấn mím cười lặng lẽ.

Ăn cơm xong. Còn ba người đi phố. Tuấn đi cạnh Huy, và Hùng. Hùng bắt Tuấn bao cà phê. Tuấn dừng lại. Anh cười với Huy :

— Bao thì bao, nhưng tờ báo cho ông bạn biết là tờ quyết nợ tháng này, Tháng sau mới trả.

oOo

Tuấn vội vã ra khỏi trường học, Anh gọi xe Lambretta để tới địa điểm trại cho kịp giờ. Khi Tuấn xuống xe, anh thấy một đám nữ sinh viên đang đi ngược chiều lại : Các cô trong ban âm thực.

Một cô hỏi :

— Sao tới trễ vậy.

Tuấn cười :

— Phải dạy !

Anh đi ngược lên phía trên. Ngôi trường ở đầu dốc. Mọi người đang xúm quanh địa điểm công tác. Phan, mặt bám đầy xi măng đang dơ tay chỉ chỗ. Một đám cột nhà đã được đóng sẵn thành sườn chỉ chờ dựng lên. Hùng trông thấy Tuấn trước tiên. Hắn cười.

— Vào đây làm với tao cái này.

Hùng trao cho Tuấn hai tờ giấy trắng và cây viết Pilot kẻ bảng. Tuấn viết rõ chữ trên hai tờ : WC nam, WC nữ. Tuấn mang hai tờ giấy và keo, Hùng vác xèng. Hai người đi xuống phía dốc đối diện với trường. Cầu tiêu bỏ lâu chưa ai đi. Mấy cục phân đen thui, khô cứng bám trên thành. Hùng vác xèng hốt xuống đáy lỗ, Tuấn dán mảnh giấy lên trên hai cửa cầu. Hai người leo lên dốc, về chỗ cũ.

Mọi người đang hè nhau dựng chiếc sườn nhà thứ nhất lên. Chiếc sườn đứng thẳng. Hai người thợ mộc của ấp, đóng hai miếng gỗ ở hai bên làm thành gọng giữ sườn. Tiếng búa kêu chan chát...

Chiếc sườn cuối cùng dựng xong mọi người bắt đầu thấm mệt. Hùng, Phan và Tuấn ngồi cạnh nhau. Tuấn hút thuốc, anh mời Phan. Phan từ chối. Hùng xin anh một điếu. Phan vừa uống nước vừa nói tới công tác ngày mai. Anh sợ không kịp. Hùng bảo :

— Cố thì được.

Phan trả lời :

— Đã bắt đầu có những kẻ 'đào ngũ'.

Tuấn hướng mặt về phía đối diện, Dưới chân đồi nơi ngồi trường ngự trị là ấp Đ T. Những luống rau xanh chạy dài. Một vài người đang phun nước tưới cây. Đỉnh nhà thờ của Viện-Đại-Học rõ rệt trước mắt. Tiếng cười nói bên cạnh Tuấn. Ba người bạn, hai gái một trai, đang nói chuyện. Một người con gái giơ tay chỉ :

— Tụi nó đang ra chơi !

Tuấn dương mắt nhìn. Căn nhà nhỏ xíu ở phía xa là giảng đường của viện. Có nhiều bóng người. Đùng là giờ nghỉ. Chiều hôm nay có giờ. Anh không hiểu được và anh chẳng bao giờ suy nghĩ : Tại sao bọn anh ở đây dựng mấy chiếc sườn nhà khi bạn bè đang ở phía bên kia chăm chú ngồi học.

oOo

Buổi sinh hoạt tối của trại đầm ấm và vui vẻ hơn Tuấn tưởng. Những tiếng cười rộn rã. Những tiếng hát to mạnh. Ông hiệu trưởng đứng dạy cảm ơn. Ông nói :

— Thật tôi cảm động vì lần đầu tiên được sự giúp đỡ tinh thần của các anh !

Giúp đỡ tinh thần ? Trên nét mặt già dặn của ông, Tuấn không biết anh tin hay không tin lời n'í đó. Anh thoáng buồn. Giúp đỡ tinh thần ? Tuấn và bè bạn đang chờ người khác làm việc đó cho mình. Bạn bè và anh quả không có cao vọng « Đi trại đề đũa rơn một chút ». Lời Minh luôn luôn nói với bạn bè. Nhưng ông hiệu trưởng hiện đang cảm ơn những sự đũa rơn đó.

Ông hiệu trưởng ra khỏi phòng. Buổi sinh hoạt tàn. Những bát, thìa còn dính vò đậu xanh của chè vất lòng chõng. Tuấn theo mấy người đi rửa bát.

Tuấn ngồi chung với đám đông bảy người. Anh là người rửa nước đầu tiên trước khi đưa cho chị Kim sát sà-phòng. Chát mỡ nhờn dính vào những ngón tay khó chịu. Anh im lặng giữa đám đông. Và thêm một điếu thuốc. Chị Kim là người nói nhiều hơn cả trong không khí vui nhộn. Đem chập chúng trên khoảng đường trước mặt lộ. Những cây thông ở xa chỉ lờ mờ đường nét. Câu chuyện của mọi người dần dà sang tới phần tình ái. Người đầu tiên nói tới sự thắm kín của Tuấn là chị Kim. Chị phát biểu :

— Tôi biết anh Tuấn thương ai trong nữ Đại Học Xá rồi nhé !

Tuấn mỉm cười, anh đứng dậy, ngửa lưng ra sau cho đỡ mỏi.

— Làm sao chị biết được !

— Còn lạ gì, tôi biết anh tự hai năm nay. Từ năm dự bị cơ.

— Chuyện đó chấm dứt từ lâu rồi !

— Con trai chưa chiến đấu đã xếp vợ. Dở ẹt.

Trong tình yêu còn có sự chiến đấu. Với Tuấn với sự chân thành là đủ. Nhưng anh đã quyết định dứt khoát tình cảm với Thương. Mỗi buổi sáng nhìn Thương lên giảng đường, nhìn Thương trong đám đông, Tuấn lẻ loi như chiếc cột đèn trong phố vắng. Anh hiểu có đối diện với nàng, chắc chắn cũng chỉ nhận những xa cách. Anh muốn nói với chị Kim quyết định chấm dứt tình cảm là một thái độ, không là một hèn nhát. Nhưng Tuấn giữ tư tưởng đó. Anh không nói ra. Vô ích. Bàn tay anh xoa lên chiếc đĩa nhôm mịn màng chất mỡ. Anh khó chịu muốn rửa tay. Đồng bát đĩa đã hết dần. Lưng Tuấn mỏi như. Mọi sự rồi cũng phải có đoạn kết. Cách chấm dứt nào cũng vậy. Màn đêm bao la. Tuấn nhìn thấy đám lửa bùng lên ở sân. Một số đồng trại sinh chắc đã đốt lửa lên để sưởi cho ấm tu tập ca hát. Tuấn buồn rầu nhìn đồng lửa đó. Đột nhiên anh thấy anh yêu Thương vô cùng. Giờ này chắc nàng đang học bài. Sự quyết định, Tuấn tưởng đã thỏa nhưng bỗng nhiên xao động. Tuấn bỗng thấy anh và loài người quả kỳ dị, kỳ dị như những đêm lửa trại, anh không còn hiểu được vì sao anh ngồi ở đó chán nản mà còn tiếp tục được mãi.

oOo

Tuấn nằm thao thức bên Hùng, Ở lớp học bên cạnh tiếng cười nói tuy đã bớt nhưng vẫn còn nhiều tiếng động khó chịu. Lần nào bọn học trò đi trại kỷ luật cũng bị phá rào. Hai lần Tuấn đã sang nạt chúng yên, nhưng chỉ được một lát. Căn phòng đã tắt đèn. Tuấn có thể trông thấy những vì sao qua cửa kính. Những vì sao lung bay. Lung lay như tâm hồn của anh và bạn bè. Đứa nào cũng toan tính, tìm kiếm, rút cuộc chưa có chi là rõ rệt. Một vài công tác, một vài lớp học miễn phí, một vài bài báo. Tất cả chỉ là những chờ đợi. Bọn anh không thể làm hơn sao ? Hùng nằm co như con tôm ở bên cạnh ngủ yên. Minh còn thức, hút thuốc, nó thở khói luôn luôn. Minh quay nói với Tuấn về bạn bè. Giọng nó đều đều. Tuấn thấy thương bạn bè và chính mình. Một ngày sao anh không thể sống hai mươi tư giờ cho đầy đủ. Tuấn không tình nguyện vào thao thức, vào công tác, nhưng tâm hồn anh tự nó bị chia xẻ những nỗi buồn xung quanh, không tránh được.

Một lát; Minh ngủ thiếp. Còn mình Tuấn. Lớp bên cạnh cũng đã yên. Có tiếng đàn và tiếng hát nho nhỏ ở đầu hồi. Tiếng hát con gái, tiếng của Kim, Tuấn thốt nhớ tới lời từ nãy của nàng. Sự liên tưởng bắt anh qua Thương và tập thể. Tập thể bình thản và yên lành, tập thể trong sáng anh hằng khao khát.

Nhưng rồi mọi sự không thể giản dị như vậy. Còn tâm hồn Tuấn, còn đám đông chung quanh anh và đám đông chung quanh Thương. Anh khó chịu vì những cảm giác chột có khi anh tưởng tượng ra sự phê phán của đám đông. Tình yêu không thể là một sự phê phán, mà là một rung động bất hạnh. Phải chấp nhận sự rung động đó hay không. Nhưng chấp nhận hay không là do chính mình, không do tập thể. Chính tập thể anh đang tham dự cũng đã xô lệch cuộc sống của anh một phần lớn trên con đường anh ấp ủ.

Tuấn co chân lên. Cẳng chân anh mỏi nhừ. Hai vai khiêng xi măng, đã nhức nhối. Mắt anh vẫn hướng ra phía cửa sổ. Đêm yên lặng. Tuấn phải ngủ. Sáng mai còn có sức tiếp tục công tác. Anh nhắm mắt. Nhưng mắt anh bắt gặp lại cảnh lãnh lương từ sáng. Ông hiệu trưởng bệ vệ. Hồ thẹn nhen nhún trong lòng. Sau cùng hình ảnh Thương dịu dàng và hiền từ hiện ra trước mắt anh như cánh đồng lúa xanh mượt như nhung của nơi nàng sống...

Khi Tuấn tỉnh dậy, anh có cảm tưởng anh mới vừa thiếp đi được một lát. Tiếng chuông chùa vọng lại từ xa từng tiếng một. Nhà chùa đã thức dậy. Đầu hồi tiếng đàn và tiếng hát vẫn còn. Tuấn co ro xuống ghế anh thấy lạnh và cần sưởi ấm. Tuấn ra ngoài lớp học.

Trời hãy còn tối. Cả một khoảng thung lũng trước mặt là sương mù. Ngọn lửa dầu hôi bập bùng. Tuấn lần tới. Bên đám lửa còn ba người. Hai gái, một trai. Chị Kim và Thu. Người con trai Tuấn không biết tên. Người con trai đánh đàn. Chị Kim hát. Chị hát từ tối đến giờ, không mệt. Ánh lửa hắt lên khuôn mặt những người ngồi đó, có một vẻ trang nghiêm và buồn. Bên cạnh là chiếc chăn phủ một đám trại sinh nằm trong đó. Họ di cư từ trong phòng ra đây cho ấm.

Sự có mặt của Tuấn không làm họ để ý. Chỉ có Thu cười nhẹ đưa tay mời anh ngồi. Tuấn dựa lưng vào trường học. Chị Kim hát không hay. Nhưng mờ sáng nay những lời đó đang thấm vào trong óc Tuấn. Hơi của chị đã yếu. Một lát tiếng hát ngừng. Người con trai đặt đàn xuống bên cạnh, ngáp dài :

— Thôi đi ngủ.

Anh quay nhìn chị Kim và Thu. Chỉ có Thu đồng ý. Anh ta đứng dậy vác đàn đi vào phòng. Thu chui ngay vào trong chiếc chăn bên đống lửa. Lúc Thu nhắc chăn lên, mấy mái tóc dài lộ ra. Chị Kim vẫn dựa vào thành tường đối diện với Tuấn. Chị im lặng nhìn vào đống lửa cháy. Hồn còn để theo giọng hát lơ lửng. Tuấn bỗng nghĩ tới một chuyện tình. Một phút sau, chị quay hỏi Tuấn :

— Anh chưa ngủ à ?

— Làm một giấc rồi. Ra nghe chị hát.

Chị dựa lưng vào tường nhắm mắt lại. Sự mệt mỏi hiện lên khuôn mặt và mái tóc rối. Một vài sợi tóc mai bay dính qua miệng.

— Dốc !

Chị Kim trả lời câu nói của Tuấn bằng một lời gọn lỏn. Hai người trao đổi với nhau nhiều chuyện. Chuyện các trại sinh, chuyện học hành, thi cử sắp tới, sau cùng Tuấn hỏi đùa chị :

— Chị liệu xem Thương có cảm tình gì với tôi không ?

Chị Kim cười, chị vẫn trả lời bằng giọng gọn lỏn :

— Cóc chết ! Sức mấy ?

oOo

Cho tới buổi chiều, đám trại sinh làm việc chỉ còn chừng mười người. Minh cúi kính quát tháo luôn miệng. Anh chỉ ló không xong. Tuấn vừa khiêng cát vừa trộn hồ tới tấp cả xương sườn. Lưng anh đã mỏi. Mồ hôi thấm trên trán. Tuấn cũng có cảm tưởng như Minh,

Nhưng kết quả, chiếc nhà chơi cũng được hoàn thành. Những mái tôn sáng loáng dưới ánh sáng mặt trời của buổi chiều. Nền xi măng phẳng phiu.

Ban quản trại thu xếp đồ đạc, dụng cụ sửa soạn trở về. Tất cả các trại sinh họp mặt lần cuối kiểm điểm lại công tác. Ông hiệu trưởng vào cảm ơn một lần nữa. Tiếp theo lời cảm ơn là một cần xẻ rau của dân trong ấp biểu cho các trại sinh. Tuấn đã mệt nhoài. Anh ngồi trên vỉa hè của lớp học hút thuốc. Gió hây hây thổi. Một thoải mái trong lành trong hồn Tuấn. Tất cả các trại sinh đứng đợi xe, trong sân trường. Tiếng cười nói rộn ràng từ mọi góc sân.

Xe đến. Mọi người lên xe. Tuấn trèo lên mui. Chỉ còn Minh và Hùng đợi chuyển sau. Bóng dáng hai người vẫy tay chào mọi người khiến Tuấn hồi hận. Anh muốn nhảy xuống ở lại với chúng, nhưng xe đã chạy. Mái nhà chơi xa dần trước mắt anh, cả hai người bạn cũng vậy...

Tuấn ngồi bệt trước trụ sở của hội công tác chờ Minh và Hùng về, để ra phố một thề. Anh muốn chuộc lại lỗi. Lát sau, xe Lambetta chở hai đứa dừng trước cửa hội. Tuấn giúp chúng khiêng dụng cụ vào trong nhà. Khi Tuấn khiêng hai chiếc xẻng từ trên xe xuống, thì biết mình có thư. Minh ở trong trụ sở ra, báo cho anh tin ấy.

Lá thư không có gì quan trọng. Thư của Hòa. Tuấn nhận được đúng lá thư vào chiều nay càng khiến anh thú vị. Hòa kể chuyện trong thư, hiện nay hẳn đang đóng tại một làng miền Trung, nơi Tuấn đã tới đó vào mùa hè cách đây một năm. Hòa có thể biết được điều đó nhờ tấm bảng gỗ đề tên đoàn công tác hoàn thành ngôi trường trong làng « Hiện nay tao đang đóng ở ngôi trường mày dựng ! . . . tạm cho tụi học trò đã nghỉ hè . . . » Lá thư viết từ nửa tháng bây giờ mới tới đây.

Tuấn đọc lá thư cho Minh và Hùng. Cả ba dọn đồ xong rồi ra phố. Phải đi tắm rửa và ăn cơm chiều... Bữa cơm chiều rất ngon miệng. Nước mát rửa sạch

bụi bặm, xi măng. Ánh lửa trại hình như còn bập bùng trước mắt. Sự ít ngủ đêm qua. Khiến người đều muốn ngả lưng trên nệm. Hai người bạn chia tay về. Tuấn nán lại một chút ở phố. Anh muốn lang thang một mình trước khi về nghỉ.

Tuấn đứng trước rạp hát. Hôm nay vẫn chưa thay phim. Một phim western nói về sự bất hạnh của một đám dân da đỏ. Hình như hồi gặp nhau ở Saigon anh và Hòa đã đi coi phim này. Bây giờ hai người ở hai nơi. Bàn tay anh thọc vào túi quần. Ngón tay chạm vào lá thư của Hòa. Tuấn bâng khuâng. Hòa đang canh giữ ngôi trường mình dựng lên. Khi xưa hai đứa cùng một lớp với nhau có bao giờ nghĩ tới sự sắp xếp đó. Tối nay Tuấn sẽ thức khuya. Anh sẽ viết một lá thư thật dài để nói chuyện với Hòa hơn một năm xa cách.

Tuấn băng qua đường. Anh tới tiệm đối diện với rạp hát để uống một ly cà phê. Anh đẩy cửa bước vào. Hai chiếc bàn kê sát cửa, một chiếc đã có một cặp tình nhân chiếm cứ. Tuấn ngồi ở chiếc còn lại. Anh hướng mặt đối với rạp hát ngắm mọi người qua lại. Thành phố đã vắng người. Ông lính cảnh sát đứng ở góc đường đang ngáp vặt. Tuấn có cảm giác của kẻ bị nhìn từ bàn bên cạnh. Cặp tình nhân đang thân mật nói chuyện. Người đàn ông là một người phi công, anh ta mặc đồ bay. Cô gái còn trẻ. Trong cử chỉ hình như họ đang nói với nhau về Tuấn. Người phi công quay lại vừa đúng lúc Tuấn đang nhìn họ chăm chú. Anh ta cũng vậy. Bỗng nụ cười thật tươi nở trên môi anh ta. Anh xô ghế đứng dậy :

— Hiệp đây ! Nhớ không ?

Gương mặt anh và cách dơ tay ra bắt khiến Tuấn nhận ra ngay Hiệp. Hiệp quen với Tuấn và thân với Hòa. Anh tươi cười giới thiệu :

— Bà xã sắp cưới của tôi !

Hiệp quay sang phía hôn thê :

— Anh Tuấn bạn thân của anh Hòa.

Đôi môi tươi thắm của người con gái đang mở ra bỗng dừng lại. Nàng quay nhìn Hiệp.

— Anh Hòa vừa mới?...

Hiệp chép miệng :

— Phải !

Tuấn ngơ ngác :

— Sao anh chị nói gì ? Tôi vừa mới nhận được thư Hòa !

Trên khuôn mặt Hiệp không còn một nét vui vẻ. Anh cúi đầu, thờ dài :

— Hòa vừa bị trúng bom cách đây một tuần. Máy bay tôi chở hắn về. Hắn không chết nhưng bị cưa hai chân. Hiện nay nằm ở bệnh viện Cộng Hòa.

Hiệp cắt nghĩa thêm :

— Bom bỏ nhằm, nghe đầu trúng ngay một trường học...

Tuấn nhìn Hiệp. Anh bỗng thấy đôi chân mình chiu xuống như khi vác bao xi măng hồi chiều lên vai.

Hai người từ biệt đi rồi, Tuấn còn ngồi lại ở trong quán. Anh ngậm chiếc đũa của cà phê trên đầu lưỡi. Sự mỏi mệt của một ngày làm việc bỗng dồn lên cơ thể Anh muốn nằm dài thở khói thuốc lên không trung. Thở khói thuốc trong buồn bã. Tuấn lôi lá thư trong túi ra. Anh đọc lại những hàng chữ trong thư :

« Tao đang canh gác một trường học do máy dựng lên... »

Những tình cảm khi nhìn thấy mái tôn, nền xi măng láng xong vào buổi chiều tiêu tan hết. « Hòa bị cưa hai chân rồi ! ». Tư tưởng lập đi lập lại. Khói thuốc vào phổi làm Tuấn nghẹt thở. « Làm trại làm chó gì ». Ý nghĩ miên man chạy theo nhịp tim. Tuấn đứng dậy, anh trả tiền, bước ra cửa. Sau lưng cửa tiệm này là Nữ đại-học-xá. Thương ở trong đó. Thương ở trong đó và cách xa Tuấn hoàn toàn. Trước mặt Tuấn là phim western. Hòa mơ ước một ngày trở về quê hương như Tuấn. Bây giờ chắc Hòa đã tuyệt vọng. Nhưng mất chân và còn chân có khác gì nhau ? Tuấn cũng như Hòa chẳng có thể nào trở về quê hương, trở về Hà Nội, như những người dân da đỏ trong phim. Nếu nỗi bất hạnh của dân da đỏ là bị bọn da trắng ngăn cản, thì bây giờ nỗi bất hạnh đó còn đầy đặc trong cuộc đời Tuấn và bạn bè. Đột nhiên Tuấn muốn mình có thể chảy nước mắt. Anh thầm nghĩ. « Giá mình có thể khóc dễ dàng như Thương ».

TRẦN-ĐẠI

HỘI THÂN HỮU « QUẢNG-NGÃI »

310, Bến Vân-Đồn — SAIGON

THÔNG BÁO

Hội vừa được tổng bộ An-ninh Quốc-gia cấp nghị-định số 228 / TBAN / NA / ND ngày 14-4-67 cho phép hoạt động chính-thức. Yêu-cầu quý Bạn sinh-quán hay liên-hệ gia-tộc ở Quảng-Ngãi, hiện cư-trú tại Sài-gòn, và những vùng phụ-cận chưa vào Hội, xin mời đến trụ-sở (310, Bến Vân-Đồn, Sài-gòn) ghi tên gia nhập, từ nay đến cuối tháng 5/67 để kịp thời tổ chức Đại Hội đồng bầu ban Quản-trị chính-thức.

BAN QUẢN-TRỊ LÂM THỜI

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

MỘT CÁI CHẾT RẤT DỊU DÀNG

Truyện của SIMONE DE BEAUVOIR (Nguyên tác : *une mort très douce*) Bản dịch của Vũ-Đình-Lưu, Tập san VĂN xuất bản, 124 trang. Giá 30đ.



Dịch giả :

Ông **VŨ ĐÌNH LƯU** sinh năm 1914 tại Bắc Việt, biên tập viên của các tạp chí *Bách khoa*, *Mai*, *Văn v...v*. Đã xuất bản : *Thảm kịch văn hóa tiểu luận*, (Nxb An-Tiêm) và các dịch phẩm : *Cái chết của Ivan Ilitch* (Nxb Thời Mới), *Lưu đầy và quê nhà* (Khai Tri), *Nghệ thuật hiện đại* (Thời Mới), *Một cái chết rất dịu dàng* (Ván).

Tác phẩm :

Một cái chết rất dịu dàng là cuốn sách của nữ văn sĩ lừng danh Pháp, Simone de Beauvoir, mới xuất bản gần đây, trước cuốn *Les Belles Images* (Những hình ảnh đẹp). Sách viết theo thể văn tự truyện rất giản dị, trong sáng

và thiết thực. Một thứ nhật ký ghi lại từng giờ từng phút những băn khoăn, lo sợ và đau đớn của tác giả trước cái chết thảm thương của bà thân mẫu. Cái nhìn mới mẻ dưới nhãn quan hiện sinh Sartre-Simone de Beauvoir nêu lên nhiều vấn đề trọng đại liên hệ đến một thảm kịch trọng đại nhất của con người : cái chết trình bày như một vết nhọc cho công trình sáng tạo có ý nghĩa cao cả nhất là kiếp người, một hiện - thể ý thức được chính mình và sự vật giữa một vũ trụ hỗn mang vô tri vô giác.

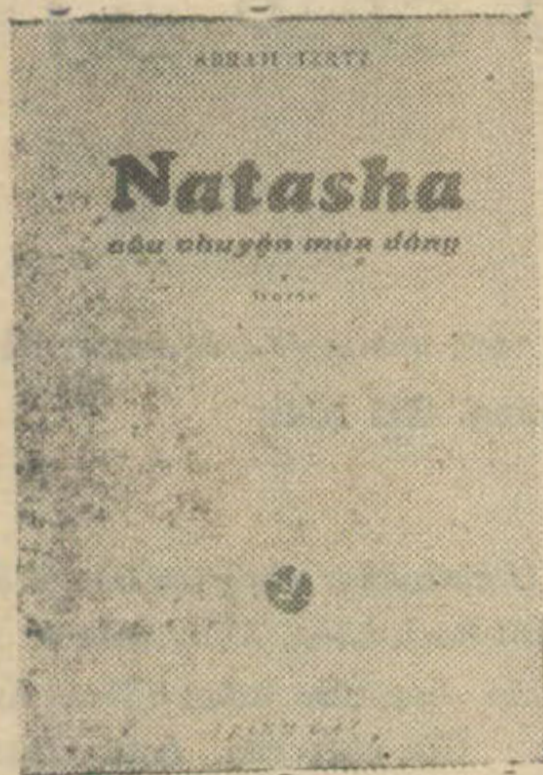
ĐÍNH CHÁNH

Trong mục « *Đọc sách giúp bạn* » trên BK. TĐ. số 247 (15-4-67) trang 78 về tiểu sử tác giả *Hoa bướm bướm* có in lẫn như sau : « **VŨ-HỒNG**, Giáo sư trường Trung học Hồng Bàng Nha-Trang » — Nay xin sửa lại là : « **VŨ-HỒNG** sinh năm 1921 tại Phú Yên (Trung Việt) là Giáo sư trường Trung học Lê-quí-Đôn Nha-Trang ». Trân trọng xin cáo lỗi cùng nhà văn Vũ - Hồng và quý vị độc giả.

Tòa soạn BK. TĐ.

NATASHA (CÂU CHUYỆN MÙA ĐÔNG)

Truyện của ABRAM TERTZ, bản dịch của ĐIỂM CHÂU.



Dịch giả :

ĐIỂM CHÂU ngoài việc dịch khá nhiều sách còn là một nhà thơ. Hai thi phẩm đã xuất bản là :

Hạnh hoa, 1960 và *Sáng muôn thu*, 1962. Các dịch phẩm đã xuất bản gồm : *Nhà Chung*, truyện Ferreira de Castro, 1965 ; *Vâng ý cha...*, kịch Fritz Hochwalder, 1965 ; *Thân phận con người*, truyện Ryunosuke, Akutagawa 1966 ; *Câu chuyện năm mới*, truyện Vladimir Dudintsev, 1966 ; và bản dịch cuốn *Natasha* này. Ông từng là một trong số những người chủ trương tạp chí *Văn Mới* 1962 và là biên tập viên của tạp chí *Hành Trình*, trước đây.

Tác-phẩm

Cho tới cuối năm 1965, đối với hầu hết các nhà phê bình trên thế giới, lai lịch của hai tên ABRAM TERTZ và NICOLAI ARZAK ký trên một số tác phẩm viết bằng tiếng Nga được bí mật đem qua Âu Châu và được phiên dịch cùng xuất bản tại đây, vẫn còn là một điều gì hết sức mịt mù, và riêng đối với nhà cầm quyền Nga sô, hai cái tên đó, hơn thế, còn là một cái gì tợ hồ như một chiếc ung nhọt, nhức nhối, khó chịu vô cùng.

Chỉ mãi tới khi nhà cầm quyền Nga sô ra lệnh bắt giữ hai nhà văn ANDREI SINYASKY và YOURI DANIEL vào tháng 10 năm 1965 rồi sau đó bị Tòa án lên án khổ sai, vào tháng 2 năm 1966, với lý do đã «phổ biến những tài liệu chống lại Sô viết...», người ta mới được biết một cách chắc chắn rằng ABRAM TERTZ chính là bút hiệu của ANDREI SINYASKY và NICOLAI ARZAK của YOURI DANIEL, mà hai ông đã dùng để ký trên những tác phẩm gửi ra ngoại quốc.

Tuy nhiên, những tác phẩm của hai nhà văn đó được thế giới biết đến không hẳn chỉ nhờ vào «tính cách chính trị» của vụ án mà thôi. Đọc NATASHA chẳng hạn, thật sự người ta sẽ thất vọng nếu người ta mong đợi ở đó một lời kết án minh bạch nào nào đối với chế độ nhà nước Cộng sản như là của một *Giai cấp thống trị mới* của Milovan Djilas trước đây. NATASHA trước hết là một cuốn tiểu thuyết và là một cuốn tiểu thuyết nghệ thuật. Và như vậy, người ta có quyền nghi ngược lại là, chính cái «tính chất chính trị» của vụ án đã làm tổn hại không ít tới thế giá của tác phẩm này. Nói như thế cũng lại không có nghĩa là NATASHA chỉ là một tác phẩm nghệ thuật «thuần túy»; vì nếu quả như vậy, thì không thể nào cắt nghĩa được bản án... 7 năm khổ sai

mà Tòa án Nga sô đã dành cho tác giả của nó. Đọc NATASHA, tuy người ta không hề thấy tác giả có một lời tố cáo nào đối với chế độ nhà nước Cộng sản, nhưng trong nội dung hàm xúc của nó, người ta thấy nổi bật hẳn lên cái ý hướng muốn tố cáo tính chất huyền diệu của những kẻ tự cho là mình đã nắm được ý nghĩa cuối cùng của lịch sử toàn diện và do đó có thể độc đoán trong vấn đề lãnh đạo. Chống lại tính chất độc tài ý thức hệ của chế độ nhà nước cộng sản, tác giả NATASHA không phải mặc nhiên đã đứng về phía những người đòi hỏi một nền tự do phóng khoáng. Đối với ông, giữa cái độc tài chuyên chính và cái tự do phóng khoáng (cha đẻ của chủ nghĩa tư bản) thì cái độc tài chuyên chính ấy vẫn còn là một cái gì « may mắn » hơn nhiều (tr. 117-118).

Chính vì những lý do đó mà đối với chúng ta, NATASHA có một ý nghĩa đặc biệt. Cũng chính những lý do này đã giải thích hành động nghiêm khắc của nhà cầm quyền Nga sô đối với Sinyasky; có điều lạ là không hiểu vì sao tác phẩm ấy lại chỉ được cõ võ rầm rộ ở các nước tư bản Tây Phương mà thôi ?

ĐOÀN QUỲNH NHƯ

oOo

CON TÊ GIÁC

Kịch của EUGÈNE IONESCO, bản dịch của BÙI KHẢI NGUYỄN, do TRINH-BÀY xuất bản, 190 trang. Giá 75đ.



Dịch giả :

BÙI KHẢI NGUYỄN sinh năm 1927 tại Hà Nội. Từng cộng tác với tạp chí *Hành trình*. Đã xuất bản : *Thiết tha* (thơ) 1964, và bản dịch vở kịch *Con tê giác* (1967).

Tác-phẩm

Tấn kịch hạ màn với tiếng kêu «ta không đầu hàng» (Je ne capitule pas) của Bérenger, vai cuối cùng còn là.. người ở phút chót giữa một thành phố đã tràn ngập loài tê giác.

Tiếng kêu bừng bình, phi lý, «vô ích», phản lại toàn thể số đông đã «tê - giác hóa» đó làm chứng cho một ý chí, một khát vọng, một ước mơ... đồng thời một bất lực, một thất vọng, một hài hước đen của con người bây giờ.

Với sân khấu ước lệ thông thường, khán giả còn có thể bầu víu vào những

câu hỏi khuôn nếp mà hồi hộp thích thú, chẳng hạn ta có thể tự hỏi : «Liệu X có giết Y để báo thù cho cha ? » hoặc «không hiểu bên tình bên nghĩa, Z sẽ hy sinh cho bên nào ? » . . . Với sân khấu Phi Lý, những cái mẩu chốt, những cái khuôn nếp tinh thần như vậy không còn nữa. Ở kịch Phi Lý, tất cả đều có thể, tất cả nghĩa là những gì không ngờ tới nhất, những gì nghịch lý nhất .. Chẳng hạn, mọi người chúng ta đều có thể trở thành giống thú da dầy, kẻ này có thể dễ dàng buông xuôi chấp nhận «thái độ tê giác»; và kẻ kia tâm hồn đã chai đá dưới lớp bì hóa mọ của loài thú một sừng, hai sừng . . .

Và như vậy, cái hồi hộp, cái thích thú không còn rập khuôn, không còn «dọn sẵn» nữa. Cái hồi hộp, cái thích thú của Kịch Phi Lý đòi hỏi suy nghĩ, đòi hỏi giải đáp cho vấn nạn duy nhất : «Tất cả, tất cả những diễn biến trong kịch hay thực tại cuộc đời hàm nghĩa gì ?» Bởi đó, nói kịch Phi Lý là kịch của trí thức quả không ngoa.

Bao lâu thế giới này còn đầy rẫy những kẻ hứa theo Phát - xít như những người bạn xứ Lỗ-mã-ni của kịch-tác-gia Ionesco, bao lâu xã hội loài người này còn có những kẻ dễ dàng chấp nhận cường bạo như giới tiểu-tư-sản Đức độ nào, bao lâu bên này cũng như bên kia biên giới còn nhan nhản những bọn lì lợm mỗi ngày một dầy thêm những lớp da thú vật trước công bằng và lẽ phải thì tiếng kêu của một Béranger, của một Ionesco trong *Con Tê Giác* còn phải là một lời cảnh tỉnh nghiêm trọng.

VÕ HỒNG-NGỰ

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

TIN KHOA HỌC

Cái chết của Komarov



Komarov

Cái chết của ba phi hành gia Mỹ chưa phai mờ trong trí óc mọi người, thì cái chết bi thảm của phi hành gia Nga Vladimir M. Komarov lại làm chấn động dư luận vào cuối tháng tư vừa qua. Theo chương trình dự định, đáng lẽ chuyến bay của Komarov mới chỉ là giai đoạn đầu của một thí nghiệm không gian mới, trong đó Nga trù liệu sẽ thực hiện những kỹ thuật không gian có thể vượt hẳn những thành tích của Mỹ trong mấy năm vừa qua.

Chuyến bay này cũng còn được tính toán đề trùng với ngày Lao-động quốc tế và với lễ kỷ niệm 50 năm cách mạng Nga. Bởi vậy, ngay sau khi Soyuz 1,

phi thuyền do Komarov điều khiển được phóng lên, thế giới đều náo nức trông đợi những hoạt động kế tiếp của Nga. Tại Moscow dư luận cho rằng có thể một phi thuyền khác gồm có nhiều người sẽ được phóng lên. Hai phi thuyền sẽ ráp nối với nhau trên quỹ đạo, trao đổi nhân viên phi hành và thiết lập một trạm không gian trên quỹ đạo.

Bầu không khí chờ đợi lại càng tăng thêm phần hồi hộp khi đài phát thanh Moscow đột nhiên ngừng loan tin về sự tiến triển của phi vụ suốt trong mười hai tiếng đồng hồ. Mãi tới buổi chiều ngày thứ hai, 24 tháng tư 1964, trong một bản thông tin đặc biệt, đài phát thanh Moscow mới loan báo Komarov đã tử nạn khi cố gắng hạ xuống đất. Chiếc dù hãm tốc độ của phi thuyền đã không mở ra khi phi thuyền ở cao độ 7 cây số và phi thuyền đã rơi xuống đất với tốc độ 300 cây số một giờ.

Komarov là phi hành gia Nga đầu tiên đã lên quỹ đạo hai lần. Trước đây, vào tháng 10-1964, ông đã điều khiển phi thuyền Voskhod 1 của Nga. Có chớ thêm hai khoa-học-gia lên quỹ-đạo. Với tai nạn vừa rồi, Komarov cũng lại trở nên phi-hành-gia Nga đầu tiên bị tử nạn và cũng là phi-hành-gia đầu tiên bi tử nạn trong khi thi-hành phi-vụ. Về điểm

này, cái chết của Komarov có thể nói là có «nghĩa lý» hơn là cái chết của ba phi-hành-gia Mỹ trong tháng hai vừa qua.

Vì tính chất bí mật của các chuyến bay của Nga, người ta vẫn chưa được biết một cách chính xác nguyên-nhân nào đã đưa đến cái chết của Komarov. Theo các tài liệu ghi nhận được ở các trạm theo dõi, người ta suy ra rằng phi-thuyền Soyuz 1 có lẽ đã gặp khó khăn trong hệ-thống truyền-tin và hệ-thống điều-khiển vị-trí của phi-thuyền.

Komarov đã gặp khó khăn ở vòng quỹ đạo thứ 15, khi một hỏa-tiến điều khiển vị-trí bị trục-trặc khiến cho phi-thuyền bị đảo-lộn. Komarov đã cố gắng điều chỉnh lại và định cho phi-thuyền đáp xuống ở vòng quỹ đạo thứ 16 và 17. Nhưng có lẽ vì phi-thuyền vẫn bị đảo-lộn dữ dội nên ông không khai-hỏa được hỏa-tiến phản-chiều để giảm tốc-lực phi-thuyền xuống được. Mãi đến vòng thứ 18, Komarov mới tạm định đúng hướng phi-thuyền và khai-hỏa hỏa-tiến phản-chiều. Phi-thuyền đã qua giai-đoạn hiểm nghèo khi lọt vào bầu khí quyển của trái đất. Nhưng sau đó hình như lại bị đảo lộn lại khiến cho giây dù bị rối và dù không mở ra được.

Cái chết của ba phi hành gia Mỹ và của Komarov đã đặt cuộc chạy đua lên cung trăng của Nga và Mỹ vào một giai đoạn bế tắc. Nó đã nhắc nhở cho mọi người biết mặc dầu có những tiến triển kỹ thuật đáng kể, mặc dầu có những thành quả lớn lao, công cuộc đưa người lên thám hiểm không gian vẫn là một công cuộc hiểm nghèo và đầy bất-trắc. Đối với Nga, cái chết của Komarov lại còn là một thất bại nặng nề hơn nữa vì đã hơn hai năm nay, Nga không thí

nghiệm một chuyến bay có người nào cả. Có nhiều dấu hiệu chứng tỏ rằng sự trì hoãn này đã gây ra bởi các khó khăn kỹ-thuật Nga gặp phải khi phóng loại phi thuyền Voskhod.

Surveyor 3.

Những xúc động trước cái chết của Komarov đã làm lu mờ một bước tiến đáng kể nữa của Mỹ trong công cuộc sửa soạn đưa người lên mặt trăng. Vài ngày trước khi Soyuz 1 được phóng lên, Mỹ đã thành công trong công việc đưa Surveyor 3 đáp xuống mặt trăng. Sau phi thuyền Luna 9, Luna 13 của Nga và Surveyor của Mỹ, đây là phi thuyền thứ tư đã nhẹ nhàng đáp xuống mặt trăng. Điều này chứng tỏ những khó khăn kỹ thuật của loại phi-vụ hết sức tế nhị và chính xác này đã được giải quyết.

Surveyor 3 đã đáp xuống mặt trăng chỉ cách nơi đã định có vài cây số. Nhiệm vụ chính của Surveyor 3, cũng như của phi thuyền Surveyor trước đây là thăm dò địa chất mặt trăng để tìm nơi thuận lợi cho các phi-hành-gia tương lai đáp xuống. Nhưng khác với các bực đàn anh trước đây, lần này Surveyor 3 còn được trang bị thêm một cái cần xúc đất dài 1 m 50, có thể di động trong một vòng tròn đường kính 3m, có thể giờ cao lên được 1m20 hoặc đào sâu được tới 45 cm.

Theo lệnh của căn cứ tại Jet Propulsion Laboratory tại Pasadena, Surveyor 3 đã đào những rãnh ở chung quanh phi thuyền. Quan sát số điện lượng cần dùng để đào, các nhà khoa-học tại căn-cứ có thể suy ra độ cứng của mặt trăng. Bằng phương pháp đó người ta thấy

rằng bề mặt mặt trăng khô có, nhiều cát vụn và cứng như cát ướt trên bãi biển, nghĩa là thừa sức chịu đựng một phi thuyền loại Apollo của Mỹ.

Surveyor 3 lại còn làm công tác rất tế nhị là nhặt một cục đất trên mặt trăng rồi nghiền nát cục đất đó ngay để chân phi thuyền, trong khi đó máy ảnh của phi thuyền chụp ảnh và gửi về trái đất. So sánh mẫu đất ở trên ảnh với đĩa mẫu sơn ở chân phi thuyền, các khoa học gia sẽ suy ra màu đất trên mặt trăng.

Ngoài công tác của nhà địa-chất-học ra, Surveyor 3, theo đúng với truyền thống của các phi thuyền trước, đã tiếp tục gửi về trái đất hàng ngàn bức ảnh của bề mặt mặt trăng và các thiên-thể khác. Loạt hình độc đáo nhất là 20 bức hình lúc nhật thực chụp từ trên mặt trăng, khi mặt trời bị trái đất che lấp trong khoảng hai tiếng đồng hồ. Quan sát các bức hình này các nhà thiên văn có thể hiểu biết hơn về tính chất của vùng khí quyển trái đất và do đó có thể suy ra tính chất vùng khí quyển của các thiên-thể khác.

Những thất bại liên tiếp của các chuyến bay có người song song với những thành công của những phi thuyền không người điều khiển lại một lần nữa nhấn mạnh tính chất mong manh của cơ thể con người trong việc khám phá không gian. Cho đến khi các thách thức khó khăn gây ra những tai nạn trong mấy tháng vừa qua được giải quyết ổn thỏa, con người sẽ còn phải tùy thuộc vào máy móc rất nhiều trong công cuộc tìm hiểu mặt trăng. Những tai nạn đó đã làm chậm ngày đưa người lên thám hiểm mặt trăng nhưng những thành công của máy móc có thể cho ta tiên

đoán là nội trong vòng hai năm, một phi thuyền không người lái loại Surveyor có thể đáp xuống mặt trăng, thu thập những vật liệu và làm những thí nghiệm cần thiết, rồi lại rời mặt trăng trở về trái đất.

NGỌC-VÂN

SÁCH MỚI

Bề trái và bề mặt : nguyên tác «*L'envers et l'endroit*» của A. Camus, Trần thiện Đạo giới thiệu, phiên dịch và chú giải, do Giao Điểm xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 166 trang, giá 70đ.

Tìm về dân tộc của Lý Chánh Trung do Trình Bày xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 106 trang, gồm 2 phần (Hồi ký của một cựu học sinh trường Tây và Suy nghĩ hai chữ dân tộc) và 2 Phụ-lục, giá 50đ.

Bài tập toán quang tập I và tập II) của Faget và Martin, do Phạm-Long Điền dịch, Việt Nam Đại Học Tùng Thư xuất bản và gửi tặng. Việt Nam Đại Học Tùng Thư ở 5117 Nguyễn Trãi Chợ lớn, do Ông Phạm Long Điền chủ trương, vẫn nhằm «lựa chọn những tài liệu giáo khoa, khảo cứu ở bậc Đại học, viết bằng ngoại ngữ, đem diễn dịch ra tiếng Việt để cung cấp tài liệu học tập cho các bạn sinh viên trong nước». Với mục đích trên, VNDHTT đã xuất bản được một số sách đáng kể, in ronéo 2 mặt thực rõ ràng, để bán rẻ cho các sinh viên. «*Bài tập toán quang*» trên đây, mỗi tập khổ 20 x 26, dày trên 120 trang, đều bán với giá nhứt định: 80 đ.

ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

L.T.S : Hiện nay sách báo xuất bản mỗi ngày một nhiều ; ngay những sách báo trong nước chúng ta đọc cũng không hết được, còn nói chi đến những sách báo ngoại quốc nữa. Bởi vậy bắt đầu từ số này, Bách-khoa Thời-đại mở thêm phần ĐỌC BÁO GIÚP BẠN để tóm lược trình bày cùng bạn đọc những tin-tức, sự việc đáng lưu ý, những phát kiến khoa học, những nhận định, tư tưởng mới mẻ trên báo ngoại quốc mà nhiều bạn không có dịp đọc qua nhưng cũng mong hiểu biết. Chúng tôi hy vọng mục này sẽ làm thỏa mãn một số đông bạn đọc như quý bạn hằng yêu cầu trong các thư gửi về tòa soạn từ trên một năm nay.

Đàm-thoại với Djilas



Djilas sau khi được tự-do

Milovan Djilas, một lãnh tụ cộng sản Nam Tư, một đồng chí chiến đấu thân cận nhất của Tito trong những giờ phút cam go nhất. Djilas là tác giả 2 cuốn sách « Giai cấp mới » và « Đàm thoại với Staline » (1) bị Tito lên án phản cách mạng. Sau đó bị đưa ra tòa án và bị kết án 10 năm tù, từ năm 1956 và vừa rồi mới được thả ra.

Hiện nay ông ở một căn phòng rộng rãi, lầu 2 số 8 ở đường Palmoticeva gần trụ sở của Nghị-viện Liên-bang (Quốc-hội Nam-Tư) thủ đô Belgrade. Ông tiếp ký giả Sam Cohen của tuần báo Newsweek trong một phòng khách rộng rãi có một máy vô tuyến truyền hình và một máy thu phát thanh. Ông chỉ vào những chồng giấy vệ sinh để trong hai cái túi bằng plastic và nói : « Đây là hai tập bản thảo của hai cuốn truyện mới của tôi. Tôi đã viết trong tù bằng giấy vệ sinh vì tôi không còn phương tiện nào khác ». Cả hai truyện đều là những truyện lịch sử liên quan đến sự chanh chấp giữa người Công giáo và Hồi giáo ở Montenegro là quê hương của ông.

— Liệu ông có được phép xuất bản hai cuốn truyện đó không ?

— Tôi đang bị án cấm không được phổ biến ý-kiến trong nước. Nhưng tôi nghĩ rằng nhà cầm quyền Nam Tư không cấm tôi xuất bản hai cuốn truyện đó ở ngoại quốc. Tôi đã làm đơn xin phép và tôi đang đợi trả lời. Tôi cũng có làm đơn xin cấp một giấy thông hành và tôi hy vọng họ sẽ cho phép tôi rời khỏi nước

(1) LTS.— Đã trích dịch và đăng trên Bách-Khoa các số từ 158 đến 162 (tháng 7, 8, 9, 1963)

đề đi du lịch, tôi muốn thăm nước Anh, rồi tôi sẽ trở về, vì đây là nhà tôi nước tôi.

Theo thói quen, sau một lúc nói chuyện, ông trở lại nói về chính trị. Ông nói :

— « Thế giới mà chúng ta sống đang tiến tới thống nhất. Chúng ta đang ở giai đoạn đầu. Dần dần, mọi người đều hiểu rằng một lý tưởng không thể giải thích được tất cả mọi thứ. Các lý tưởng khác nhau và các hệ thống khác nhau đang tiến lại gần nhau hơn. Chủ nghĩa xã hội đang tự - do - hóa mà chủ nghĩa tư-bản đang xã-hội-hóa. Đó là một biến cố lớn nhất của thời đại chúng ta. Ngay cả Trung-Quốc cũng sẽ thay đổi. Người Trung Hoa đang cố gắng tìm con đường của họ. Nhưng khác biệt giữa Trung Cộng và Nga Sô là một điều hay nó làm nảy ra nhiều tranh luận vì ý-thức-hệ và làm giảm bớt nguy cơ chiến-tranh giữa Đông và Tây.

Bàn về Nam-Tur, ông nói :

— Tôi vẫn không thay đổi quan-điểm và lập trường. Cái đang thay đổi, chính là Nam Tur. Nam-tur ngày nay đang tiến tới tự do hơn. Sự dân-chủ-hóa chế-độ và cải cách kinh tế đang dẫn Nam-Tur trên con đường đúng đắn.

Ông nói tiếp : Tôi còn muốn tự-do và dân-chủ hơn nữa. Tôi không muốn Nam-Tur trở lại chế độ tư-bản. Thực vậy, sự hiện diện của hai đảng xã-hội là điều mong muốn nhất ở nước tôi. Nhưng hiện nay, tôi chưa tin là đối-lập có thể tổ-chức ở Nam-Tur. Dân chủ không phải thực-hiện ở ngoài mà ngay chính ở trong đảng cộng sản. Đó là điểm bất-đồng lớn nhất giữa tôi và Tito.

Ông nói : Tito là một chính-khách vĩ - đại. Nhưng tôi chưa thấy một yếu tố nào khả dĩ đưa đến sự hòa giải giữa chúng tôi. Tito không muốn trong đảng có tự-do tranh luận và có nhiều xu hướng khác nhau.

— Đối với Mihajlov một nhà văn trẻ tuổi vừa bị cầm tù vào hồi tháng 11 năm ngoái vì muốn tổ chức đảng đối lập, thái độ của ông ra sao ?

Ông nói : Chúng tôi không cùng chung một phong trào hoặc một nhóm, nhưng chúng tôi có nhiều điểm giống nhau. Mihajlov bị tù vì tư tưởng của ông ấy. Và tất cả những ai bị tù vì tư tưởng của mình đều được cảm tình của tôi. Nếu ông ấy lại bị kết án nữa sau khi mãn hạn tù, tôi sẽ tranh đấu cho ông ấy. Tranh-đấu như thế nào thì tôi không biết, nhưng tôi sẽ tranh đấu.

— Ông không sợ tranh đấu như vậy lại đưa ông trở lại nhà tù sao ?

— Tôi không sợ trở lại tù. Tôi không tin là tôi có thể thắng. Nhưng tôi tin chắc là tôi sẽ tiếp tục nói thẳng những điều mà tôi nghĩ.

Mihajlov nói thẳng những điều mình nghĩ



Mihajlov ra tòa lần thứ 3

Djilas đã có những mong muốn như trên về chế độ chính trị của Nam-Tư về tổ chức đối lập chính quyền, về tự do tranh luận trong đảng cầm quyền.., vì gần đây, tại Nam-Tư đã có những dấu hiệu nở rộ tự do, chẳng hạn tờ đặc san *Praxis*—một tờ báo chưa hẳn là đối lập nhưng thường bị Tito cho là có « tư tưởng lệch lạc »—bị đình bản cách đây tám tháng thì nay đã được phép tái bản. Ngoài ra chính đảng Cộng sản Nam Tư cũng tuyên bố dự định từ bỏ nhiệm vụ « lãnh đạo » nhân dân để rút về vai trò « hướng dẫn » quần chúng trên lãnh vực lý tưởng mà thôi.

Tuy nhiên cách đây mấy tuần, trong một bài diễn-văn vạch mặt những báo chí và đài phát thanh có tư tưởng tự do—thứ khuynh hướng bị lên án là « tự do thối nát » — Tito tuyên bố trắng ra rằng : « Đảng cộng sản không phải là một tổ chức tự do

trong đó ai muốn làm gì cũng được. Đảng là một tổ chức mác xít mà không một tổ chức nào khác lẫn át được. Đảng vẫn tiếp tục giữ một vai trò quyết định trên trọn đời sống chúng ta ». Những kẻ nào chống lại Đảng, nói thẳng những điều mình nghĩ, mà lại khác với những điều Đảng nghĩ, tất sẽ không thoát khỏi số phận của Djilas, của Mihajlov.

Trường hợp Mihailo Mihajlov một giáo sư Đại học Nam tư bị bắt giam ngày 10-3-1965 bị kết án và cầm tù vì tội « bôi nhọ Nga xô » trong một bài báo nhan đề là « Một mùa hè ở Mạc tư khoa », mà ông đã kể lại một số sự thật tai nghe mắt thấy, bạn đọc đã rõ trong bài tường thuật của Trùng Thiên trên Bách Khoa số 206(1-8-1965)

Nhưng một án tù đó chưa « cải tạo » được Mihajlov. Năm ngoái, nhà trí thức Nam-tư dũng cảm nói thẳng sự thật lại viết một bài đề-nghị thành lập một nhóm đối lập qui tụ những phần tử bất mãn và những người có tinh thần quốc gia, lại còn dự tính ra một tờ báo cho nhóm này nữa. Bài đó được đăng tải trên các báo ngoại quốc và kết quả là tác giả của nó lại bị đưa ra tòa lần thứ hai và bị kết án một năm tù. Nhưng chưa hết. Trong khi sắp sửa vô khám đường, Mihajlov còn viết thêm những bài công kích chính quyền Tito là độc đảng, độc tài để gửi đăng tại ngoại quốc. Do đó ông lại bị kết tội là « tuyên truyền phản động » và hai tuần trước đây, ông đã bị giải từ khám đường Sremska Mitrovica ra tòa để bị xử án lần thứ ba. Lần này, Ông đã can đảm và đồng dục lên tiếng bênh vực cho tư tưởng của Ông trước mặt các thẩm phán và một số đông quần chúng dự thính. Bị vặn hỏi ông đã hiên ngang nói trắng ra trước tòa rằng ;

« Trong một nước mà chỉ có một đảng duy nhất được phép hoạt động và một người duy nhất vừa lãnh đạo đảng, vừa cai trị quốc gia lại đồng thời cũng là vị chỉ

huy quân đội quốc gia. Vậy thì các ngài thử tìm trong bất cứ một cuốn Bách-khoa tự-điền nào, các ngài cũng sẽ thấy ngay rằng đó là chế-độ độc tài". Cái định nghĩa này tuy thông thường, sơ đẳng nhưng sự nói lên trước pháp đình cộng sản trong vụ xử án này, quả là táo bạo và gay gắt.

Tất nhiên các thẩm phán xử án không cần phải tra cứu Bách-khoa tự-điền làm gì, nhưng điều cần ở đây là phải định một sự trừng phạt "xứng đáng" với kẻ ngạo nghễ đã « dám » nói-thăng-những-điều-minh-nghĩ trên đây. Trừng phạt ấy được ấn định như sau: gia tăng thời gian phạt tù của Mihajlov từ một năm lên 3 năm 11 tháng và sau khi tù ra ông còn bị cấm không được viết lách đề xuất bản trong thời hạn 4 năm nữa.

ANH-TUYẾT

oOo

Con gái nhà độc-tài chọn tự do



Svetlana tới phi trường Kennedy

Cách đây hai tháng, một người đàn bà đứng tuổi xưng tên là Svetlana Staline vào tòa Đại-sứ Hoa-kỳ tại Tân-đề-li xin tỵ nạn chính-trị. Sau những giây phút ngạc nhiên, nhân viên tòa Đại-sứ Mỹ đã phải xin chỉ-thị của bộ ngoại-giao Mỹ để biết cách xử trí với bà mà không làm Nga mất lòng.

Để tránh mọi rắc rối ngoại giao, chính phủ Mỹ quyết định đưa bà Svetlana sang Thụy-si trong một chuyến đi trốn tránh với sự bảo vệ của những nhân-viên an-ninh.

Bà Svetlana, con gái của nhà độc tài Staline, đã bỏ Nga xô để tìm tự-do ở một quốc-gia thù địch của Nga là một việc không tiền khoáng hậu của thế-kỷ thứ 20 này.

Bà là con gái thứ ba của Staline, năm nay được 42 tuổi. Sau hai cuộc hôn nhân dang dở và có hai người con là cậu Joseph 21 tuổi và cô Ekaterina năm nay mới 15 (hiện cả hai còn ở lại Mạc Tư Khoa), bà lại kết hôn lần thứ ba với một đảng viên Cộng sản Ấn độ là Brajesh Singh. Nhưng ông Singh chẳng may mệnh một, bà được phép đưa thi hài chồng về Ấn-độ để thiêu và rắc tro trên sông Gange. Ở Ấn-độ ít lâu bà quyết định đoạn tuyệt với thế-giới Cộng sản mà chính cha bà đã tạo ra để sống tại Hoa-kỳ.

Một người được hưởng nhiều ơn huệ của chế-độ Cộng sản như con gái thống chế Stalin, mà cũng phải rời bỏ Nga-sô ra đi, là một điều làm cho ai cũng phải kinh ngạc. Bà Svetlana đã giải thích trong một bản tuyên bố phát cho báo chí: « Trong những năm gần đây, tại Nga người ta đã bắt đầu suy nghĩ bàn cãi và lý luận .. Tôi sinh trưởng trong một gia đình mà người ta không bao giờ nói đến

đến Thượng-đế. Khi tôi lớn lên, tôi thấy người ta không thể sống nổi nếu không có Thượng-đế trong tim ... Từ đó thuyết cộng sản đối với tôi không còn ý nghĩa. Theo tôi không có những người tư bản cũng không có cộng sản, chỉ có những người hay và người dở, người lương thiện và người bất lương ».

Như vậy ta thấy bà Svetlana ra đi không vì lý do tư tưởng, những tư tưởng mà chắc bà sẽ công bố trong một ngày gần đây.

Những khi trốn tránh ở Âu-châu cho tới khi được phép sang sống ở Hoa-kỳ bà Svetlana không rời bàn thảo tập hồi-ký dài 80.000 chữ của bà. Cuốn sách này sẽ được nhà xuất bản Harper - Row mua và xuất bản vào tháng 10 tới.

Những chuyên viên Mỹ về vấn đề Nga đã đọc tập hồi - ký này. Trong số những người đọc ấy có cựu Đại-sứ Mỹ tại Mạc-tư-Khoa George Kennan và những viên chức của Bộ ngoại giao Mỹ. Tất cả đều đồng ý rằng cuốn hồi ký của bà Svetlana có một giá trị văn chương đặc biệt và hơn nữa có một giá trị lịch sử. Vì cuốn này sẽ giúp các sử gia một phần không nhỏ trong công cuộc tìm sự thật, viết trang sử chính trị Nga-sô dưới triều đại Staline.

Bà Svetlana bắt đầu viết vào năm 1963. Trong đó bà kể lại đời bà, những bi kịch đã xảy ra trong gia đình của chính bà và cũng phản ảnh nước Nga vào thời đại đó. Trong cuốn hồi ký này người ta thấy những đau thương vô xé bà và các anh bà, một người chết khi bị quân đội Đức bắt giam, một người nghiện rượu chết một cách bí mật năm 1962. Bà tả những khắc khoải, những bấp bênh của tâm hồn đã đưa bà tới ba cuộc hôn nhân liên tiếp. Bà nhắc tới lúc, 15 tuổi, bà được biết rằng mẹ bà không phải chết vì bệnh mà vì tự tử, và phản ứng điên rồ của Staline trước vụ tự tử này vì Staline cho rằng đó là một âm mưu chống lại ông.

Cuốn sách này đã đem lại cho bà một số tiền khổng lồ là 1 triệu Mỹ kim. Nhưng bà quyết định sẽ đem một phần lớn tiền đó ra tài trợ những dự-án y-tế của làng Kalakankar bên Ấn Độ, quê hương của chồng bà, và những công cuộc từ thiện tại Thụy sĩ và Hoa kỳ.

Chính phủ Nga đã hết sức bối rối trước sự ra đi của Svetlana. Các lãnh tụ Nga không muốn bà tiết lộ những bí mật dẫn máu của chính thể cộng sản Nga sô. Các nhà ngoại giao Nga, các gián điệp được cử đi khắp nơi để phá bà, đề ngăn trở không cho cuốn sách của bà được xuất bản và phổ biến. Họ cố bôi xấu bà. Theo họ, bà là người con yêu dấu của nhà độc tài Staline, bà đã được chế độ hết sức ưu đãi. Khi lấy chồng, bà đã mang áo cưới có một cái đuôi dài 20 thước, và tiệc cưới đã được tổ chức tại điện Kremlin với những bát đĩa bằng vàng của Hoàng đế Nga. Những người dân Mạc-Tư-Khoa đã đứng tuổi không người nào quên được rằng khi họ còn trẻ một thứ nước hoa đắt tiền đã có tên là « Hơi thở của nàng Svellana ». Chính phủ Nga còn đe dọa hành hạ con bà.

Trong khi đó Hoa-kỳ cũng hết sức dè dặt, vì chính phủ Hoa-Thịnh-Đốn không muốn gây khó khăn cho việc bang giao Nga-Mỹ đang ở thời-kỳ tốt đẹp. Vì

vậy trước khi cho bà tỵ nạn ở Mỹ, chính phủ Hoa-kỳ đã kéo dài thì giờ để bà có thể suy nghĩ chín chắn.

Nếu ta gạt bỏ những hậu quả chính trị, những yếu tố cá nhân, ta thấy bà Svetlana chỉ là một người đàn bà đáng thương bị lương-tâm ray rứt, bị những khắc khoải dày vò. Bà chỉ là một tâm hồn đang đi tìm một hướng đi một lẽ sống. Lẽ sống này có lẽ bà đã tìm thấy khi đưa linh cữu chồng về làng Kalankankar. Trong chiếc sari trắng của người phụ nữ Ấn-Độ góa bụa, qua những bữa cơm chay, bà đã tìm ra một cuộc sống phù hợp với tâm hồn bà. Và trong một Kalankankar, sống cuộc đời bình dị và khắc khổ của người dân Ấn Độ.

TỪ-TRÌ

ĐÃ PHÁT HÀNH :

HAI MƯƠI NĂM QUA

Việc từng ngày (1945-1964)

của ĐOÀN-THÊM

424 trang

Giá 300đ

Có bán tại các hiệu sách : Xuân-Thu, Lê-Phan, Khai-Trí, Việt-Băng Saigon.

Mọi thư từ, giao dịch xin liên lạc với Nam-Chí Tùng Thư.

3, Nguyễn-Siêu Saigon.

SÁCH GIAO-ĐIỂM MỚI PHÁT HÀNH

BỀ TRÁI và BỀ MẶT

(tiểu luận)

ALBERT CAMUS

giải Nobel về Văn-chương 1957

TRẦN THIÊN-ĐẠO

giới-thiệu, phiên-dịch và chú-giải

SINH HOẠT

Tương lai văn hóa Việt Nam

Tương lai Văn hóa Việt-nam »,
Phải đâu phóng bút cuống đăm mà chơi !
Mấy phen cả tiếng dài hơi,
Đã nghe nước chảy nổi lời non cao.

Đối với « Tiếng gọi đàn » này của con người luôn luôn thất bại và thất thế là Hồ-Hữu-Tường, cất lên ở thủ đô nước Việt-nam dân chủ cộng hòa từ 1946, ít ai như Vũ-Hoàng-Cương, đến 19 năm sau, còn tin rằng giấc mơ của họ Hồ có cơ thành sự thật, cũng như giấc mơ lên cung trăng. Còn phần đông thì cho tác giả là một kẻ không tưởng, bàn chuyện đĩa bay, hoặc là một kẻ điên rồ, lên cơn nói nhảm.

(Có điều nên ghi, là cả ba lần ra mắt quốc dân, « bài thơ dài bằng văn xuôi » ấy, do nhà Minh-Đức, 1946, nhà Đồ-Chiều, 1948, nhà Huệ-Minh, 1965 xuất bản đều không đầy đủ, chẳng biết lần thứ tư sắp tới do nhà Khai-Trí đảm nhận có may mắn hơn không ?)

Cho nên khi nghe Hồ quân đảng đàn nói về « Tương-lai Văn-hóa Việt-nam », lại giảng đường Viện Đại-Học Vạn-Hạnh (ngày 16-4-196), thì số người đông đảo đến dự thính gồm đủ ba hạng người nói trên : tin-tưởng, tò-mò, xem một trò lạ.

oOo

Văn hóa là gì ?

Văn hóa Việt-nam là gì ?

Diễn giả thấy có bốn phận giải đáp sao cho thỏa đáng hai câu hỏi gốc này, vì không thì vấn đề đem ra bàn : « Tương-lai Văn hóa Việt-nam » hóa ra « minh mông và mù mờ, có thể là vô nghĩa ».

Ông nhắc đến định nghĩa của hai nhà lí thuyết gia cộng sản : Nguyễn Hữu Đang và Đặng-Thái-Mai cùng của nhà học giả Đào Duy Anh trong hai cuốn sách cùng tên : « Văn hóa là gì ? » ra đời ở Hà Nội, năm 1946. Ông nhận thấy hai người này có nhiều chỗ khác nhau nhỏ, mà có chỗ giống nhau lớn. Đó là đều đứng về phương diện « tĩnh » mà định-nghĩa văn-hóa. Ông không đồng quan điểm, nghĩ rằng phải đứng về phương diện « động » mà định-nghĩa văn hóa. Vì có thể, ta mới có thể biết được hậu lai của nó, không thì ta chỉ biết cái vóc dáng hiện tại của nó mà thôi. Và ông ví như khi ta chụp hình với khi ta quay phim.

Bấm vào cái định nghĩa « tĩnh » của Văn hóa đề bàn về tương lai văn hóa nước nhà, thì ta phải nhìn nhận rằng lắm địa hạt, lắm khía cạnh của nó đang hồi bị phá sản dữ dội : từ tập tục qua nghệ thuật đến tôn giáo.

Rọi kĩ vào từng chi tiết, sự phá sản càng đau lòng : Thôn quê tan nát, thành phố ngột ngạt, giá trị con người bị đảo lộn, các đoàn thể chính trị và tôn giáo chia ra nhiều phái, nhiều chi, chỉ trích nhau, công kích nhau...

Sang qua địa hạt của ý thức, thì lại càng « nát bét ».

Chụp hình cái xã hội Việt, chúng ta thấy thế ; ta có hình ảnh của cái văn hóa tĩnh, mà ông xin dùng danh từ văn minh để được chính danh. Và ông cho rằng cái văn minh Việt nam này « đang bị lịch sử nghiền nát ngấu ».

Rồi ông dùng phương pháp quay phim để trình bày cái văn hóa động.

Nước Việt ta từ ngàn xưa vốn nằm ngay trên chỗ giao tranh ảnh hưởng của những khối văn minh lớn. Trước tiên, là hai nền văn minh Trung hoa và Ấn độ. « Về đại thể, ta có thể nói rằng văn minh Trung hoa đã thắng văn minh Ấn độ trên đất này. Nhưng mà Trung hoa đã thắng với giá nào ? Trung hoa phải hy sinh cái ý muốn xâm lăng và đồng hóa, phải bỏ hẳn những chủ thuyết độc tài và bạo ngược, thì Khổng, Mạnh, Lão, Trang mới mọc rễ ở nước này được. Còn Ấn-độ thua, nhưng mà có thua ấy là đạo Bà-la-môn của người Chiêm-thành, còn đạo từ bi bác ái của Phật nào có lui bước trước sự chồm tới của Khổng, Lão ? »

Ông nhấn mạnh điểm các Tống Nho Trung Hoa không thành công trong việc tổng hợp tam giáo, mà sư Vạn Hạnh ở Việt lại thành công. Vì Tống Nho Tàu muốn tổng hợp dưới cờ của nhà Nho, còn nhà sư Việt lại dựa vào công thức Việt, công thức hòa đồng.

Rồi đến văn minh Tây phương tràn đến. Nước Pháp cũng muốn xâm lăng và đồng hóa ta, nhưng non thế kỉ, cái phần xâm lăng và đồng hóa phải rút lui, mà lại còn phần vinh cửu của nước Pháp là các tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái. Tên Jean-Jacques Rousseau được thay tên Chasseloup-Laubat trên bảng hiệu trường trung học xưa nhất của Pháp ở Thủ đô là một tượng trưng nổi bật.

Đến đây, ông đưa ra một cái luật sắt thép này : « Thuận với cái Văn hóa động thì còn, mà nghịch với cái Văn hóa động thì mất ».

Và bây giờ, ta mới thấy ông định nghĩa Văn hóa là gì.

Theo ông, trong Văn minh có cái cao quý, đẹp đẽ, nhân đạo mà cũng có cái thấp hèn, xấu xa, tàn bạo; dòng sử đào thải loại sau này, và giữ lại loại trước. Ông gọi Quái hóa những gì làm con người thấp, xấu, dã man và Văn hóa những gì làm cho con người trở nên thanh cao, tốt đẹp.

Thế thì, nếu ta hiểu Văn hóa theo lối tĩnh, thì trước cái thực trạng ê chề, nát bét này, ta chỉ thấy một cái tương lai mờ mịt, tối đen. Còn nếu ta hiểu Văn hóa theo lối động, thì rút từ dòng sử dân tộc cái luật thuận nghịch nói trên, ta

thấy tương lai xán lạn, huy hoàng. «Rồi chúng ta lạc quan sinh ra những hi vọng trên trời, có những nghị lực mãnh liệt.»

Nhìn thế giới sau đại chiến thứ nhì, ta thấy loài người chia làm ba khối văn minh.

Một là cái *văn minh kĩ sư*, phát xuất từ cuộc cách mạng công nghiệp tại Âu-tây, mà trọng tâm bây giờ là Hoa-kỳ. «Đấng Tối cao» của văn minh này là Kỹ-thuật. Hai là cái *văn minh chánh ủy* xuất hiện sau cái văn minh trên độ trăm năm, phôi thai cũng ở Tây Âu, thành công ở Nga, nhưng miếng đất thích hợp nhất của nó là Trung-hoa. «Đấng Tối cao» của văn minh này là Quần chúng.

(Hai cái văn minh này hiện đang đụng độ dữ dội, hãi hùng, mà chúng lại chọn đất nước ta làm nơi đụng chạm mãnh liệt nhất. «Trâu bò húc nhau, thì muối mòng mang tai họa.» Thì những thứ giá trị giả hoặc lỗi thời có phá sản, có nát bét, thì có đáng cho ta lo chãng? Cái đáng lo, là lo làm sao cho dân tộc ta giữ thật chặt những giá trị đích thực, cao, đẹp.)

Ba là cái văn minh hiện đang ở trong thời kì mà ông đã mạo muội đặt tên là thời «phục hưng mới», nếu trường thành được, sẽ là *văn minh tu sĩ*.

«Văn minh kĩ sư đề cao vai trò của kỹ thuật. Văn minh chánh ủy đề cao vai trò của thuật sách động quần chúng. Dù là cái thuật đề chỉ huy máy móc, hay là đề sách động quần chúng, thì cái thuật vẫn là cái thuật. Và bất cứ cái thuật nào, cũng do con người nắm lấy. Vậy thử hỏi, khi con người nắm lấy cái thuật và sử dụng cái thuật, thì cái gì hướng dẫn con người? Đây là vấn đề then chốt của Văn hóa.»

Lọt vào tay kẻ ác, thì cái thuật tinh xảo hóa ra nguy hiểm vô cùng.

Nắm trong tay người lành, nó mới bảo đảm được tương lai của nhân loại.

Dân tộc ta không được cái «may mắn» có những vĩ nhân trong tư tưởng đề đưa ra những thuyết cứu nhân độ thế, thì lại có cái «rủi ro» làm nơi giao tranh của những nền văn minh lớn lao đề ta có dịp rút những cái chân giá trị của chúng mà hòa đồng . . .

Và — vốn mê truyện Tàu từ thuở lên bốn — diễn giả đem *Tây du kí* ra đề ví von. Ông ví những cái văn minh đang đụng độ như các loài ma quái, yêu tinh, như, Tề Thiên, Bát-Giái, Sa-Tăng còn sa đọa, còn Văn hóa Việt-nam là thầy Tam-Tạng «hiền lành, yếu đuối, bất cứ con yêu nào cũng có thể hại được, mà tất cả loài yêu đều thích ăn thịt, đề được trường sanh. Thầy Tam-Tạng mà nắm được nằng Kim cô đề tròng vào đầu Tề-Thiên, rồi nhờ đó mà thâu phục Bát-Giái, Sa-Tăng, thì cả thầy trò mới thỉnh được kinh, đem về Đông độ, rồi thành chánh quả».

Vậy, «Tương lai Văn hóa Việt-nam» là ... thầy Tam-tạng có bốn phật cứu vớt những Tề-Thiên, những Long Mã, những Bát-Giái, những Sa-Tăng, tức là những cái chi còn có thể chinh lại mà trường tồn được trong cái văn minh kĩ sư và chánh ủy đang đổ vỡ; thầy Tam-Tạng là một tu sĩ, thầy có bốn phật tạo thêm chung quanh mình nhiều tu sĩ khác «mỗi người một vẻ». Và cả đoàn tu sĩ mới này sẽ

thành cái văn minh tu sĩ ; chừng ấy mới có khả năng sang Thiên-trúc mà thỉnh kinh, đề rồi đặc đạo.

«Cái tương lai của Văn hóa Việt-nam có huy hoàng, xán lạn cùng chẳng, người Việt chúng ta phải trả bằng cái giá đó mới được...»

oOo

Sau phần thuyết trình, có phần chất vấn.

Đều là những người trai trẻ.

Điều kiện cho nền Văn hóa Việt được phát huy. Làm sao tránh sự trá hình, đội lốt của hai cái văn minh kĩ sư và chánh úy ? Sự tổng hợp tôn giáo của đạo Cao-đài... được nêu lên, nhưng thì giờ và tầm quan trọng của mỗi vấn đề không cho phép diễn giả trả lời cặn kẽ được.

Cho nên người nghe ra về không lấy làm thỏa mãn nhưng mà phải nghĩ suy, không nhiều thì ít.

NGÊ-BÁ-LÍ

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Không-tử viết

«Thầy Không nói rằng, «mấy chữ ấy bây giờ không còn giá trị bấp dấp nữa. Bây giờ người ta muốn nghe tiếng nói của những « thầy » khác. Hélène Parmelin vừa có một tác phẩm nhan đề là: *Picasso dit*. Danh giá cho giới nghệ sĩ quá. Đối với một nghệ sĩ cỡ Picasso bên Âu-châu người ta không bỏ sót chút gì mà không đưa vào sách vở : yêu thể nào, ăn uống thể nào, chơi bời thể nào, nói năng những gì v.v...

Xuất bản và sáng tác.

Trong một tháng nhà xuất bản Bernard Grasset chiếm luôn năm giải thưởng văn chương ở Pháp: giải Tiểu thuyết của Hàn lâm viện (F. Nourissier) giải Goncourt (Edmonde Charles Roux) giải Interallié (Kléber Haedens), giải quốc gia về Văn chương, (Julien Green), giải Médicis (Marie Claire Blais) Thật là một thành tích không tiền khoáng hậu trong ngành xuất bản. Dư luận xôn xao, giạt mình, muốn tìm hiểu về bí quyết thành công ấy.

Bí quyết đó là một ê-kíp chủ trương gồm toàn những người từ ba mươi lăm tới bốn mươi tuổi, văn sĩ, phê bình gia, tất cả đều say sưa với công việc.

Sáng lập là ông Bernard Grasset xưa kia đã là một người ham viết lách chứ không chịu làm một nhà kinh doanh chính cống: số là sách đưa tới ông xuất bản lúc đầu, ông đòi ra tay viết bài tựa, cuốn nào cũng đề tựa hết.

Tuy « nghệ sĩ » như vậy mà về mặt kinh doanh ông cũng tài tình đáo để. Hồi đó, cuối thế kỷ XIX, sách ở Pháp in trung bình mỗi cuốn từ 2 nghìn tới 2 nghìn rưỡi cuốn, B. Grasset nâng vọt nó lên 10 nghìn cuốn. Ông có nhiều sáng kiến quảng cáo. Chẳng hạn ông chủ trương muốn tung một tác giả mới thì đừng có khoe rằng tác giả này có tài, hãy cứ rao om sòm là tác giả này mới mười lăm tuổi thôi ! Thế nào cũng ăn chắc.

Kế nghiệp B. Grasset là người cháu Brenard Privat, một tiểu-thuyết-gia đã đoạt giải Femina năm 1959.

Bên cạnh B. Privat có những tay như Yves Berger (làm Giám đốc văn chương) được giải Femina năm 1962. Buổi sáng, Berger nằm nhà viết tiểu thuyết, 2 giờ chiều tới nhà xuất bản đọc bản thảo, chọn lựa.

Lại còn có François Nourissier, (vừa

được giải Hàn lâm viện năm nay), có phê bình gia Matthieu Galey.

Giới văn nghệ sĩ ở Pháp góp công vào công việc xuất bản thật là nhiều.

Alejo Carpentier

Đó là tiểu-thuyết-gia số một hiện nay của Cuba.

Ba mươi năm trước đây, ông ta sống ở Paris, tham gia vào phong trào siêu thực của André Breton. Bây giờ, ông trở lại Paris, làm cố vấn văn hóa cho tòa đại sứ Cuba tại Pháp.

Hoặc có kẻ nghi ngờ, cho rằng một nghệ sĩ siêu thực mà cộng tác với chính quyền, e không chịu nổi vòng cương tỏa chằng? Khỏi lo. A. Carpentier đã từng điều khiển nhà xuất bản quốc gia của Cuba suốt bốn năm rưỡi.

Làm văn nghệ sĩ thì kể lể về thành tích xuất bản chẳng ăn thua gì. Bởi vậy ta không sợ A. Carpentier nói khoác. Theo lời ông, trong 4 năm rưỡi hành nghề, ông ta đã in ra bảy triệu rưỡi cuốn sách. Nên biết rằng dân số Cuba chỉ có bảy triệu người, cho nên con số ấn phẩm ấy đáng sợ. Dĩ nhiên, ông Carpentier tính luôn cả sách giáo khoa, sách xưa tái bản, đủ thứ trong đó; tuy vậy một mình ông làm cho mỗi người dân Cuba có hơn một cuốn sách cầm trên tay, thế thì ông đáng làm cố vấn chính phủ lắm.

Ông cũng bảo rằng trước kia văn sĩ ở Cuba không bao giờ in mỗi tác phẩm quá 1.500 cuốn, mà hầu hết đều phải bỏ tiền túi ra in, chứ chẳng có ma nào xuất bản cho. Ngày nay các hội viên của Hiệp hội nhà văn Cuba được nhà Xuất bản quốc gia in sách cho, mỗi tác phẩm ít nhất in 20.000 cuốn. Các nhà văn ở

ngoài hội, cố nhiên không được như vậy.

Về sách cổ điển, nguyên một bộ *Don Quichotte* của Cervantès bốn tập, in ra đến 100.000 bộ, bán giá một đô la mỗi bộ.

Chúng ta không được biết ngoài khoảng thời gian là bốn năm rưỡi của A. Carpentier, tình hình văn nghệ Cuba có diễn tiến đẹp đẽ như vậy chẳng. Cứ theo lời ông, nhà nước mà được sự cộng tác của một nhân vật văn nghệ như thế thì quí giá quá.

Nhà văn người là ai?

— Bản chất tôi là chó. (*Par nature, je suis chien*). Irène Monési, nữ sĩ được giải Femina đã trả lời như vậy. Ý bà muốn nói tách mình rất yêu thú vật, yêu chó và yêu mèo. «Tôi là một con chó tôi làm tôi tớ hơn là làm chủ. Tôi cần có một người chủ. Mèo là ông già. Chúng nó có tám mươi tuổi, con chó thích mèo. Là chó, không bao giờ già hơn mười lăm tuổi (Tâm lý).» Bà còn nói dông dài, lảm càm, thêm nhiều nữa về mèo với chó.

Trước khi được giải Femina, mỗi tác phẩm của bà trung bình bán được gần năm trăm cuốn!

Tôi sợ không còn ra người

Khi Marie-Claire Blais được giải Médicis năm ngoái, Guy Le Clec'h có đến hỏi thăm bà thích tiểu-thuyết-nổi chằng.

Bà bảo món đó rất hay, nhưng bà không dám viết thử. «Tôi sợ mình mất đi tính cách nhân bản».

Gớm! thật lảm chuyện. Bất quá, mất tính người, thì trở về bản chất của bà Irène Monési là cùng chứ gì mà sợ?